

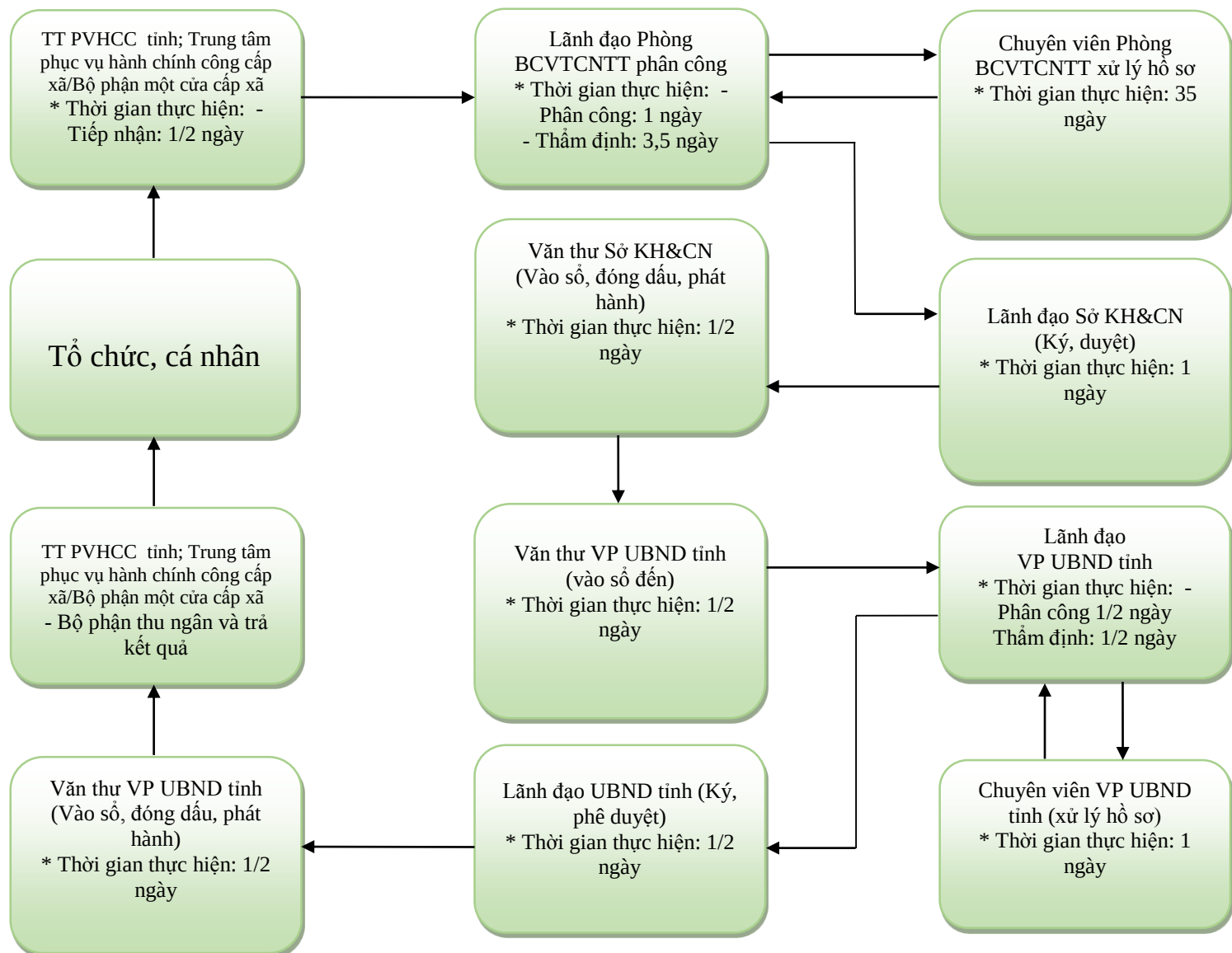
Phụ lục II (Danh mục thủ tục hành chính phân cấp)
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHI ĐỊA GIỚI
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

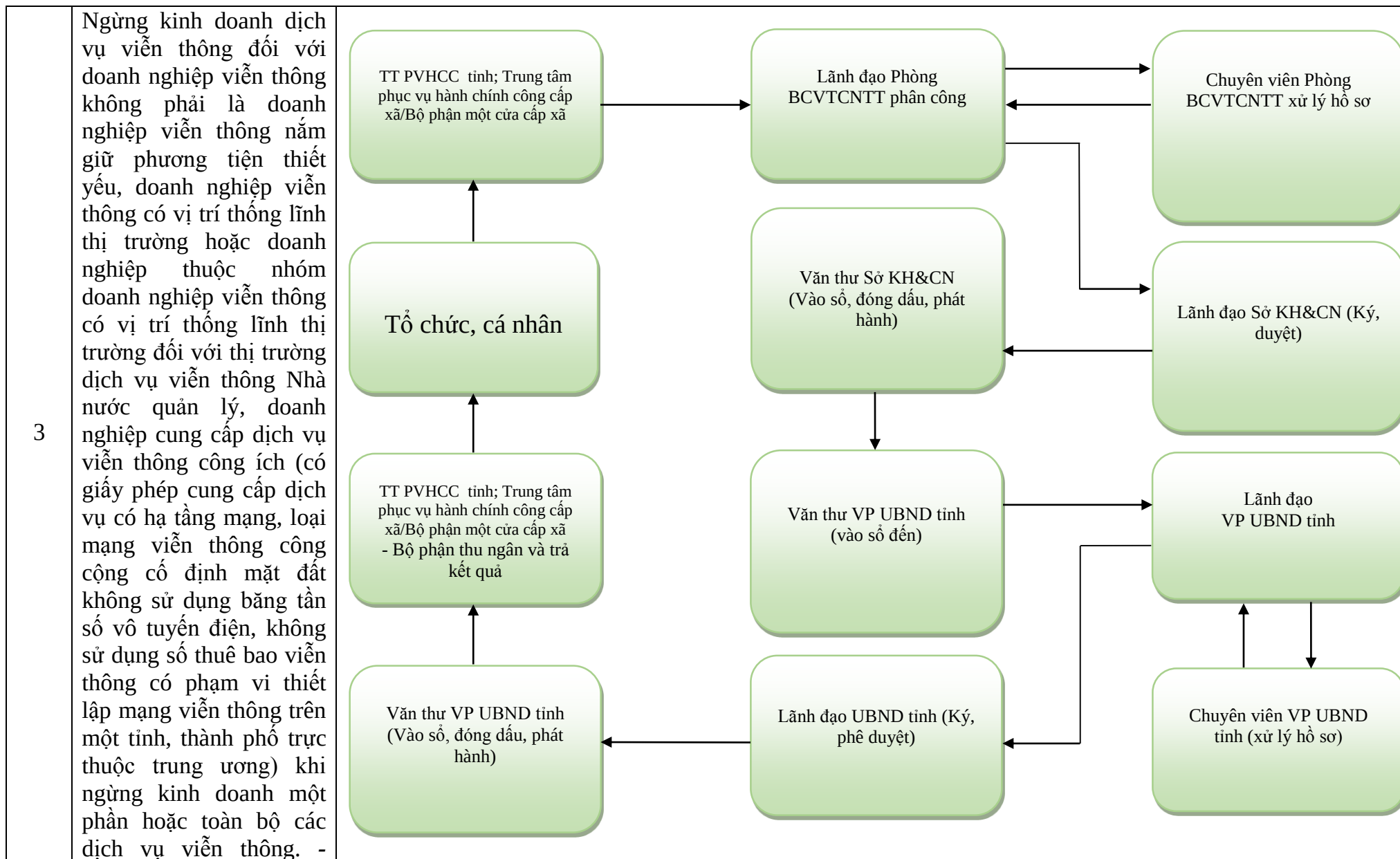
STT	Tên TTHC	Quy trình nội bộ giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET (24 TTHC)	
1	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương Thời hạn giải quyết: Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Mã TTHC: 1.013819.H35	<pre> graph TD A["TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian thực hiện: - Tiếp nhận: 1/2 ngày"] --> B["Lãnh đạo Phòng BCVCNTT phân công * Thời gian thực hiện: - Phân công: 1 ngày - Thẩm định: 3,5 ngày"] B --> C["Chuyên viên Phòng BCVCNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 35 ngày"] C --> D["Lãnh đạo Sở KH&CN (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 1 ngày"] D --> E["Văn thư VP UBND tỉnh (vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày"] E --> F["Lãnh đạo UBND tỉnh (Ký, phê duyệt) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày"] F --> G["Chuyên viên VP UBND tỉnh (xử lý hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 1 ngày"] G --> H["Lãnh đạo VP UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: - Phân công 1/2 ngày Thẩm định: 1/2 ngày"] H --> I["Văn thư VP UBND tỉnh (vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày"] I --> J["Lãnh đạo Sở KH&CN (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 1 ngày"] J --> B J --> K["TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian thực hiện: - Tiếp nhận: 1/2 ngày"] </pre>

Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

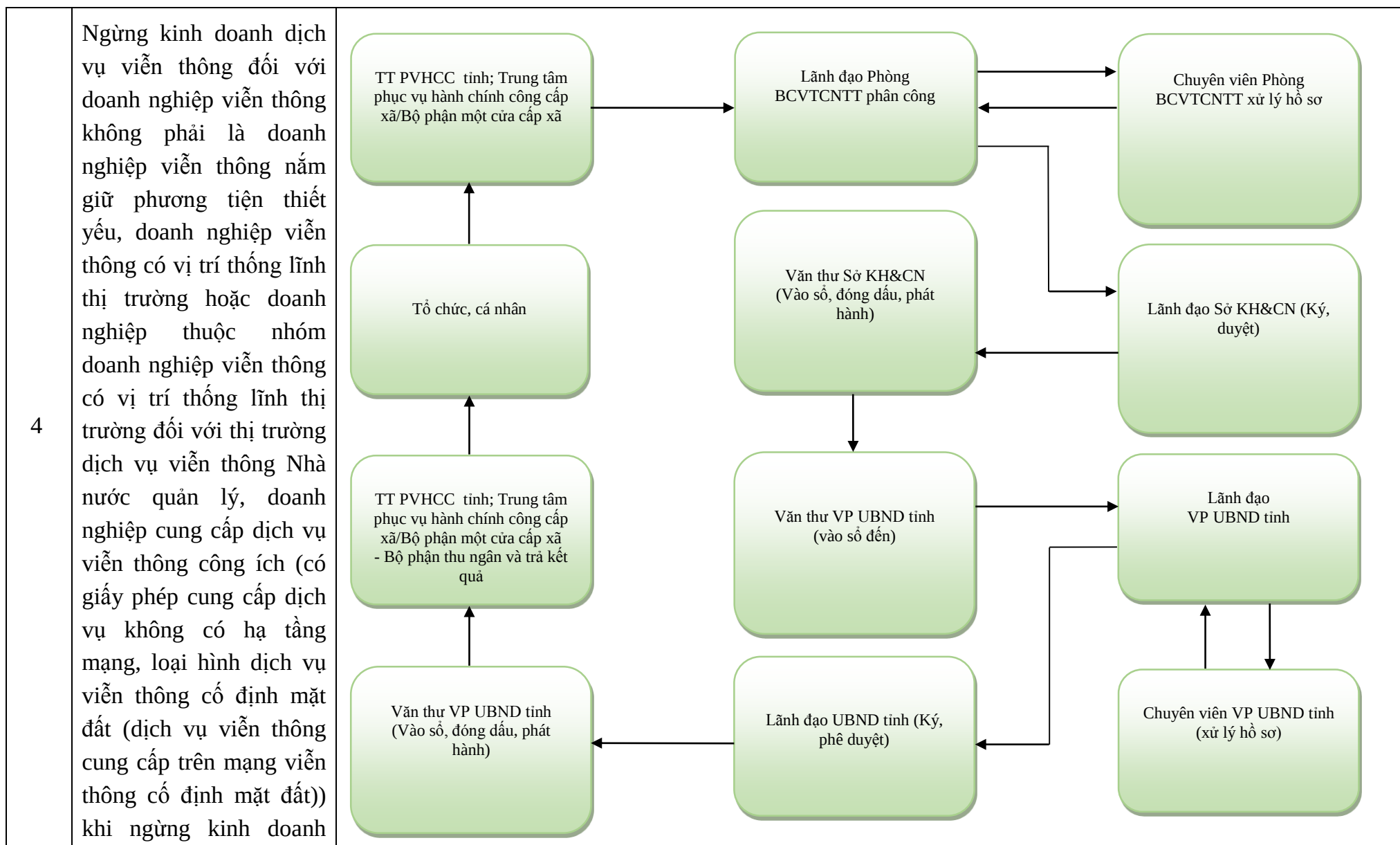
- **Thời hạn giải quyết:** Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Mã TTHC:
1.013877.H35





	<i>Thời hạn giải quyết:</i> Không có Mã TTHC: 1.013885.H35	
--	--	--



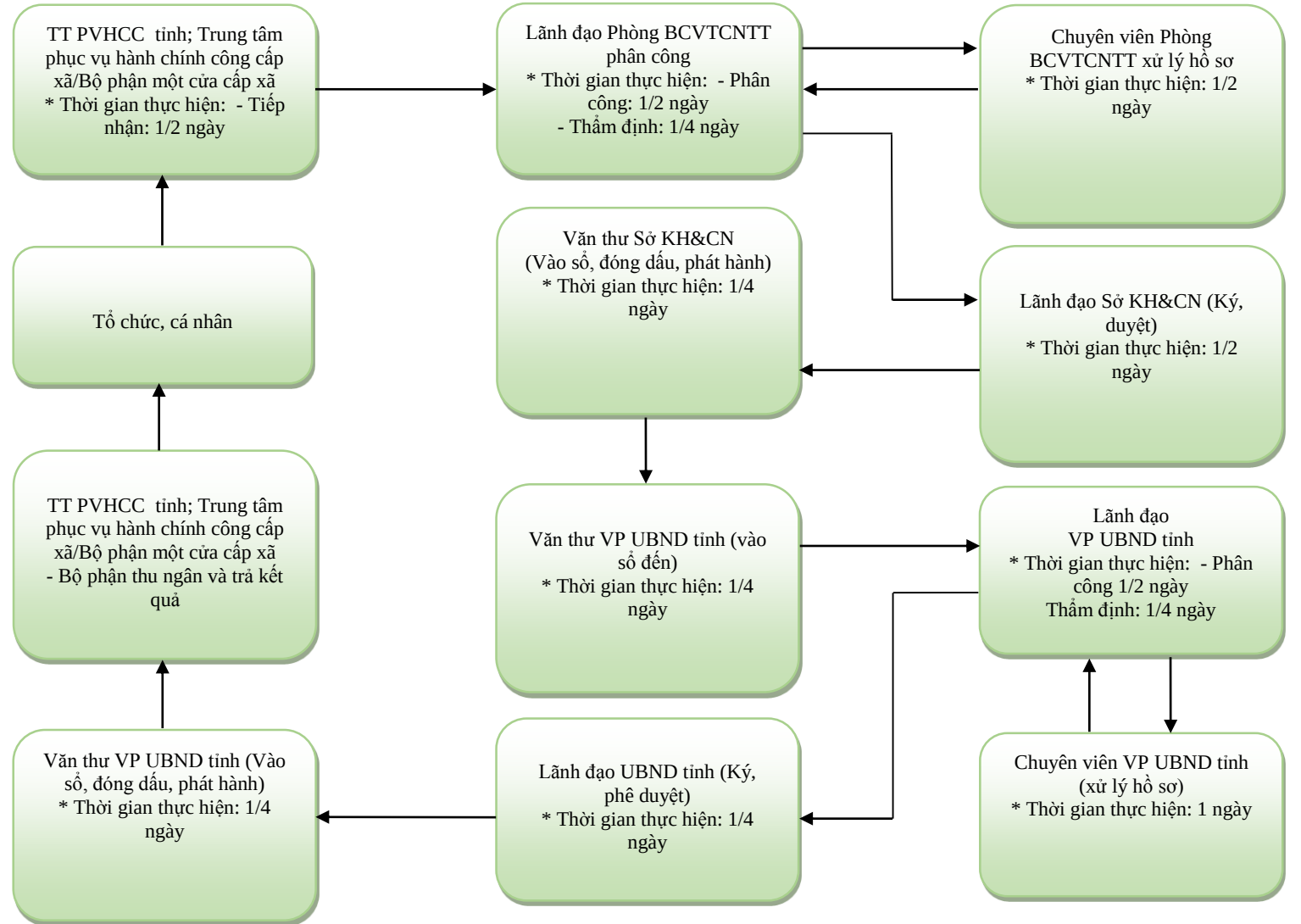
	một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông. - <i>Thời hạn giải quyết:</i> Không có Mã TTHC: 1.013888.H35	
--	--	--

5

Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.

- **Thời hạn giải quyết:**
05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC:
1.013912.H35



6

Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị.

- Thời hạn giải quyết:
03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Mã TTHC:
1.013897.H35

```
graph TD; A[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã  
* Thời gian thực hiện: - Tiếp nhận: 1/4 ngày] --> B[Lãnh đạo Phòng BCVT CNTT phân công  
* Thời gian thực hiện: - Phân công: 1/4 ngày  
- Thẩm định: 1/4 ngày]; B --> C[Chuyên viên Phòng BCVT CNTT xử lý hồ sơ  
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày]; C --> B; B --> D[Lãnh đạo Sở KH&CN (Ký, duyệt)  
* Thời gian thực hiện: 1/4 ngày]; D --> E[Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)  
* Thời gian thực hiện: 1/4 ngày]; E --> F[Văn thư VP UBND tỉnh (vào sổ đến)  
* Thời gian thực hiện: 1/4 ngày]; F --> G[Lãnh đạo UBND tỉnh (Ký, phê duyệt)  
* Thời gian thực hiện: 1/4 ngày]; G --> H[Văn thư VP UBND tỉnh (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)  
* Thời gian thực hiện: 1/4 ngày]; H --> I[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã  
- Bộ phận thu ngân và trả kết quả]; I --> J[Tổ chức, cá nhân]; J --> A;
```

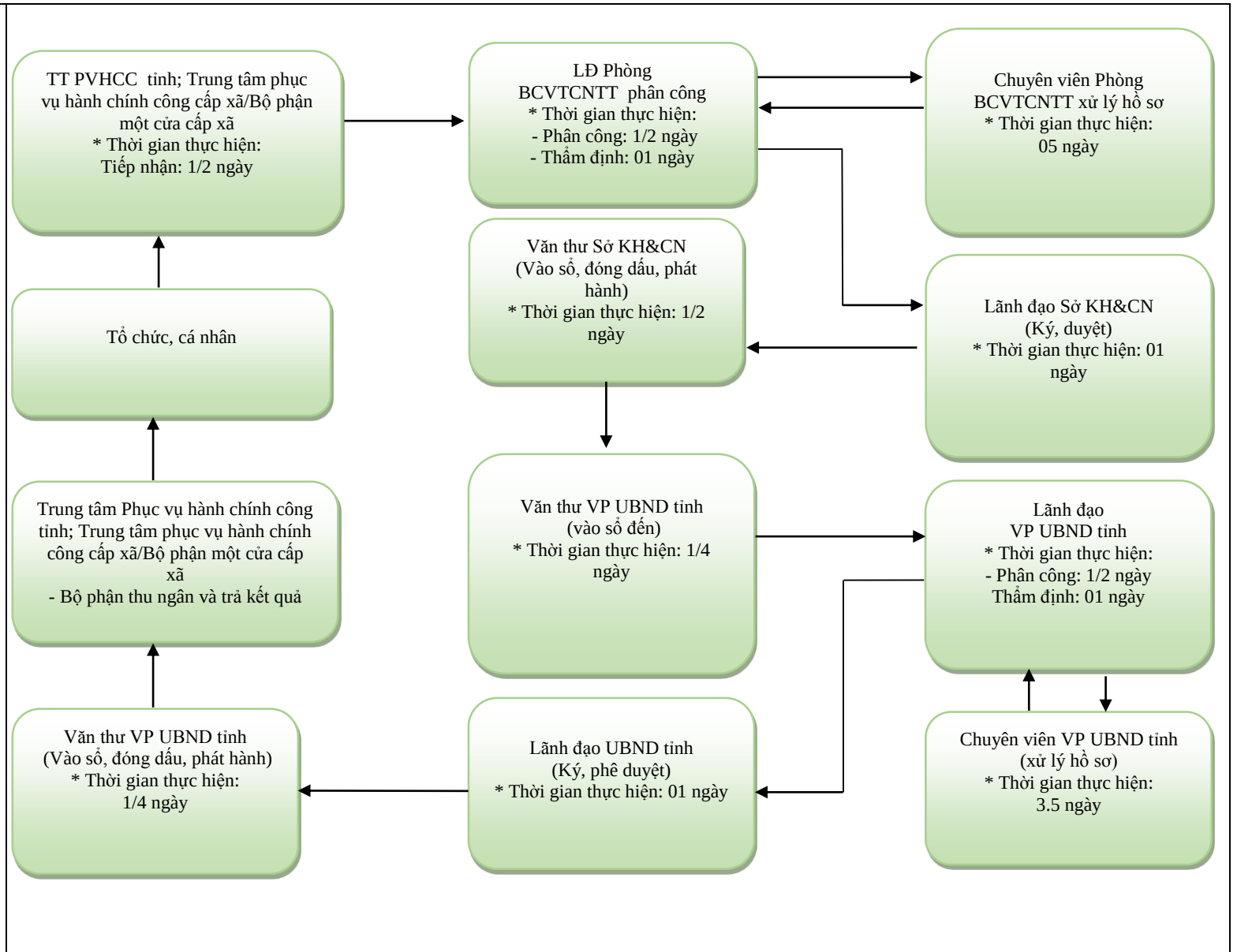
The flowchart illustrates the administrative procedure for providing telecommunications services to enterprises. It begins with the receipt of the application at the Provincial Public Service Center (TT PVHCC tỉnh). The process then moves to the Provincial Department of Information Technology (Phòng BCVT CNTT) for assignment and review. The Provincial Department of Science and Technology (Sở KH&CN) then reviews and approves the application. The Provincial People's Committee (UBND tỉnh) also reviews and approves the application. Finally, the Provincial Public Service Center (TT PVHCC tỉnh) issues the service to the applicant. The entire process takes 03 working days from the date of receipt of the complete application.

7

Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC:
1.013899.H35

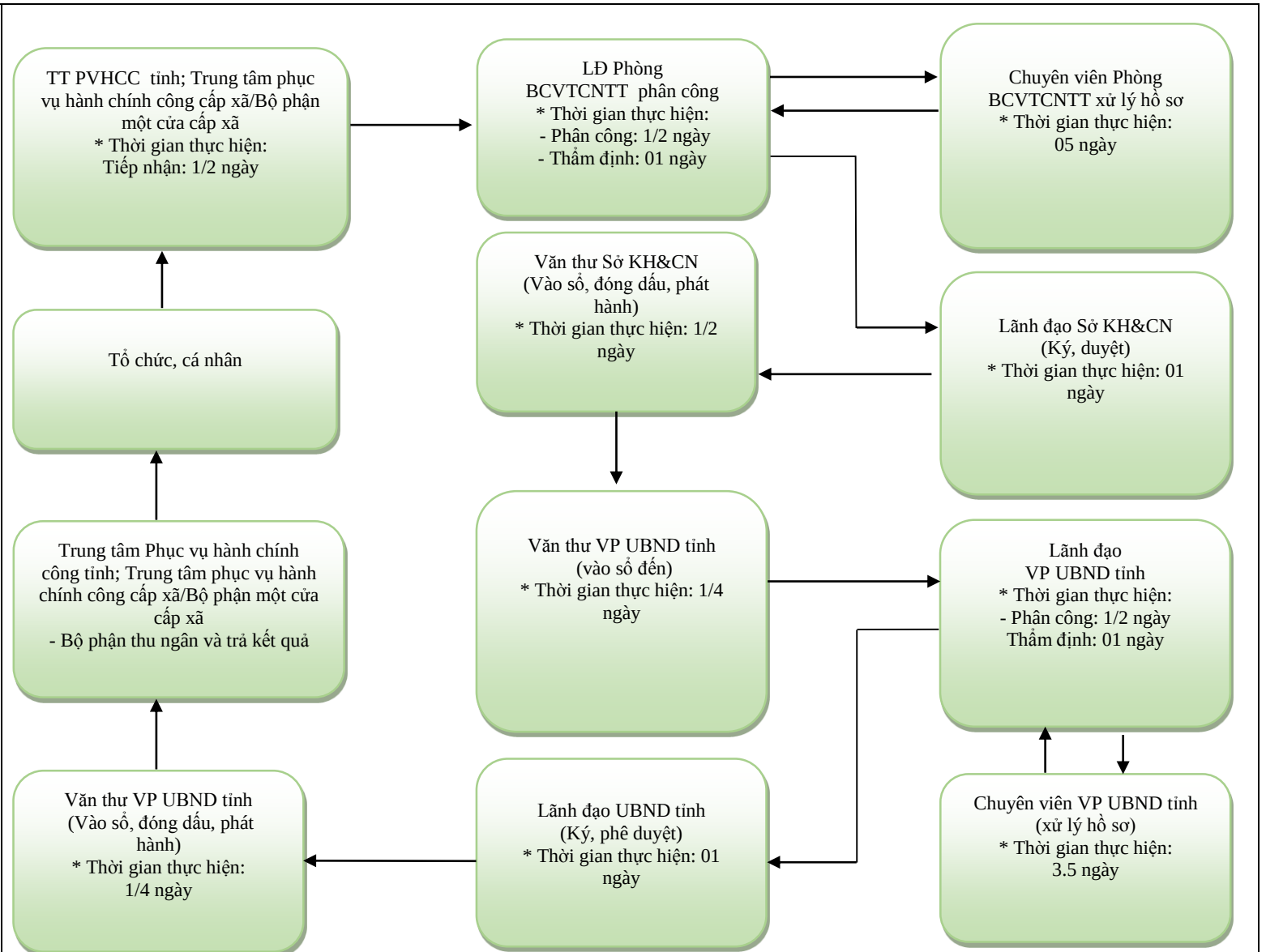


8

Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ

Mã TTHC:
1.013900.H35

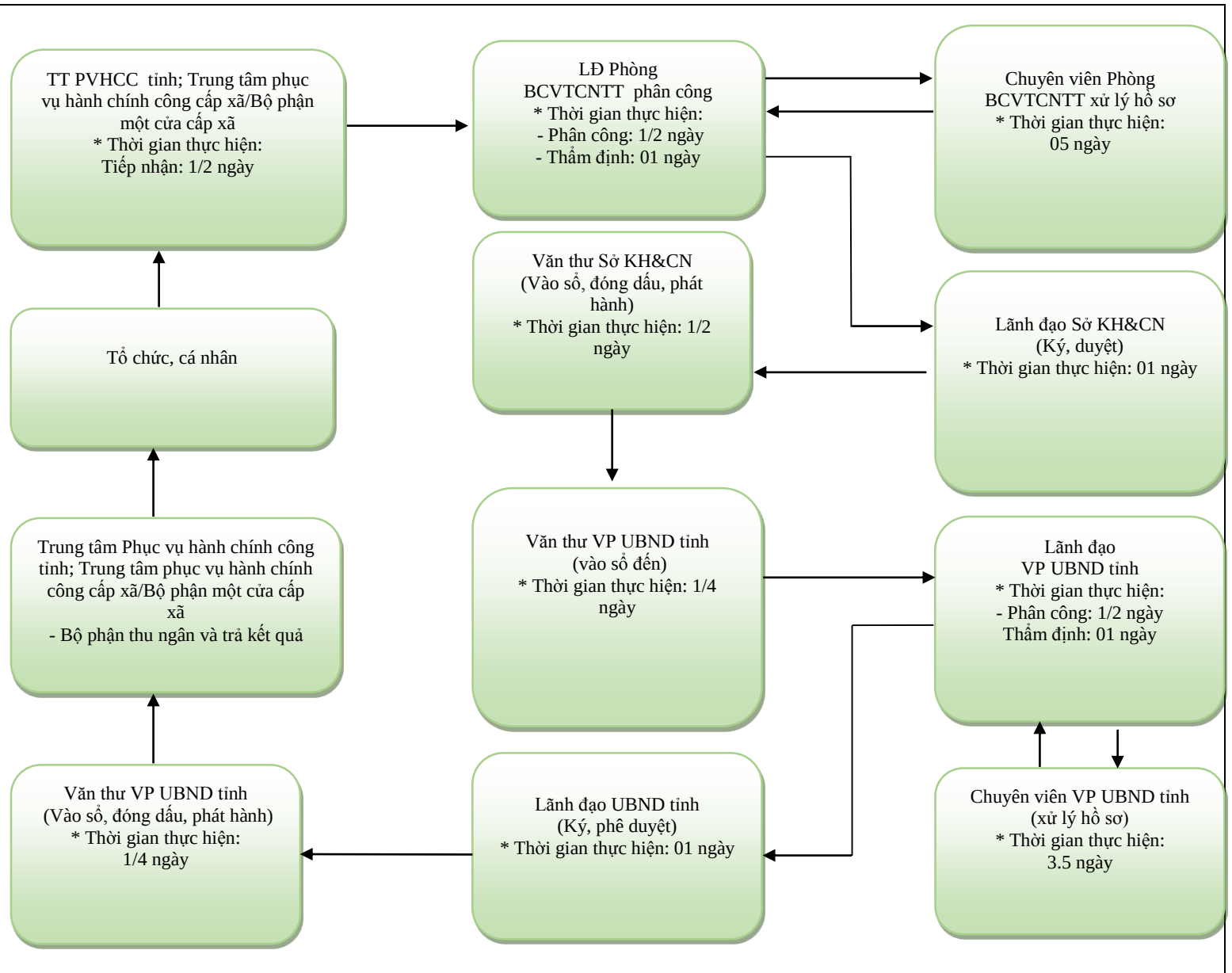


9

Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC:
1.013901.H35

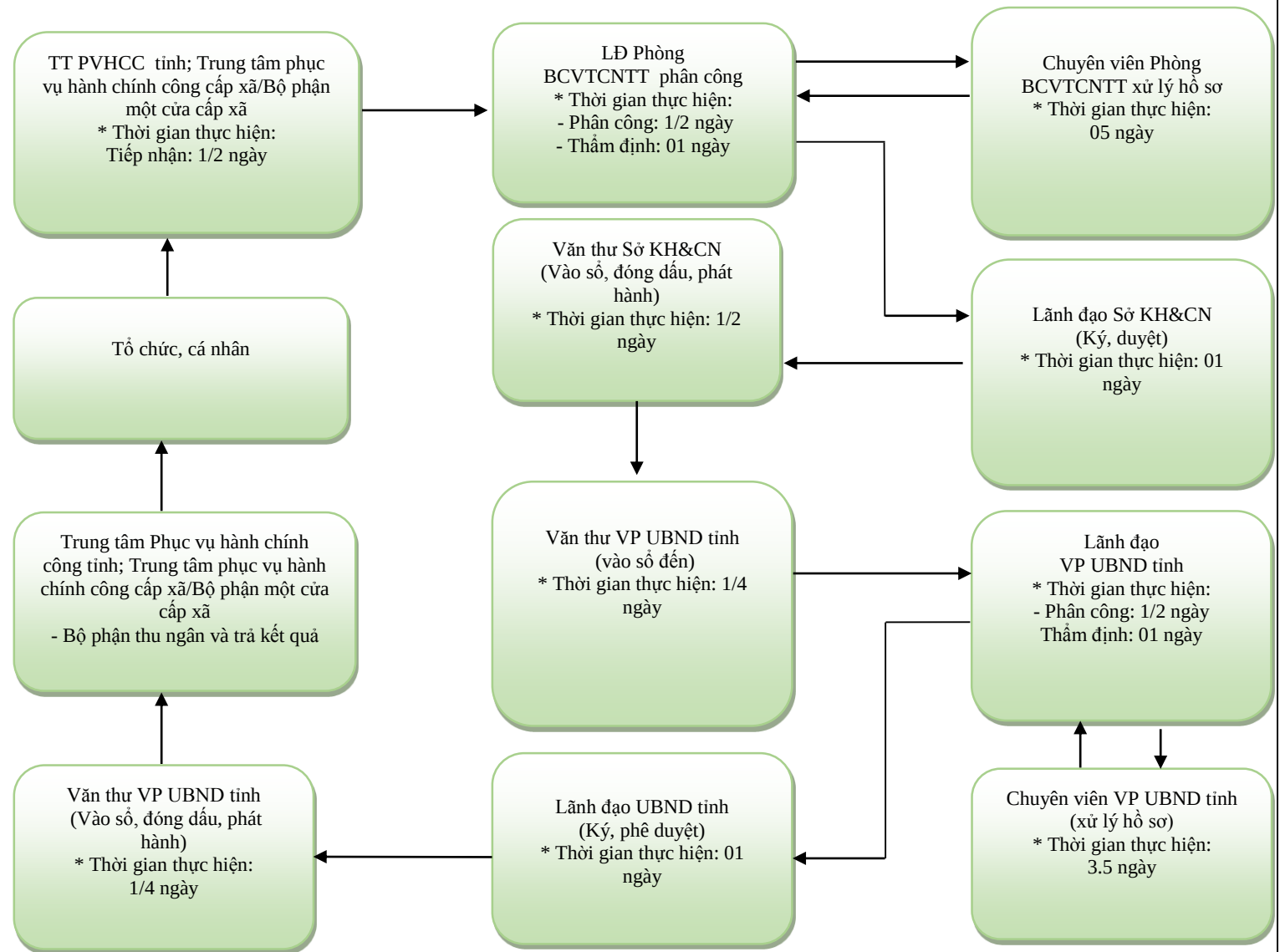


10

Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC:
1.013902.H35

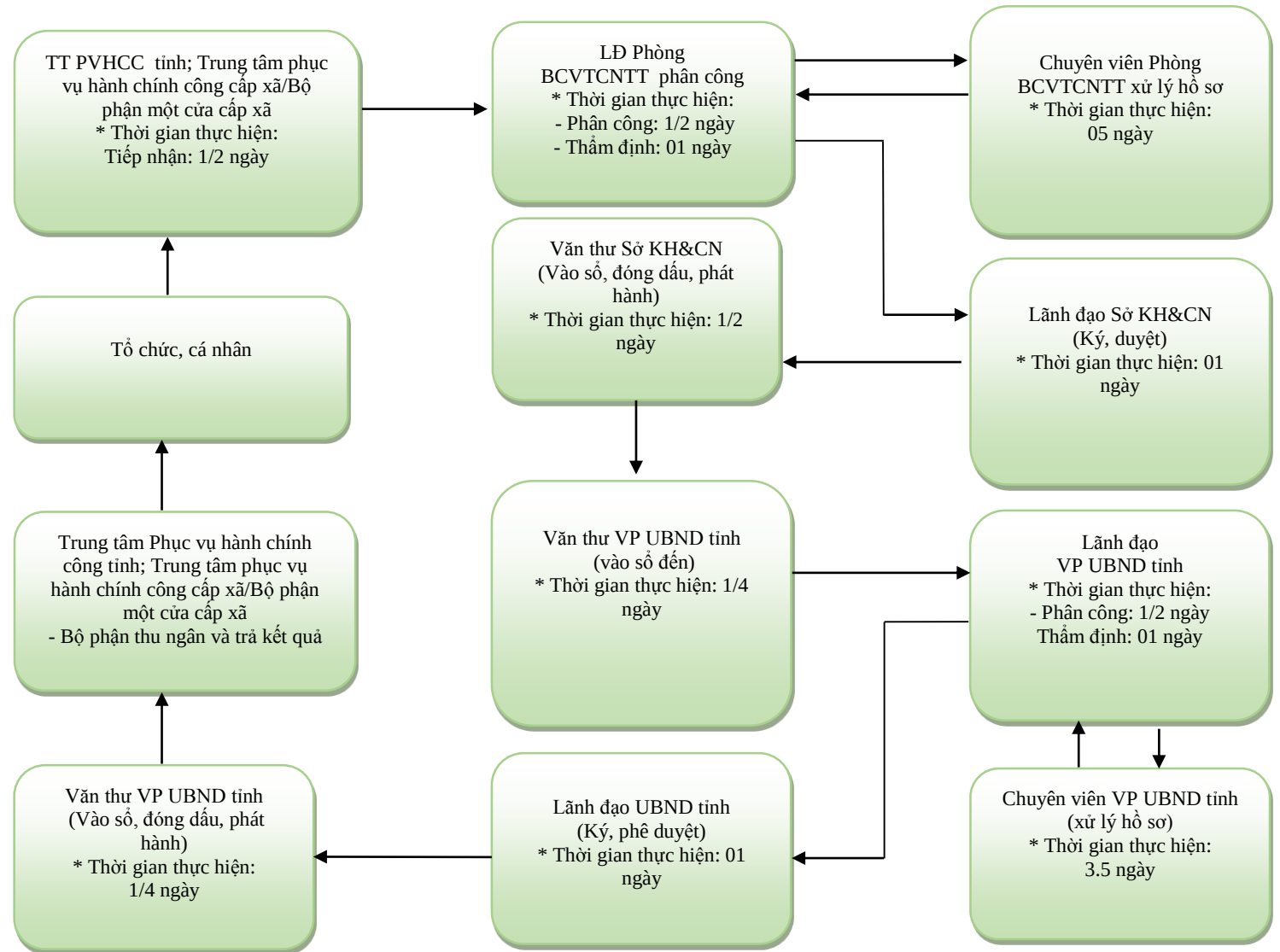


11

Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC:
1.013903.H35

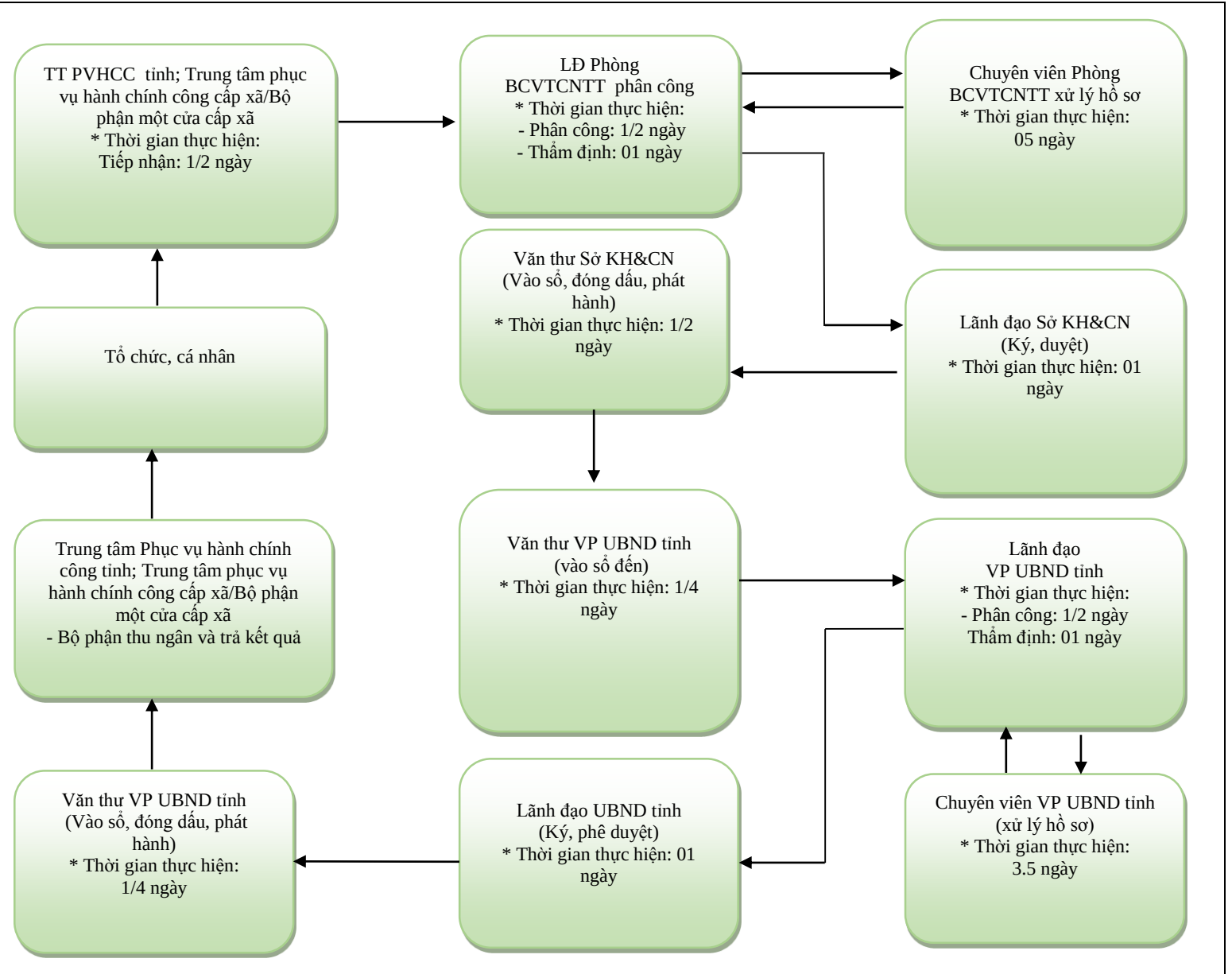


12

Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC:
1.013904.H35

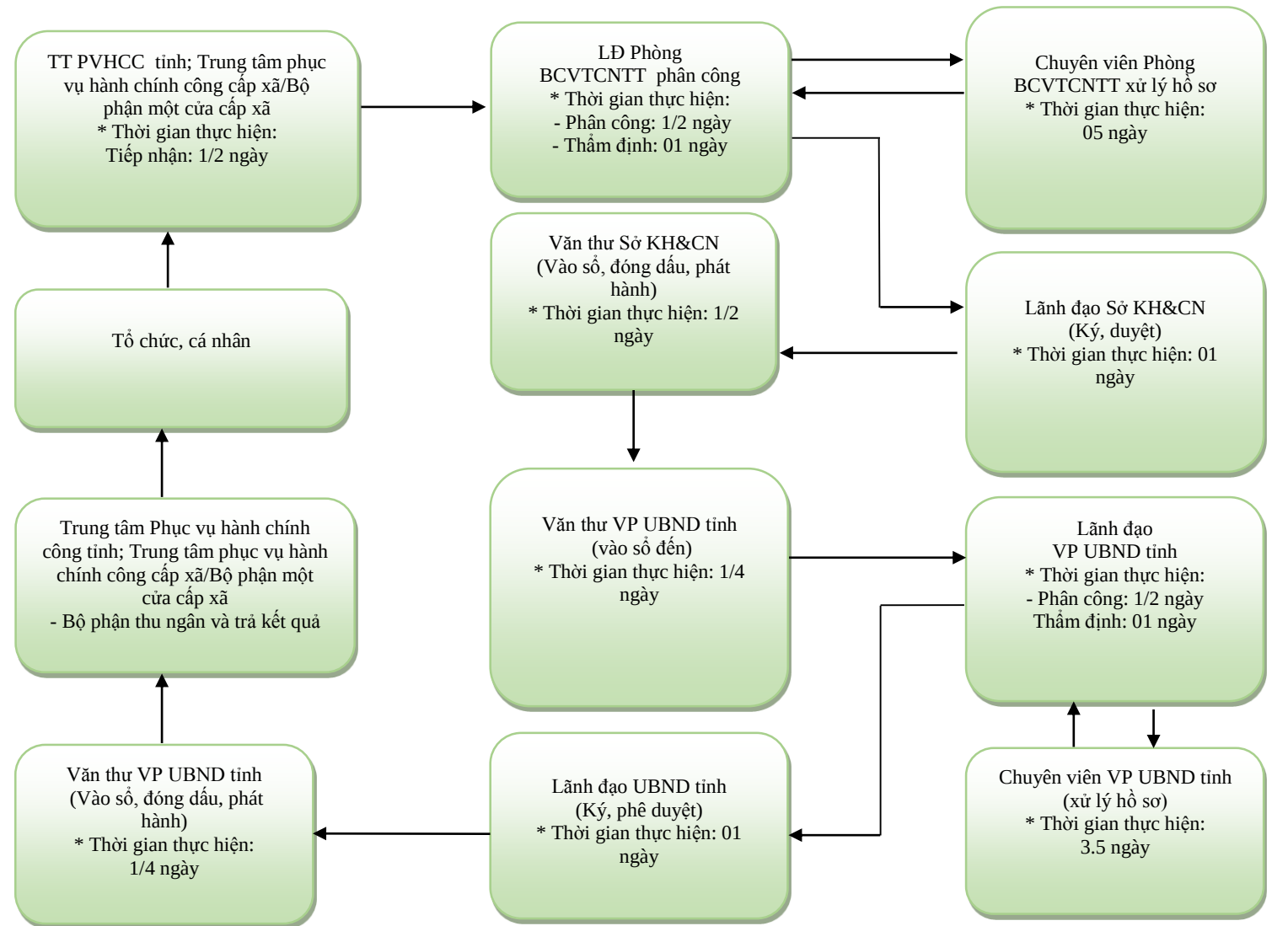


13

Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC:
1.013905.H35

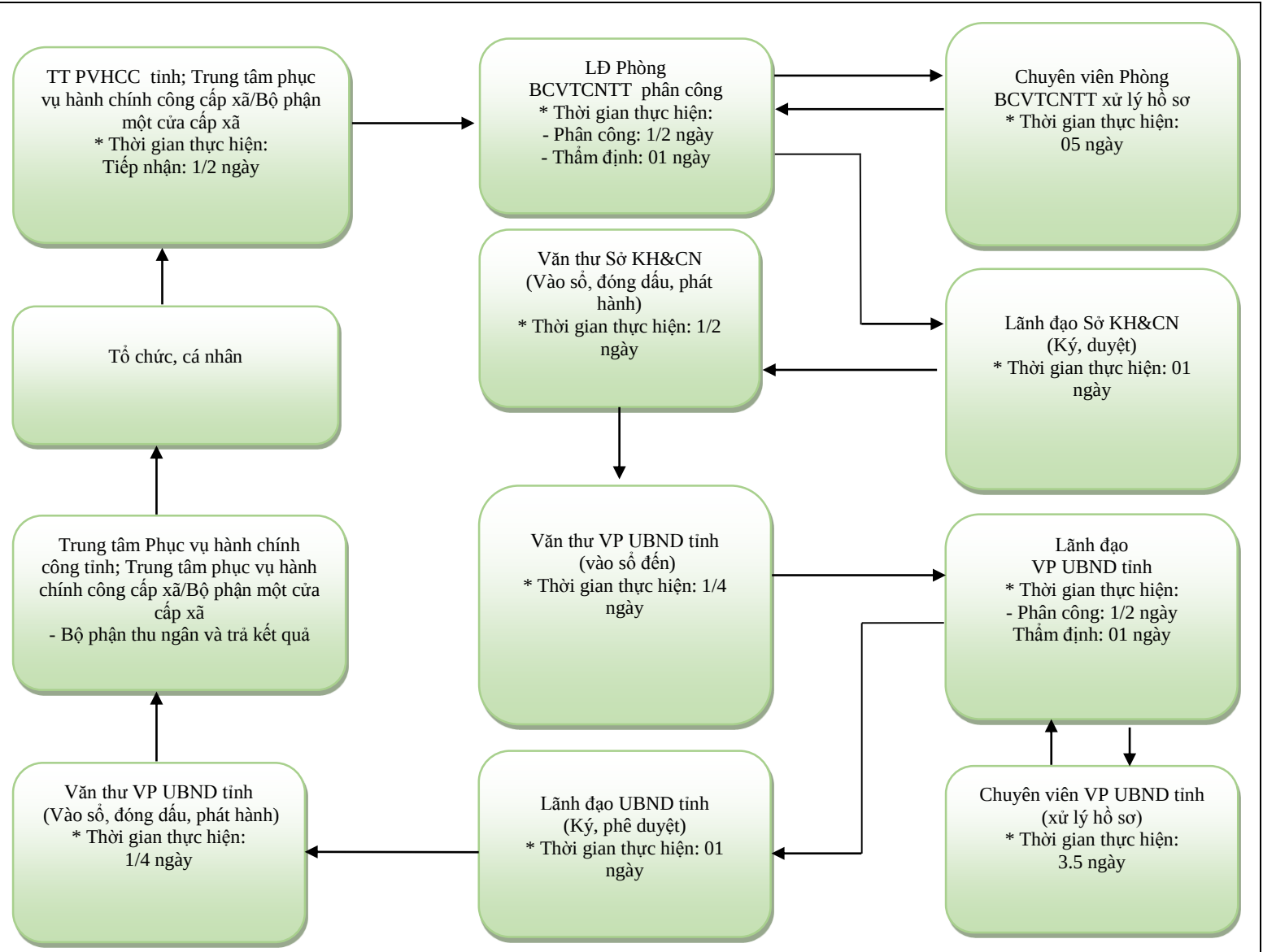


15

Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC:
1.013907.H35

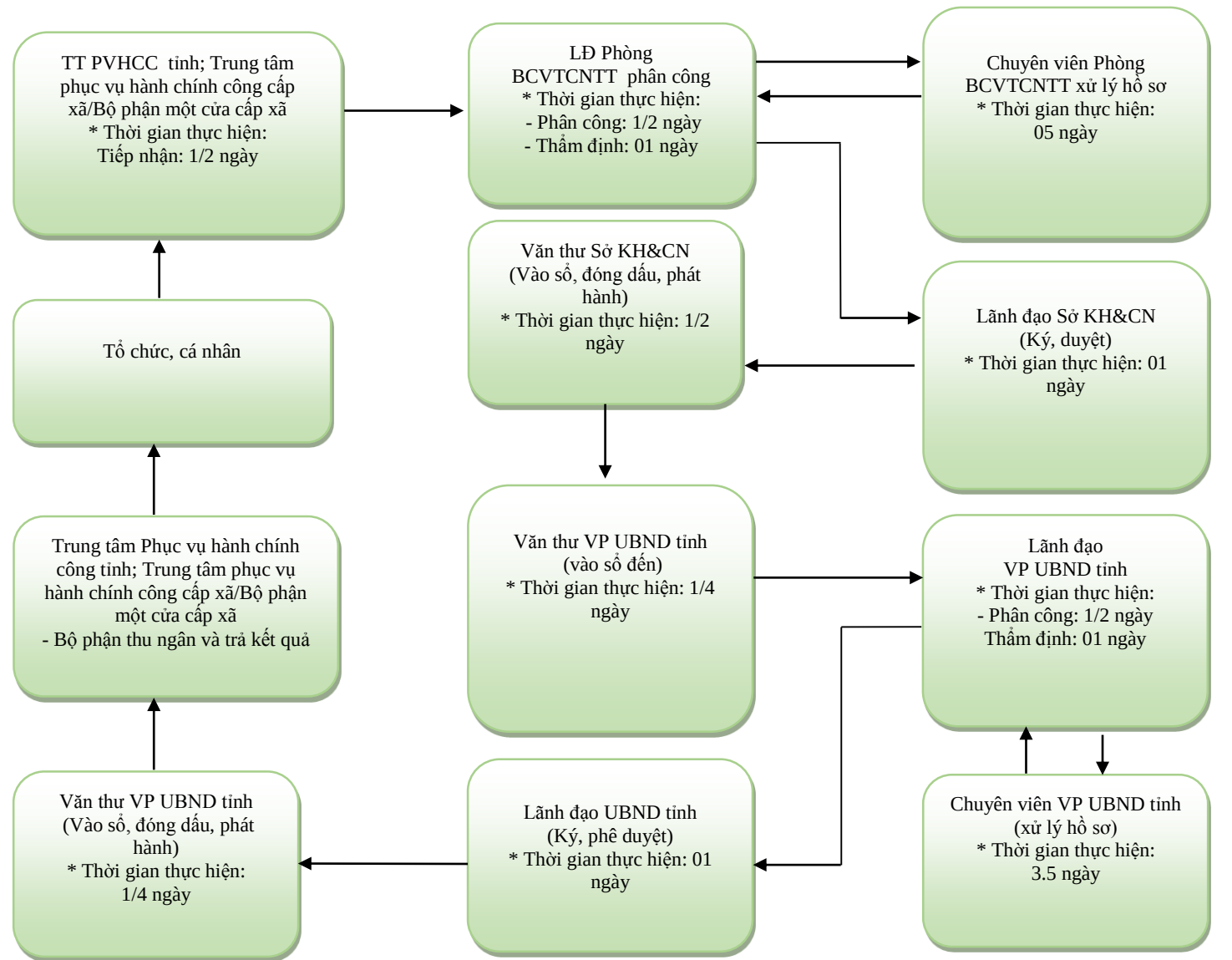


16

Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ

Mã TTHC: 1.013976.H35

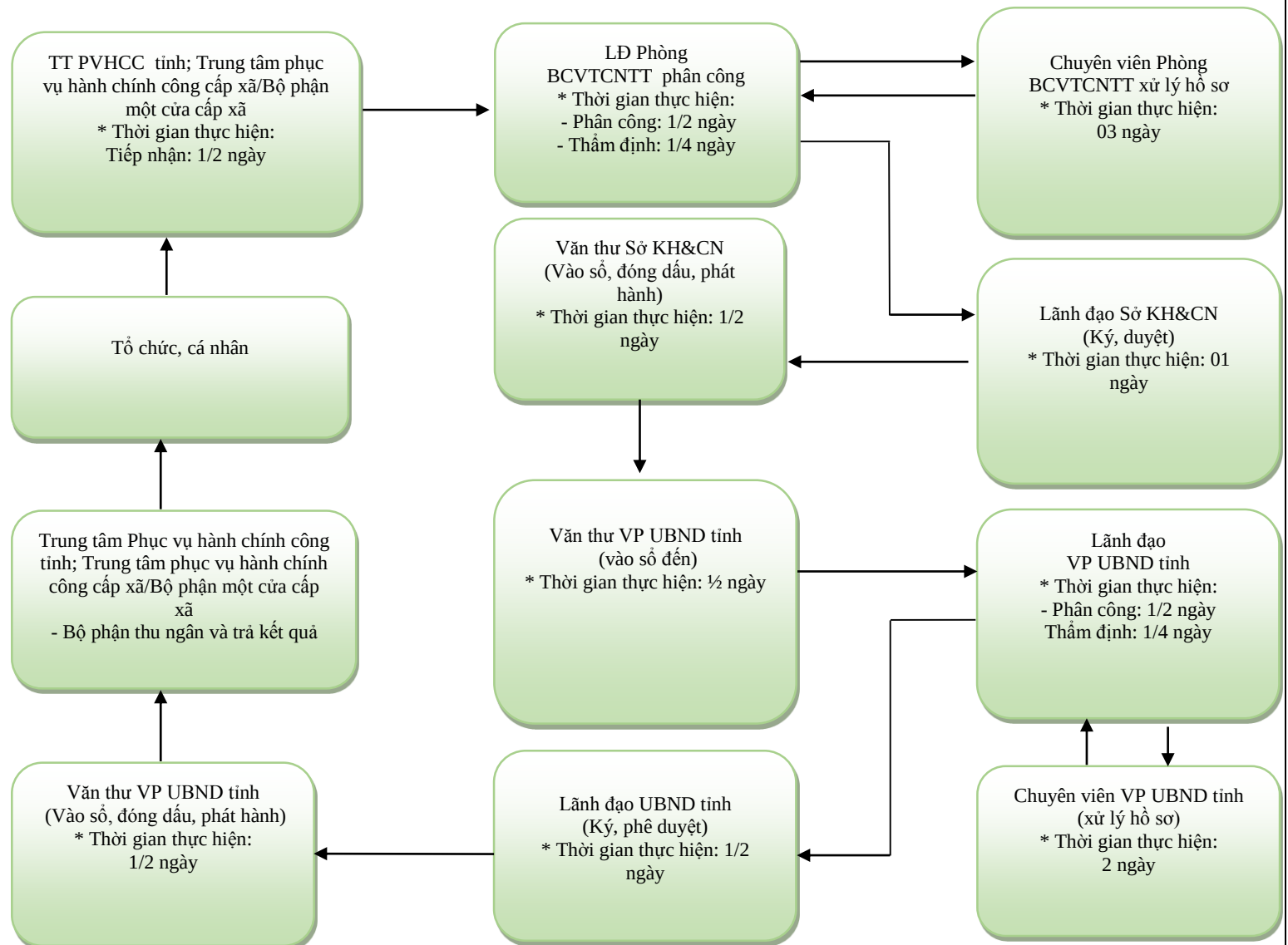


17

Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.

Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Mã TTHC:
1.013908.H35

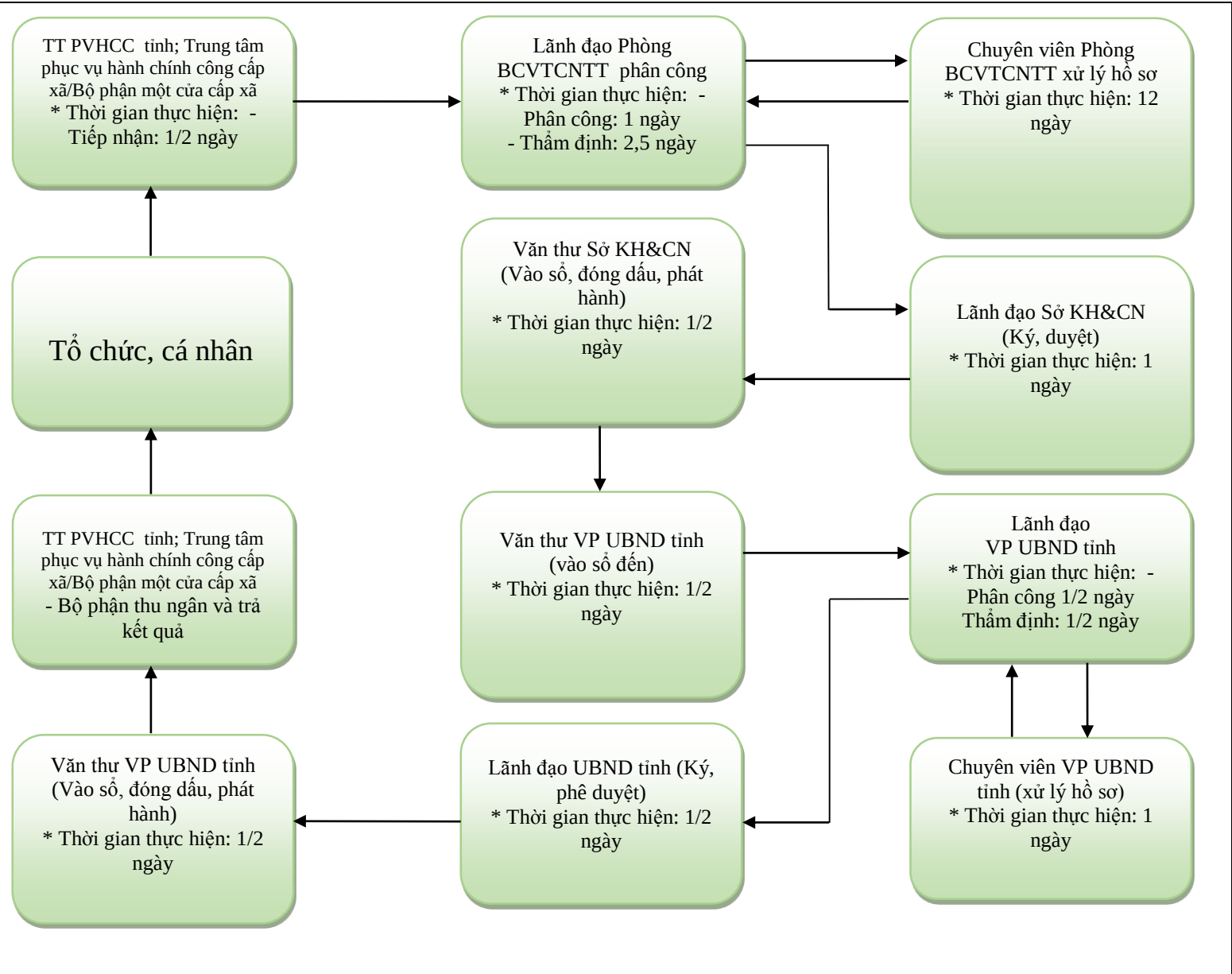


19

Cấp giấy chứng nhận
đăng ký kết nối để cung
cấp dịch vụ nội dung
thông tin trên mạng viễn
thông di động.

Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Mã TTHC:
1.013913.H35

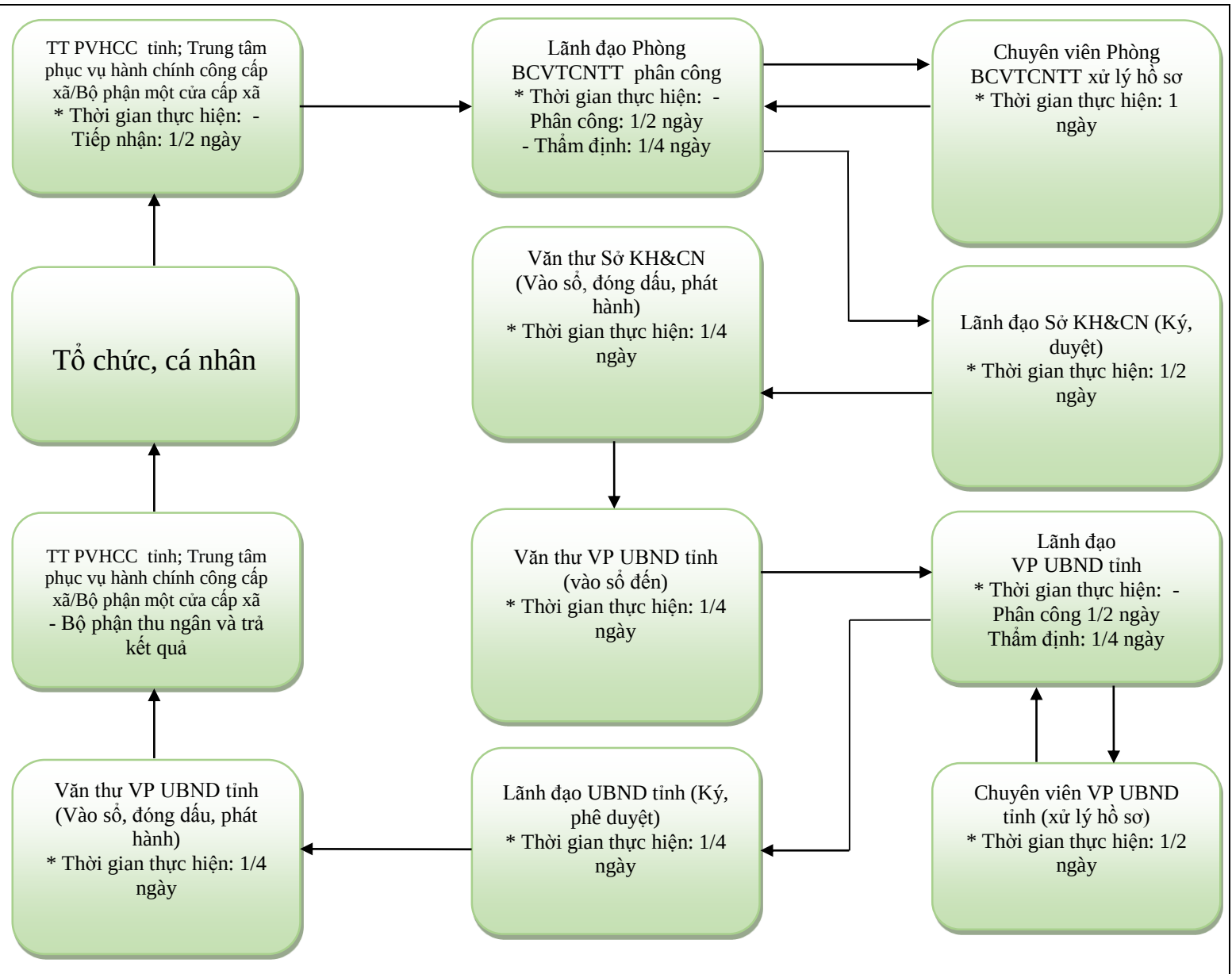


20

Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ

Mã TTHC:
1.013914.H35

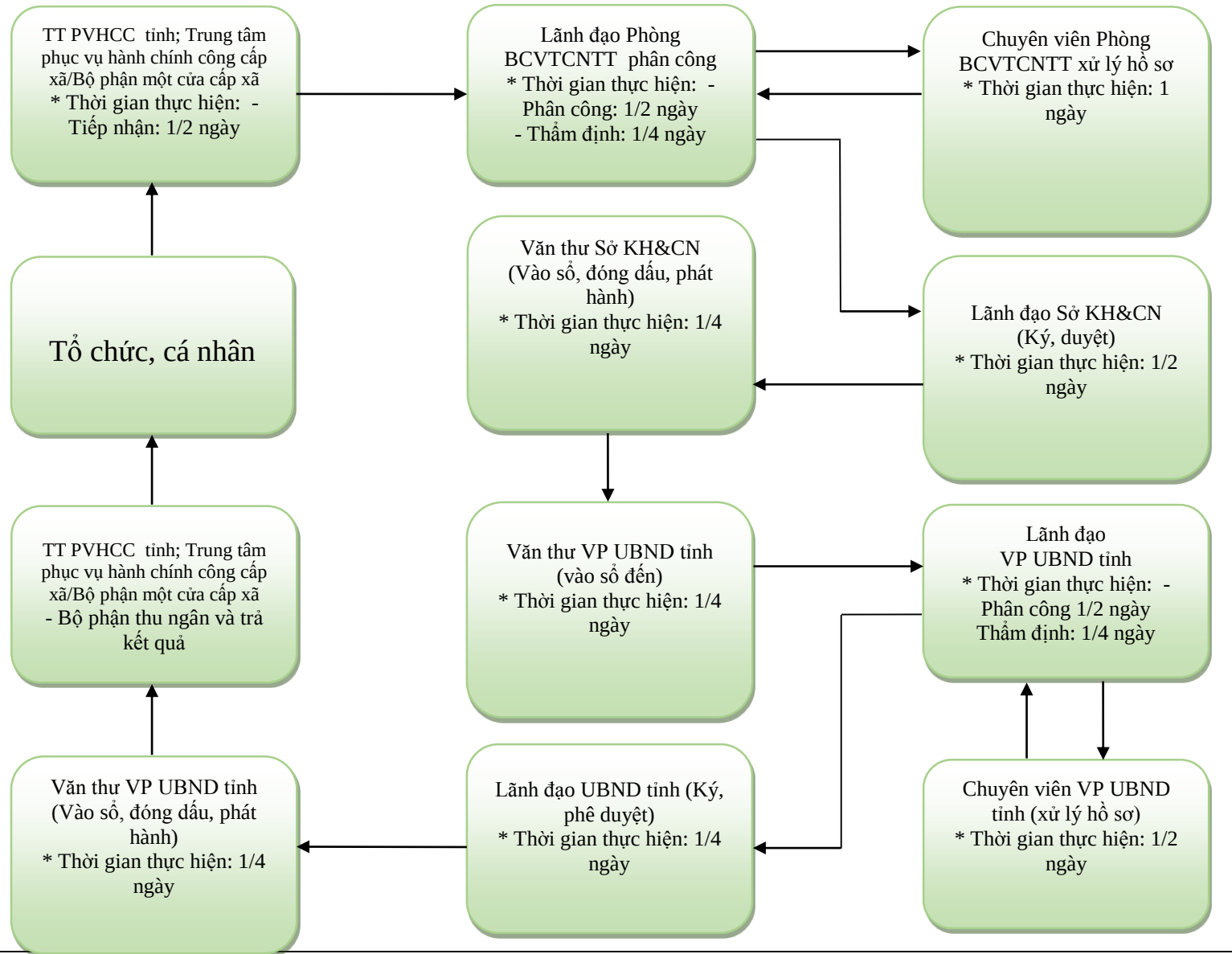


21

Gia hạn chứng nhận
đăng ký kết nối để cung
cấp dịch vụ nội dung
thông tin trên mạng viễn
thông di động.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ

Mã TTHC:
1.013915.H35

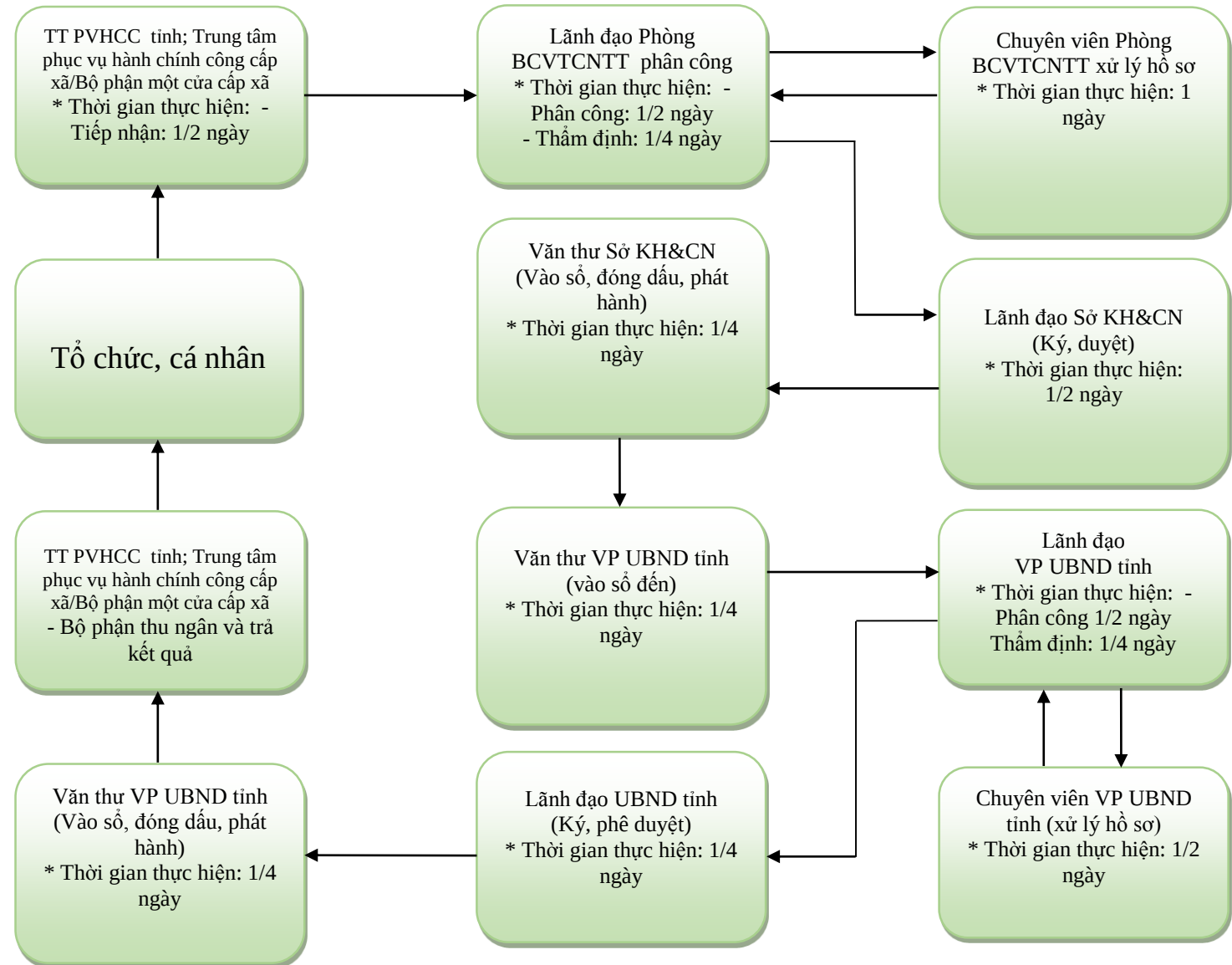


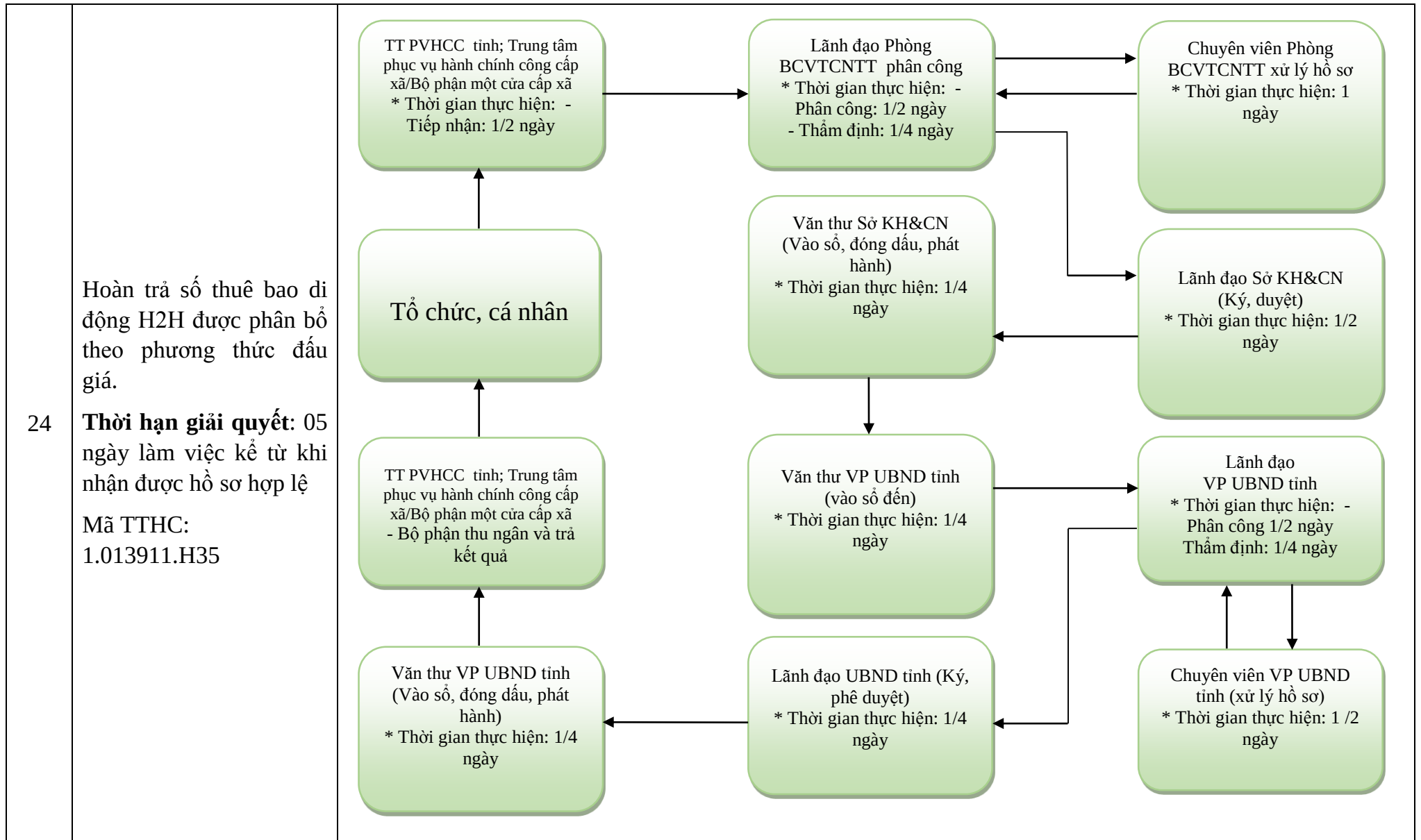
23

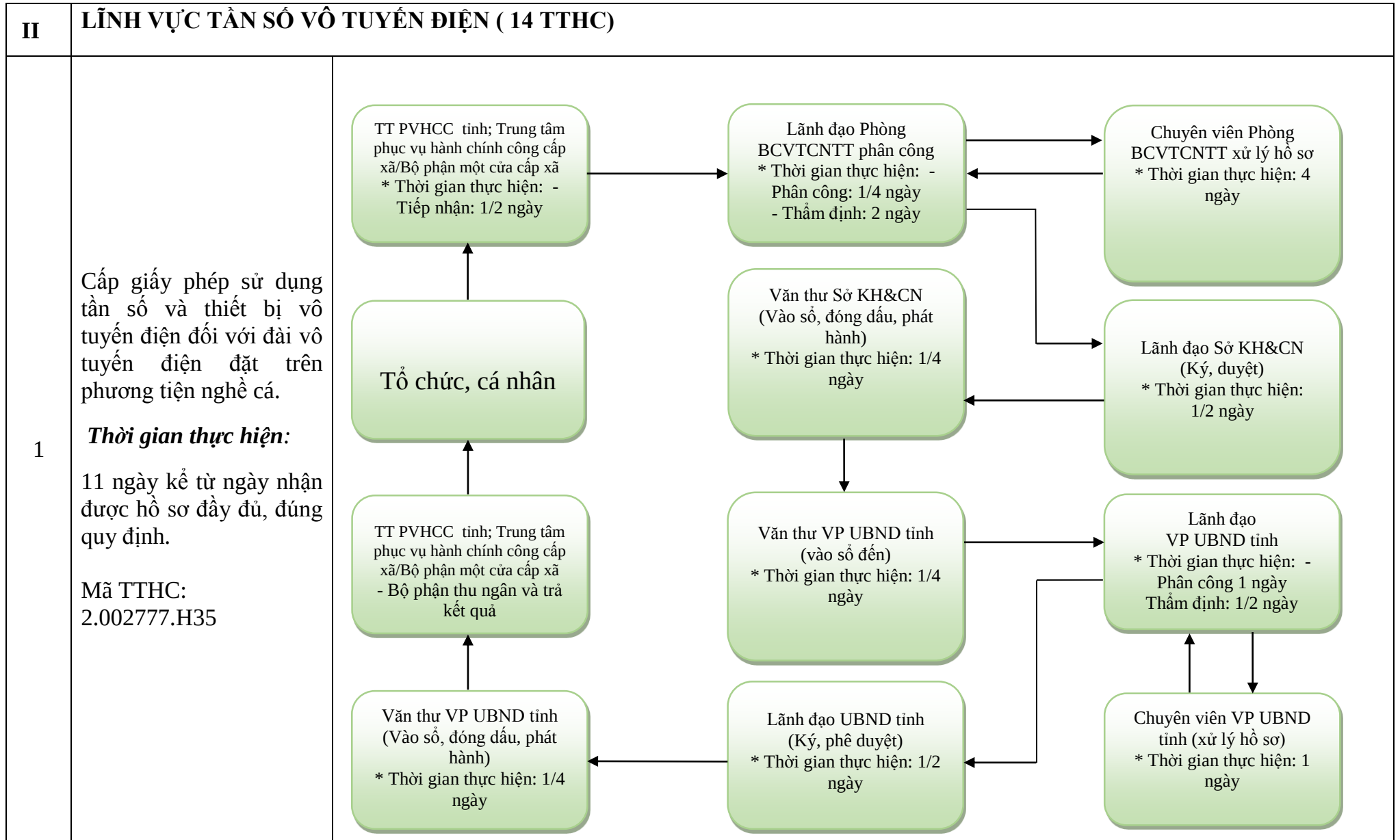
Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá.

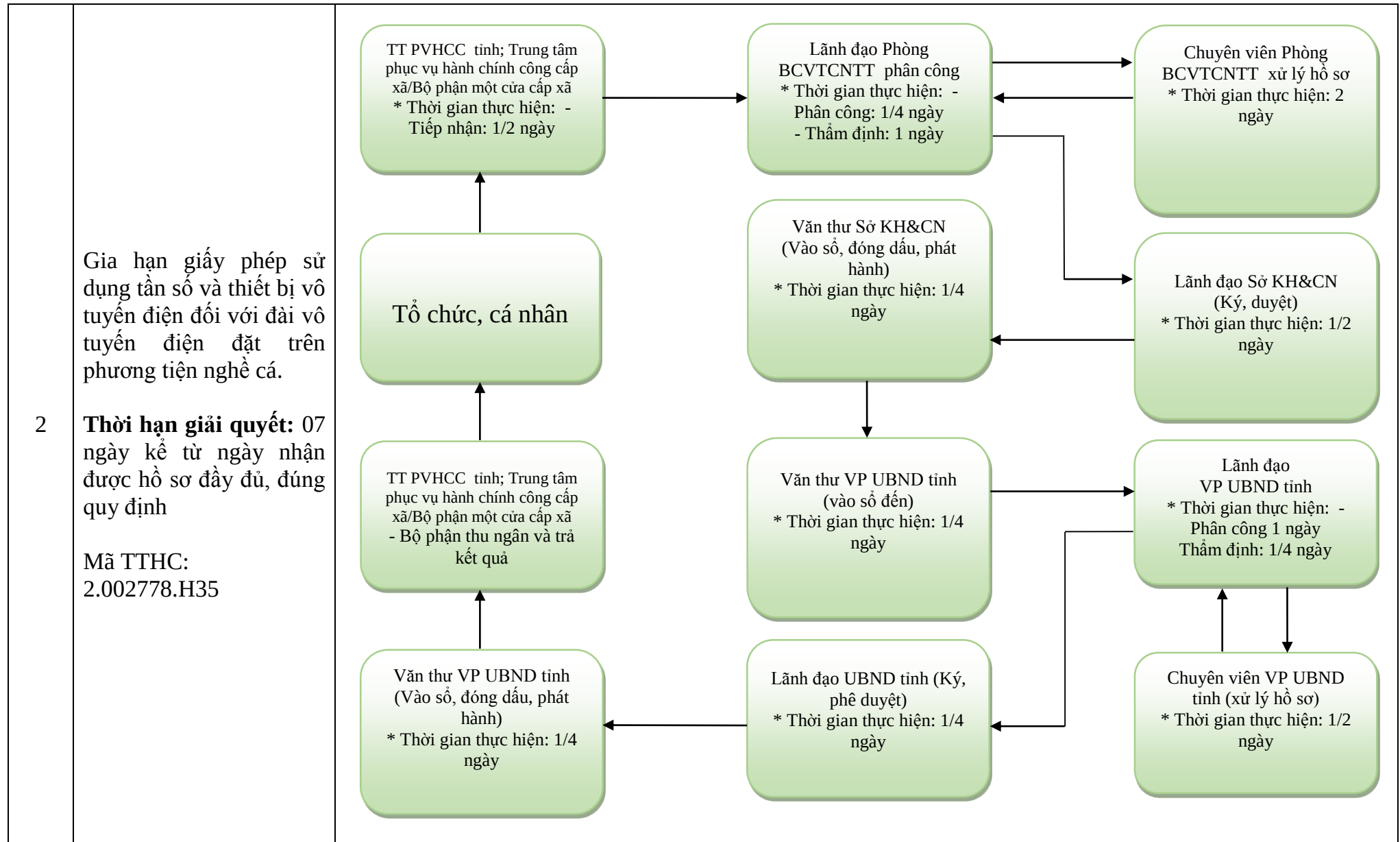
Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ

Mã TTHC:
1.013910.H35









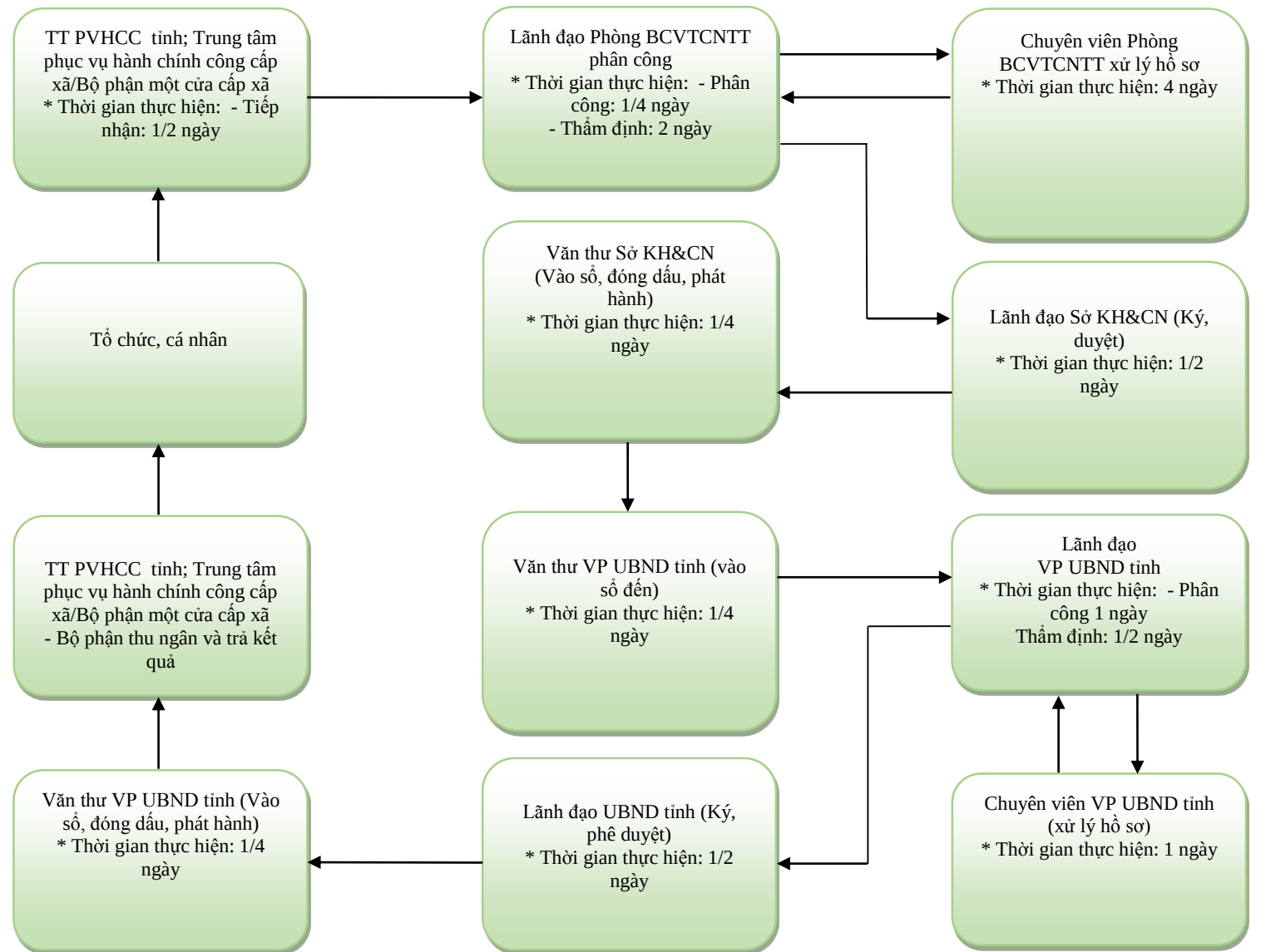
4

Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghệ cá.

- **Thời gian thực hiện:**

11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định

Mã TTHC:
2.002779.H35

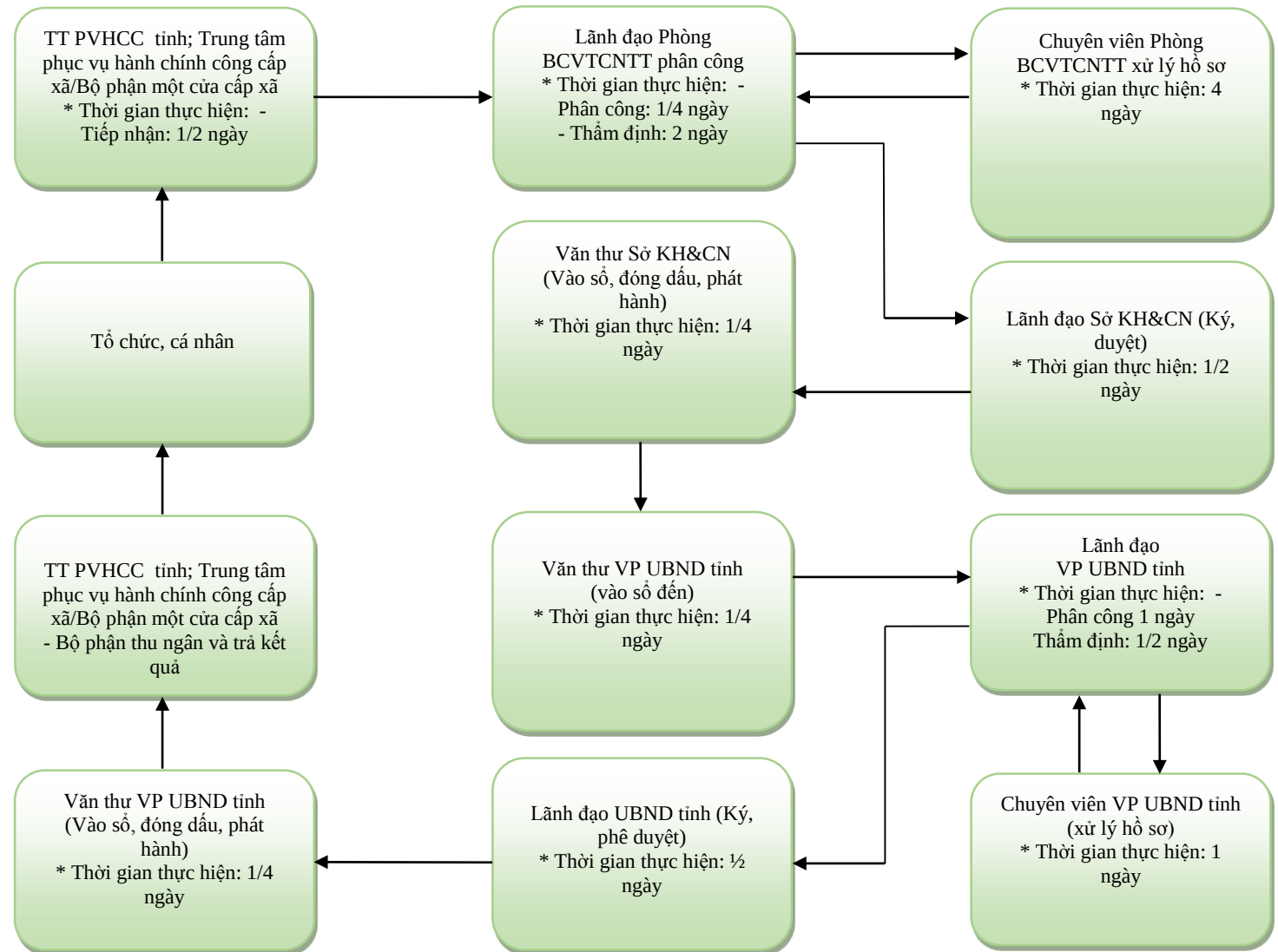


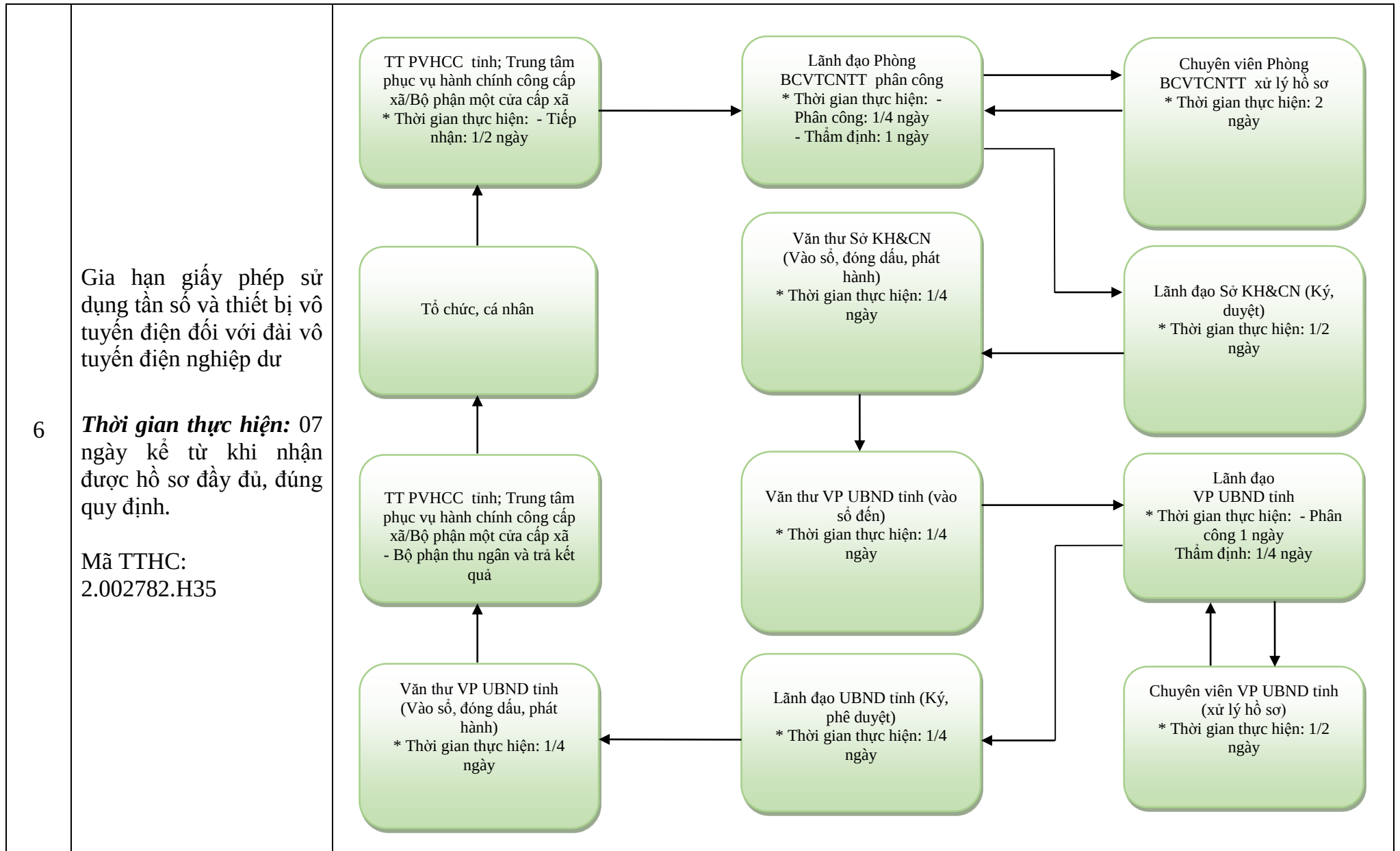
5

Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.

Thời hạn giải quyết: 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Mã TTHC:
2.002781.H35



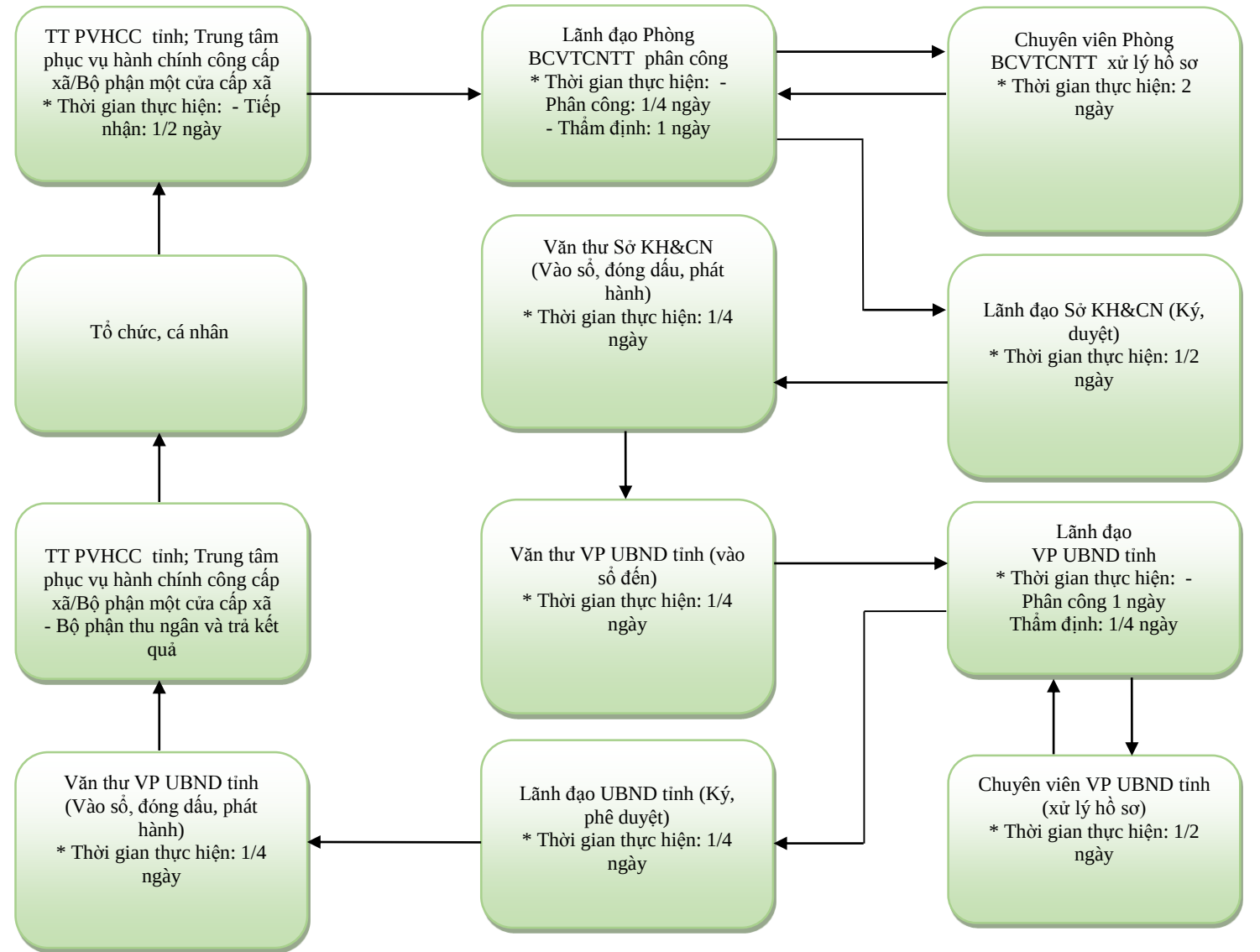


7

Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.

- **Thời gian thực hiện:** 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định

Mã TTHC:
2.002776.H35

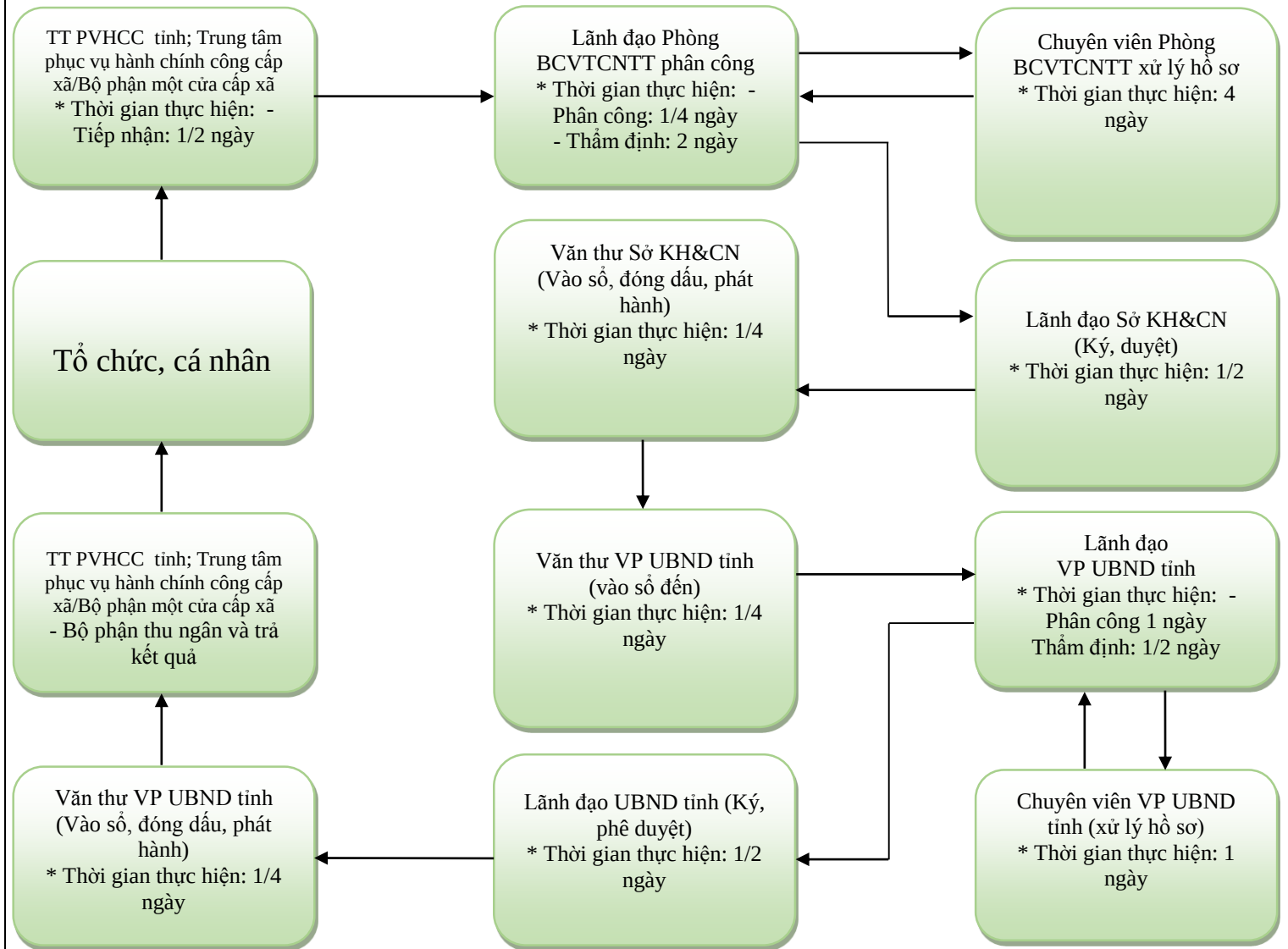


8

Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.

- Thời gian thực hiện: 11 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Mã TTHC:
2.002787.H35

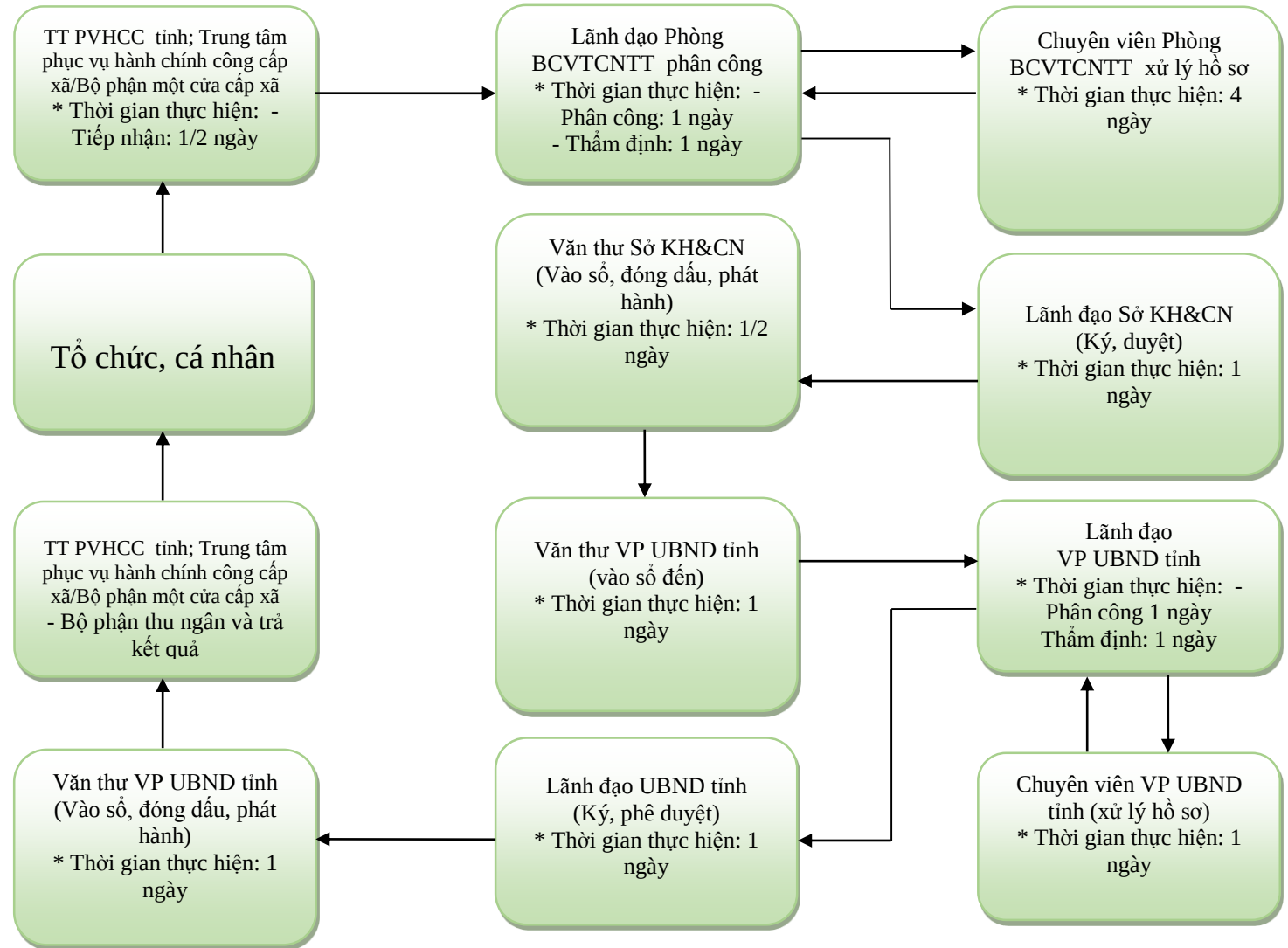


10

Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

Thời gian thực hiện: 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Mã TTHC:
2.002789.H35

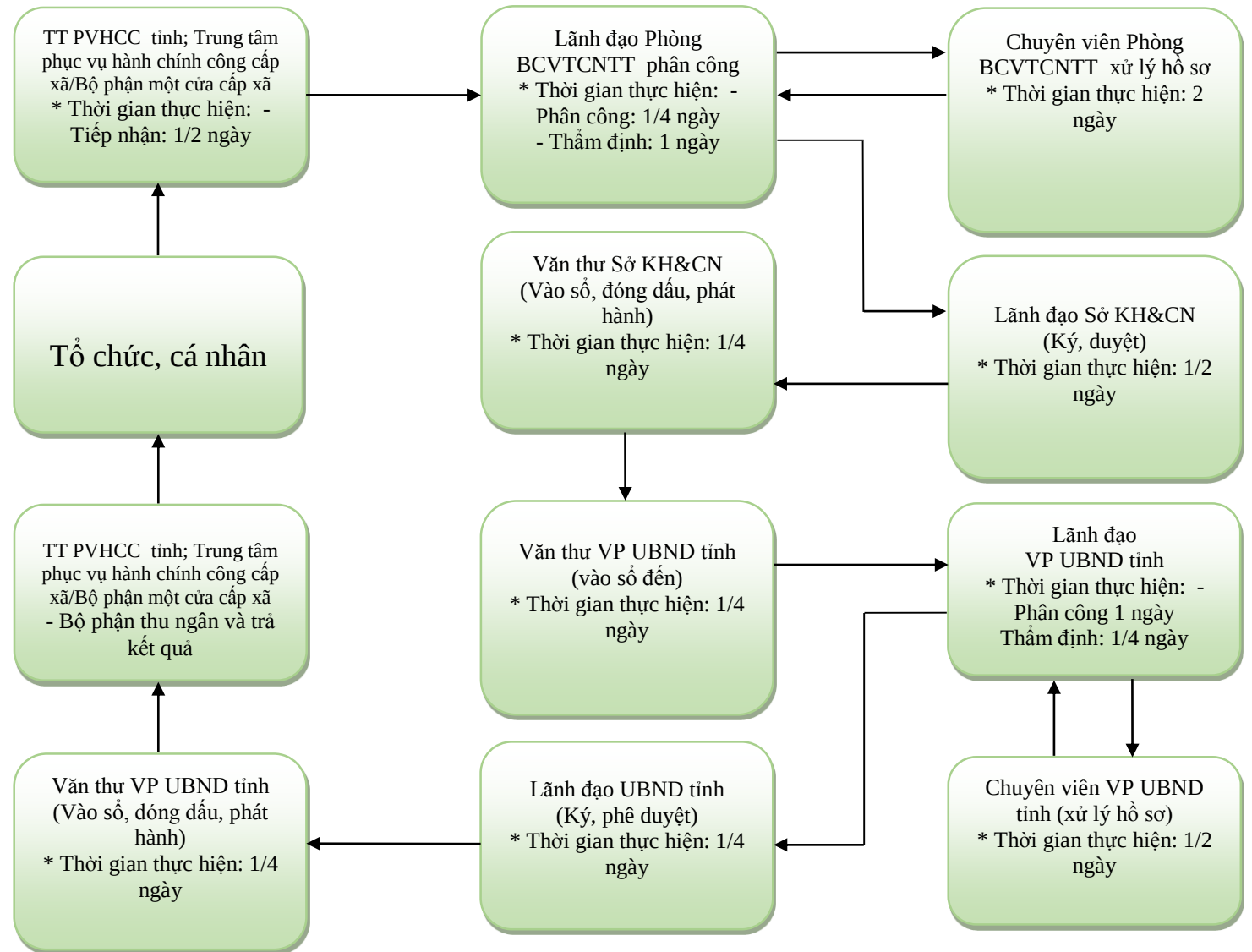


11

Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

- **Thời gian thực hiện:**
07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định

Mã TTHC:
2.002780.H35



12

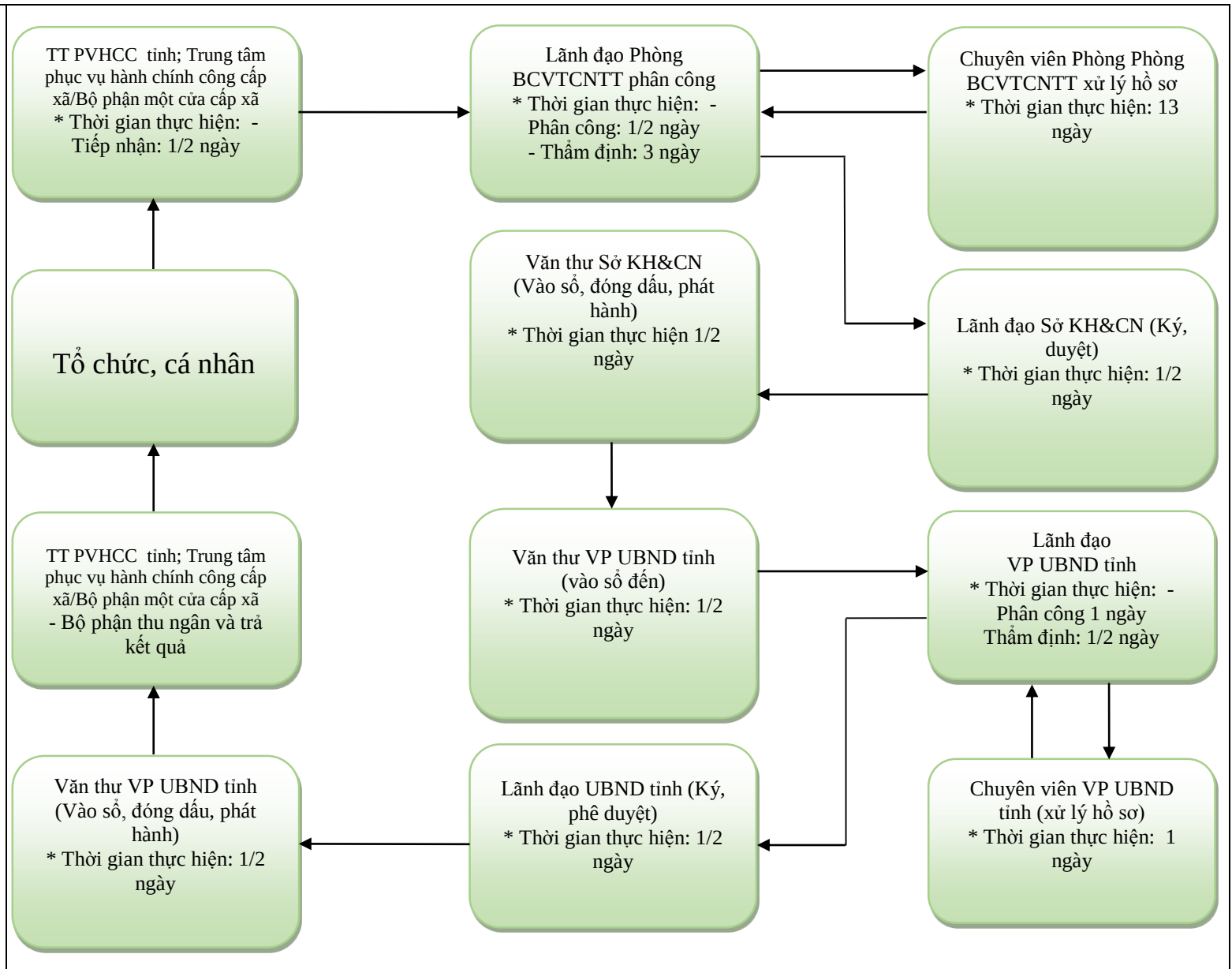
Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

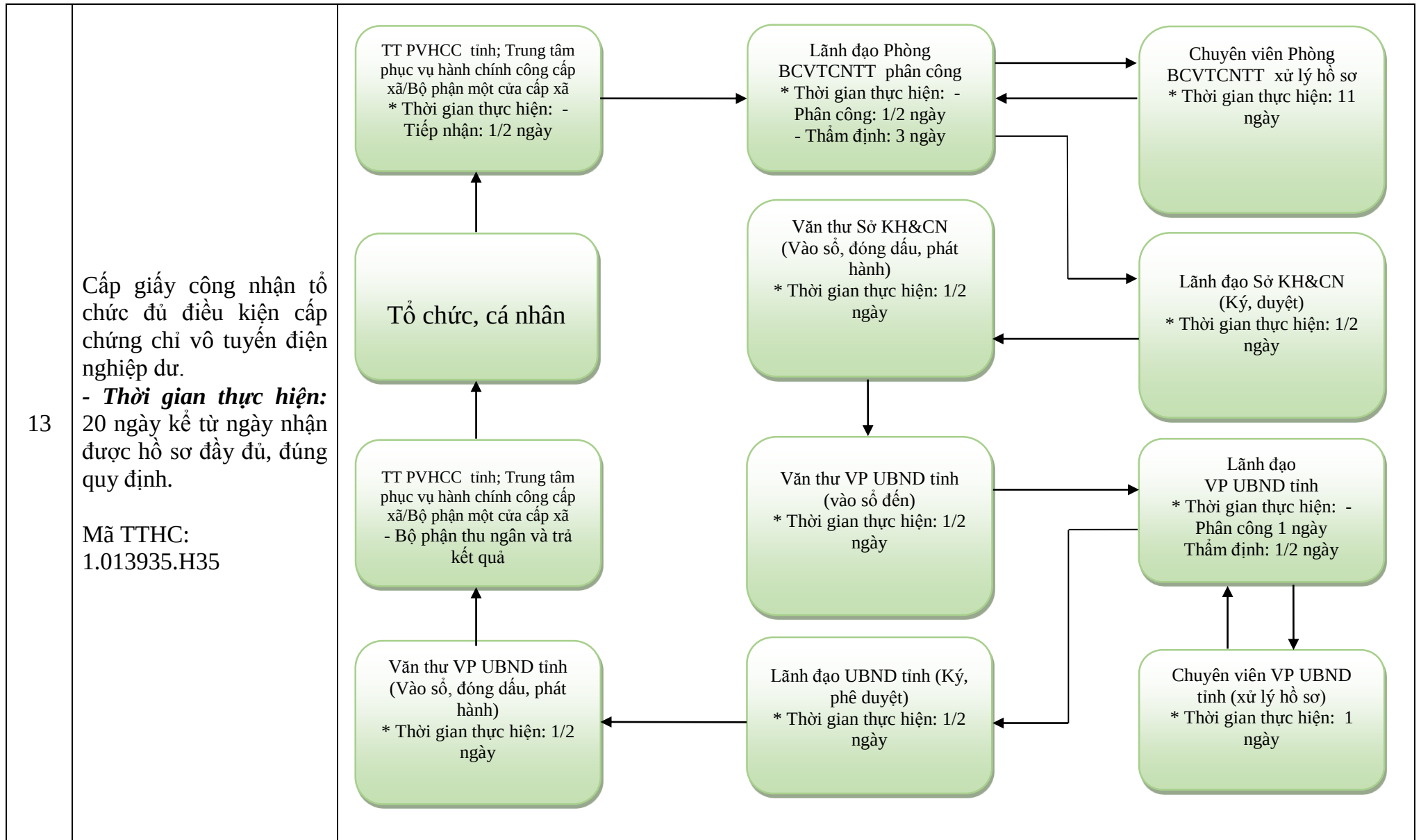
Thời gian thực hiện:

22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định

Mã TTHC:

2.002790.H35



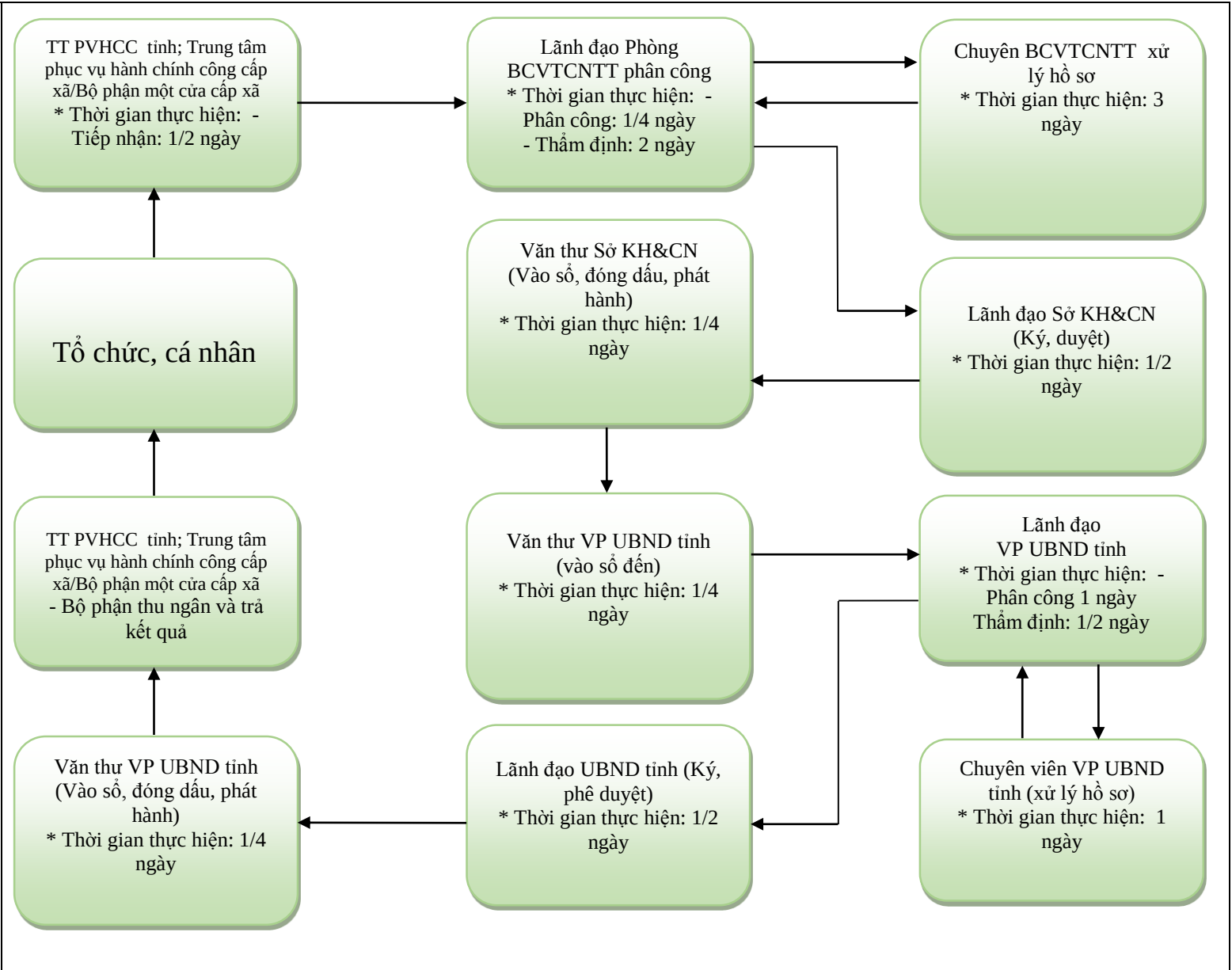


14

Cấp đổi giấy công nhận
tổ chức đủ điều kiện cấp
chứng chỉ vô tuyến điện
nghịệp dư.

- Thời gian thực hiện:
10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Mã TTHC:
2.002793.H35



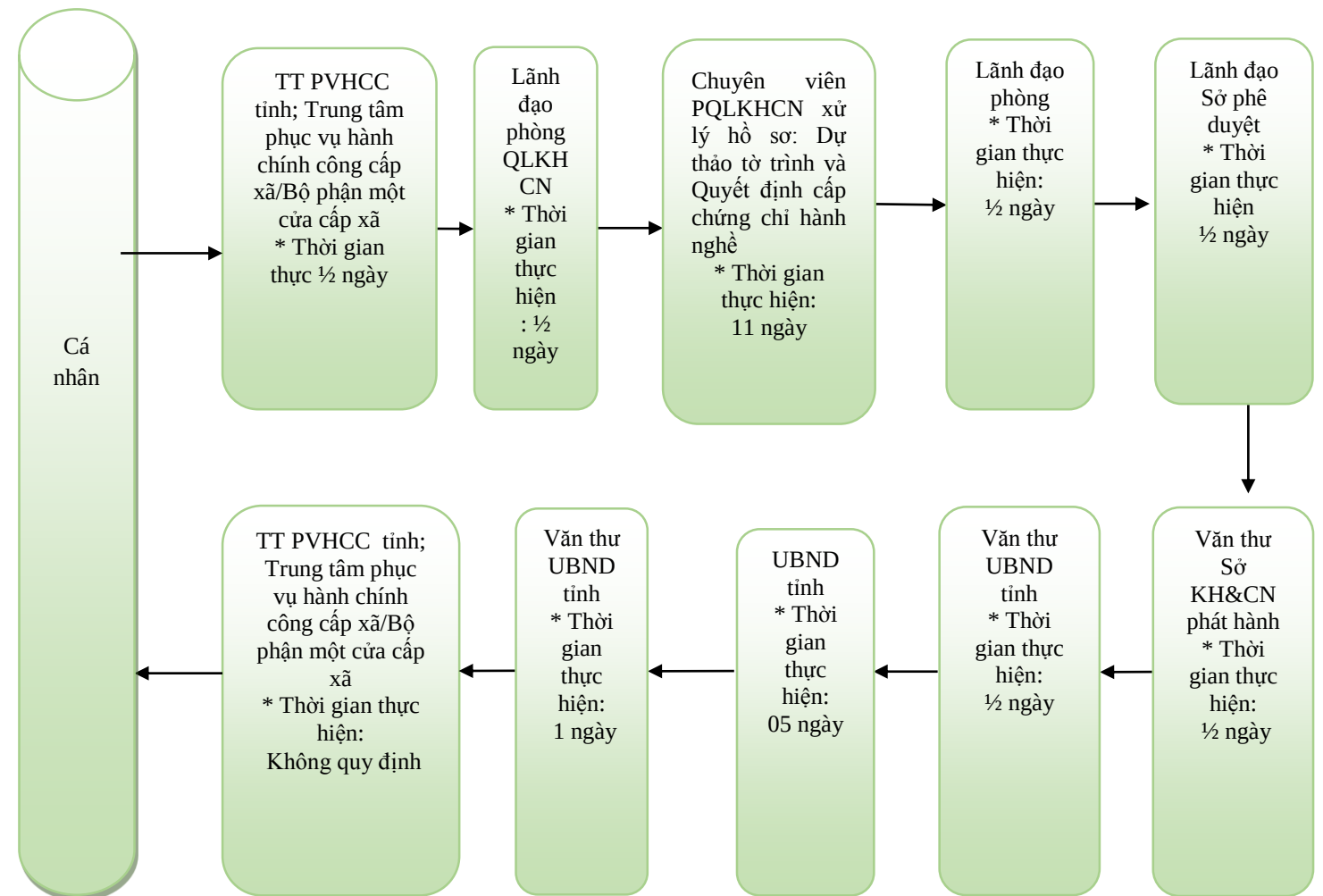
III	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (19 TTHC)	
1	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp - Thời gian thực hiện: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Mã TTHC: 1.013916.H35	Cá nhân TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian thực ½ ngày Lãnh đạo phòng QLKHC N * Thời gian thực hiện : ½ ngày Chuyên viên PQLKHCNxử lý hồ sơ: Dự thảo tờ trình và Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề * Thời gian thực hiện: 11 ngày Lãnh đạo phòng QLKHC N * Thời gian thực hiện: ½ ngày Lãnh đạo Sở phê duyệt * Thời gian thực hiện ½ ngày Văn thư Sở KH&CN phát hành * Thời gian thực hiện: ½ ngày Văn thư UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: ½ ngày UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: 05 ngày Văn thư UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: 1 ngày TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian thực hiện: Không quy định

2

Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

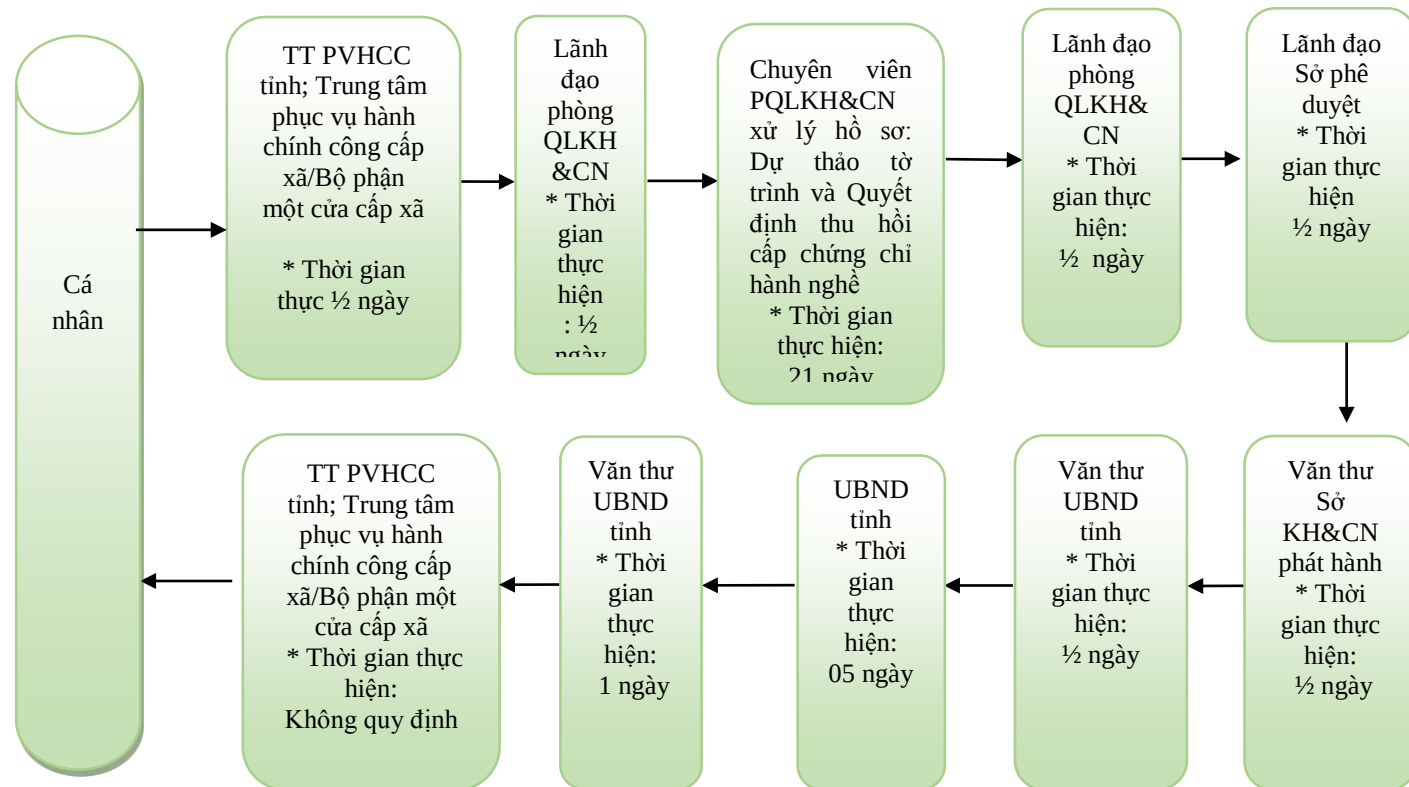
- **Thời gian thực hiện:** 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TTHC: 1.013919.H35

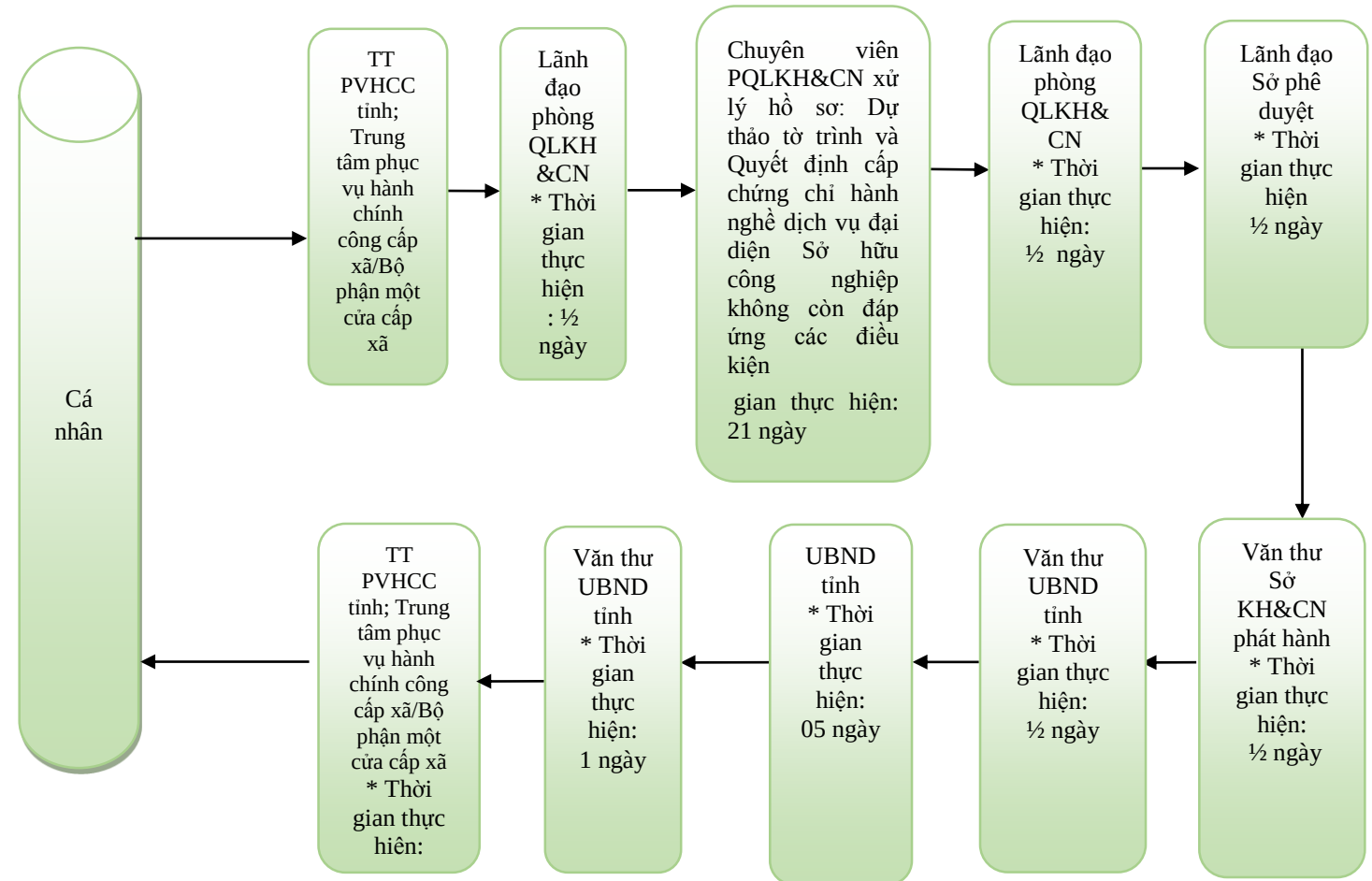


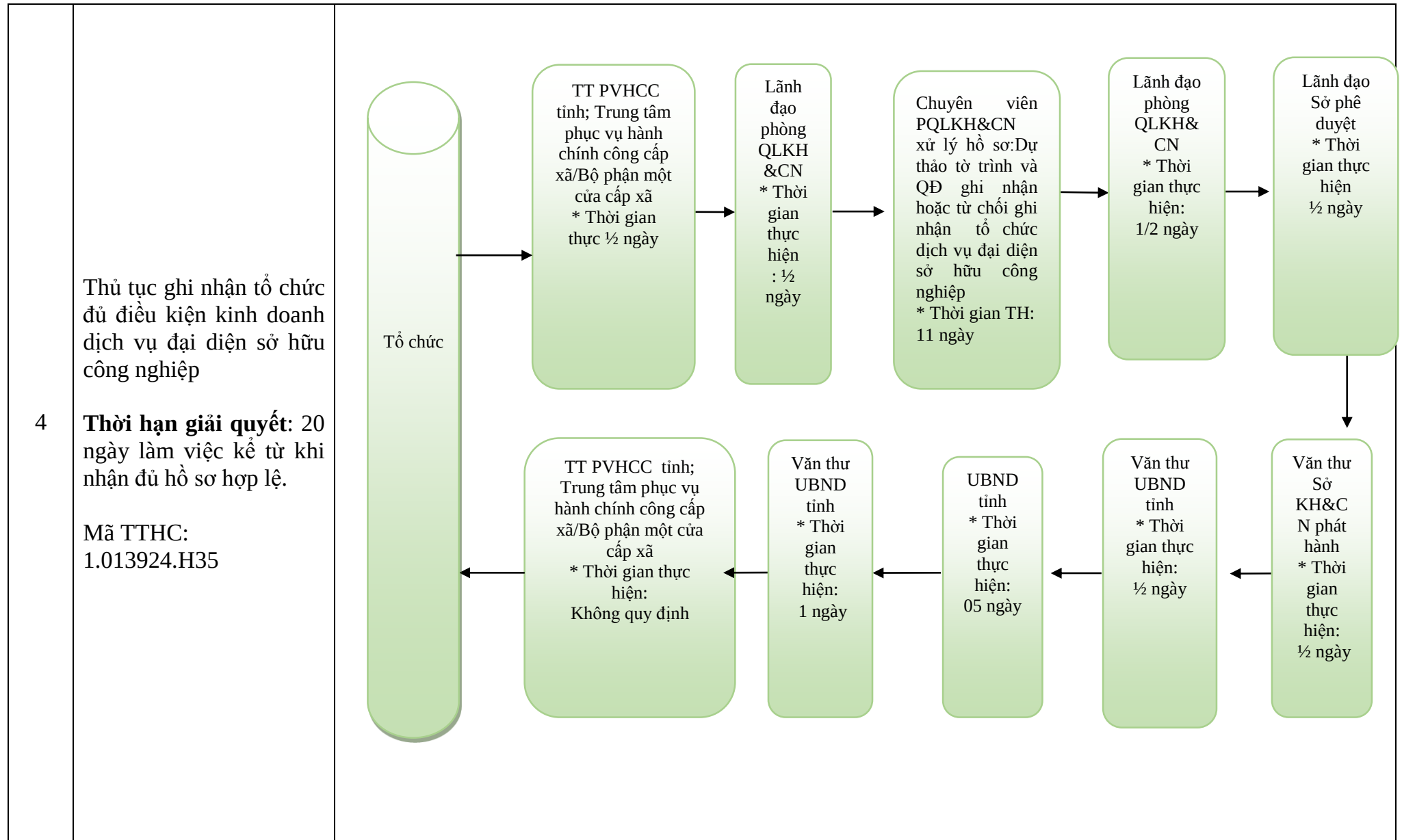
- Trong trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 30 ngày

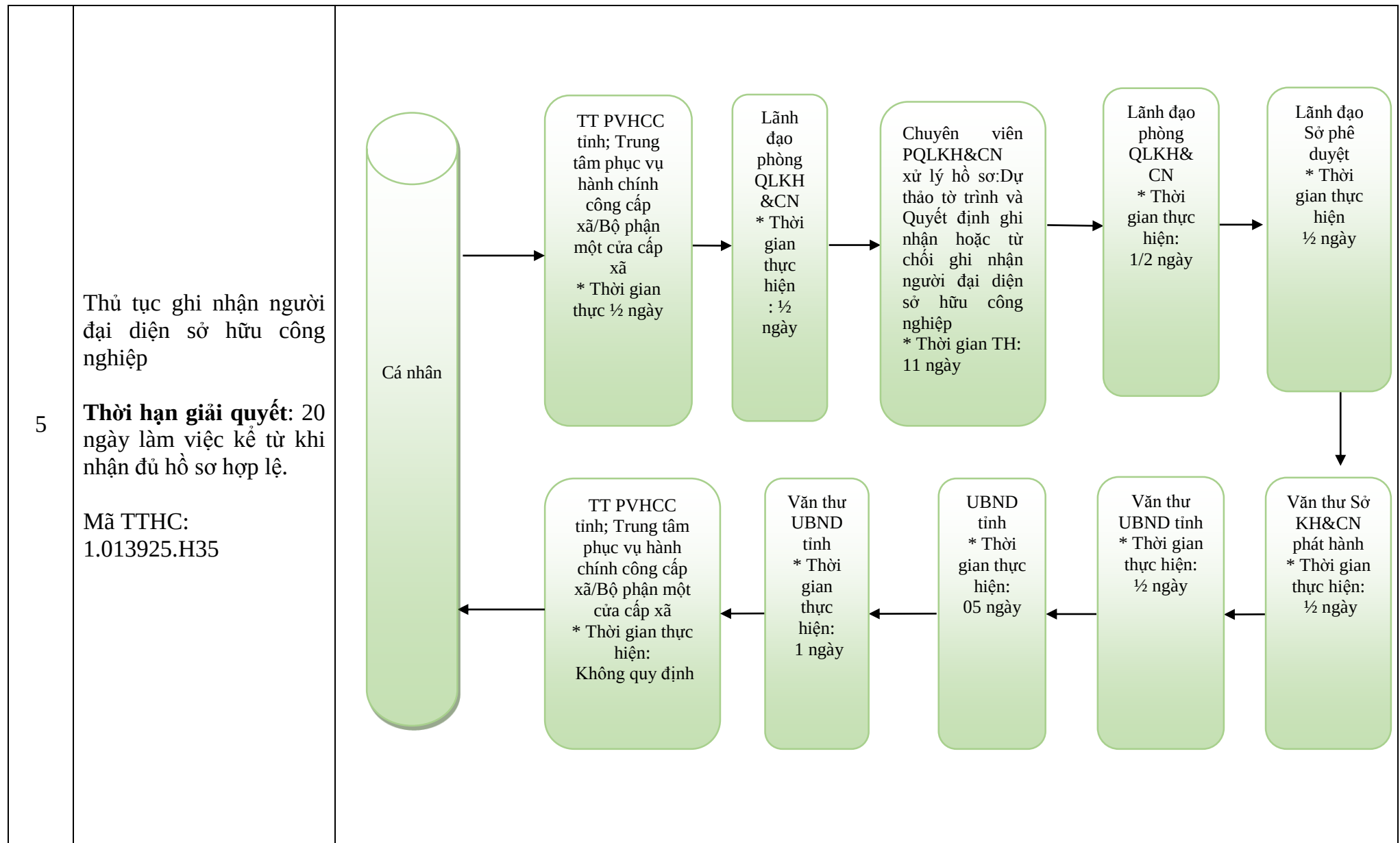
Mã TTHC:
1.013922.H35

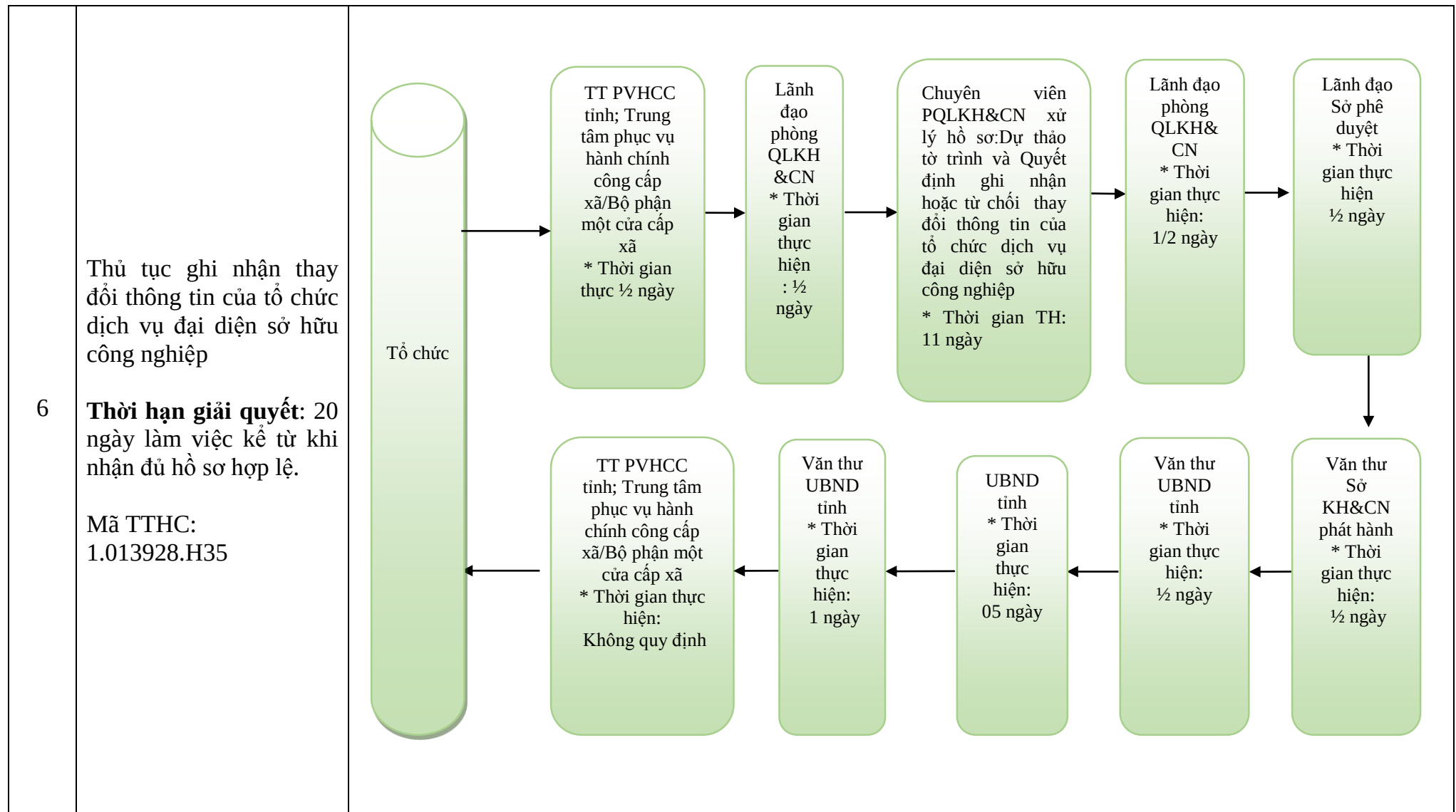


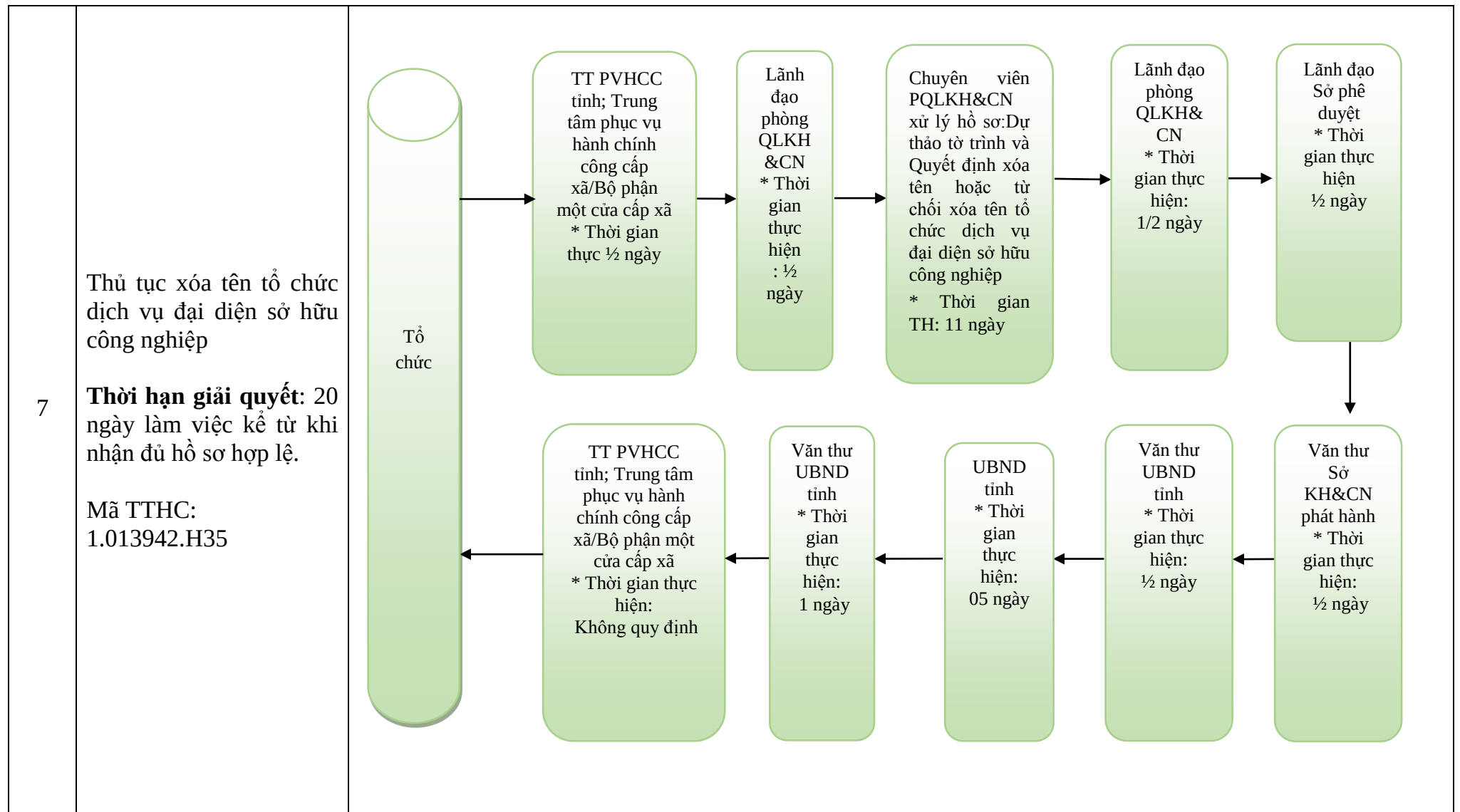
-Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề: 30 ngày









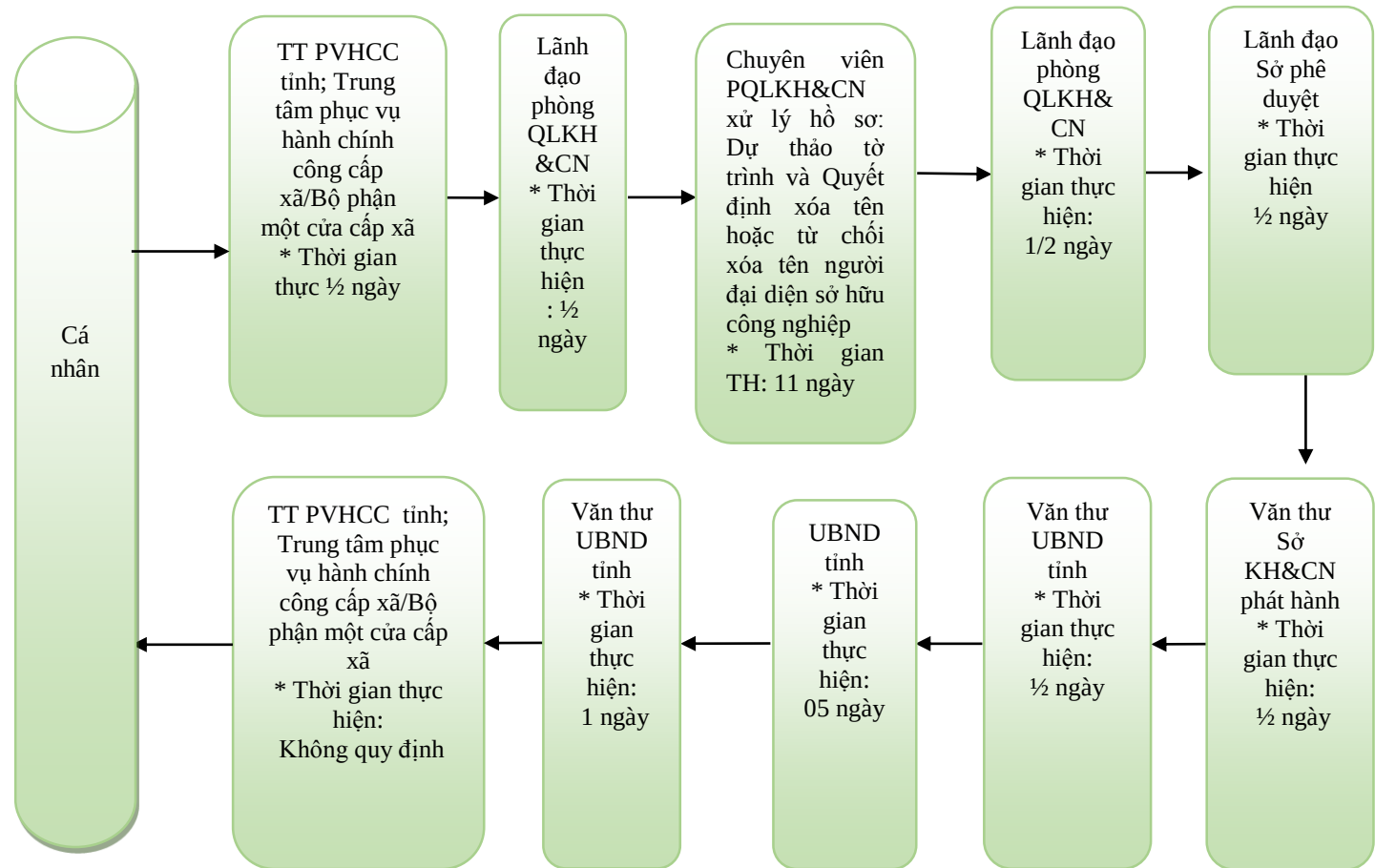


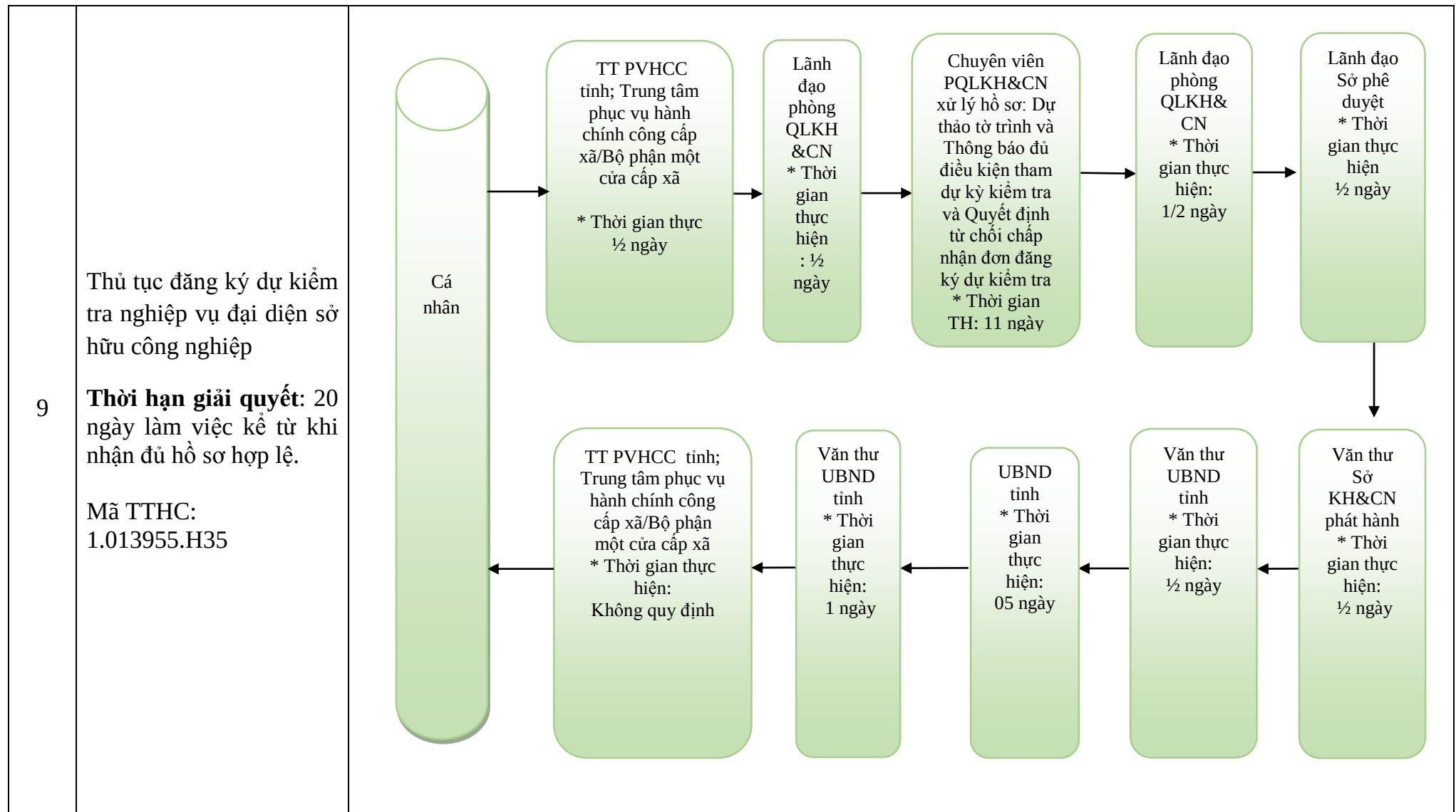
8

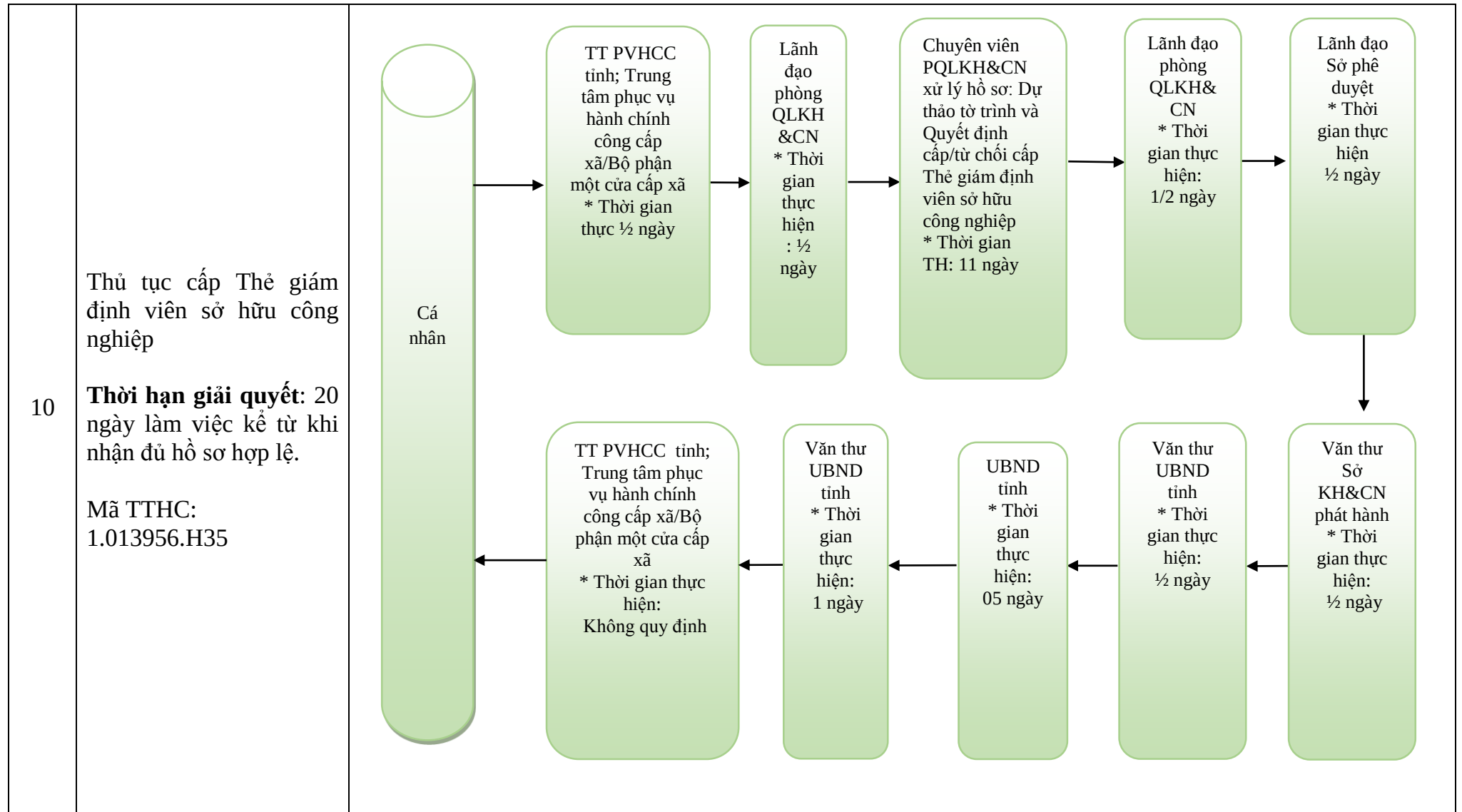
Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp

Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Mã TTHC:
1.013954.H35







11

Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

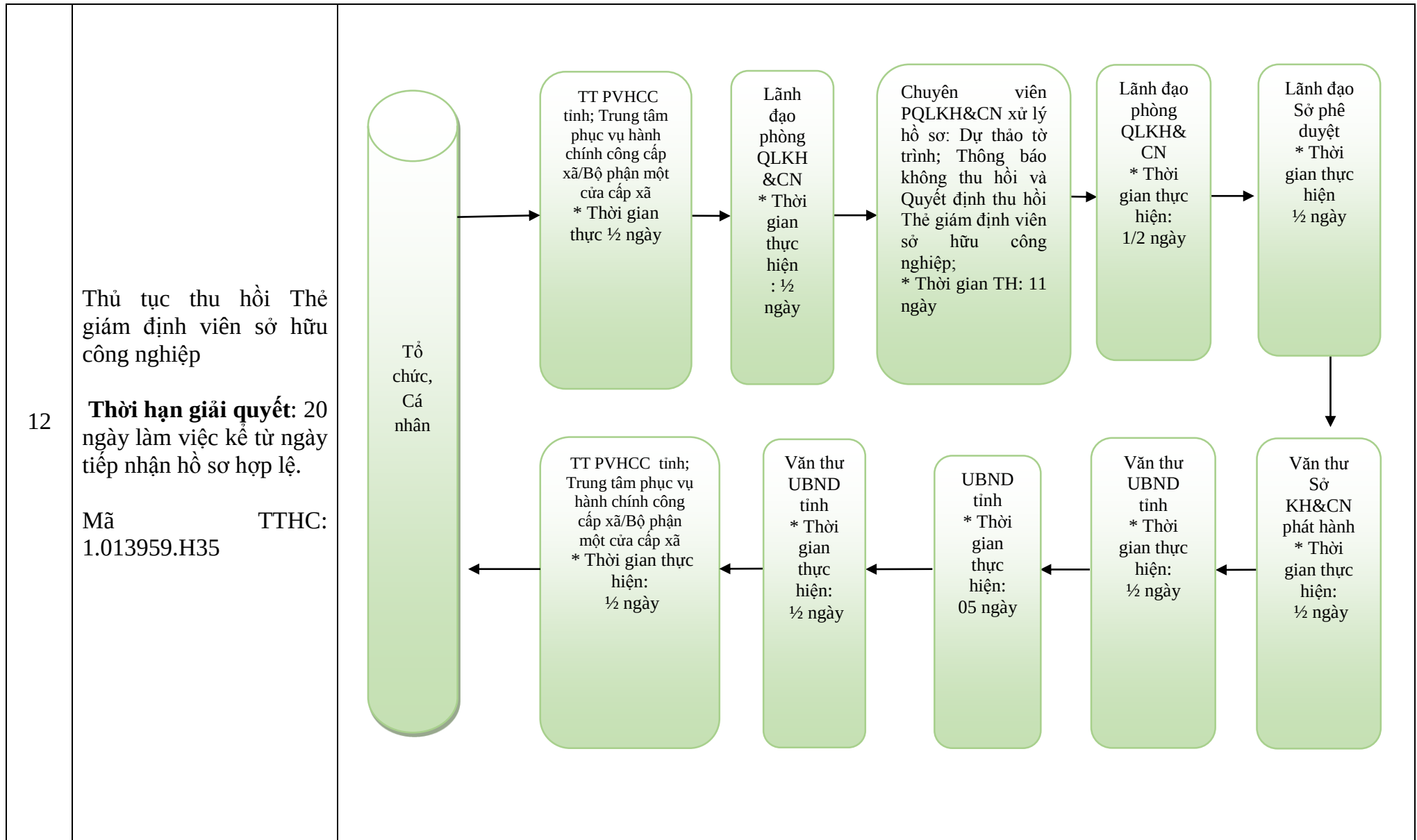
Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

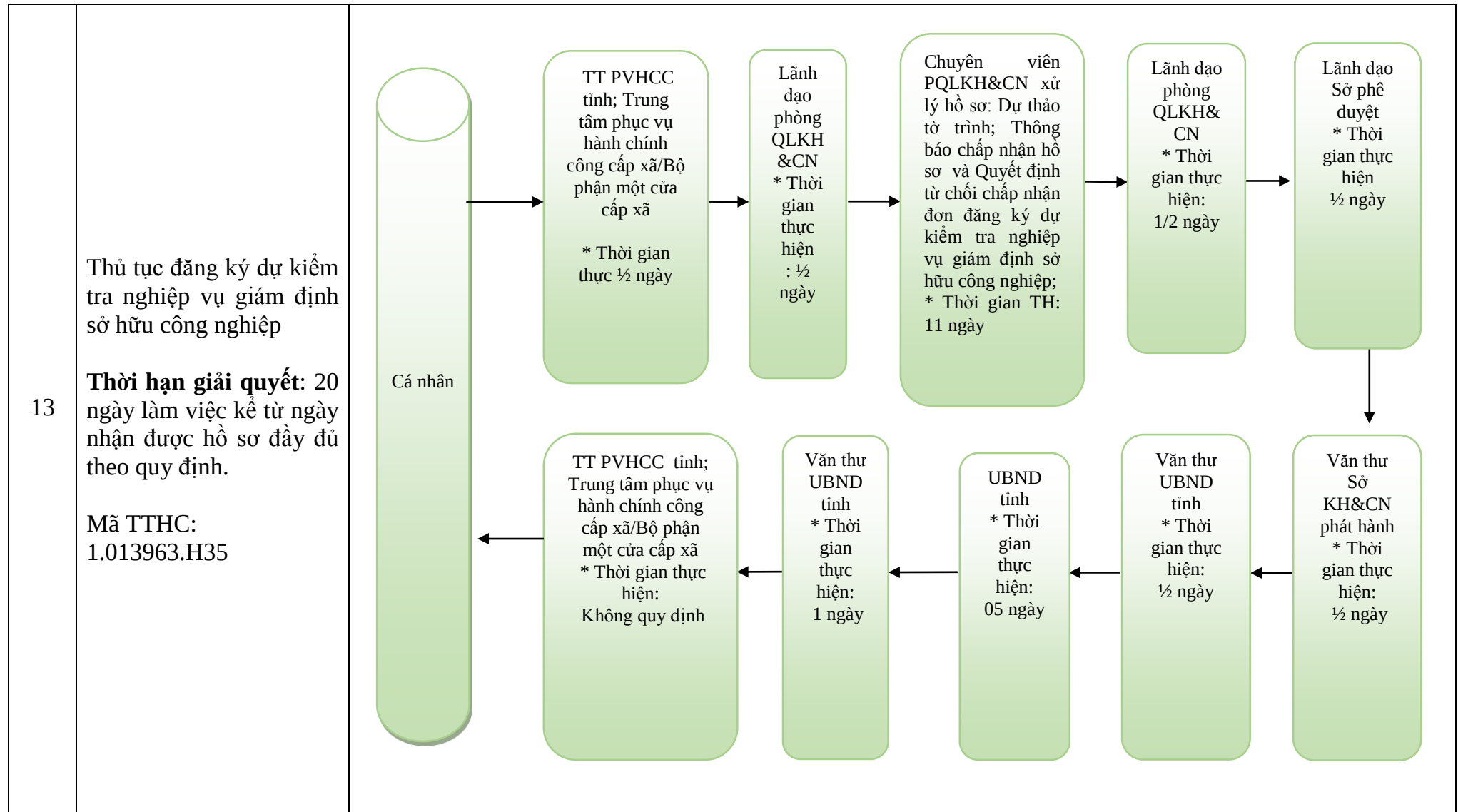
Mã TTHC: 1.013958.H35

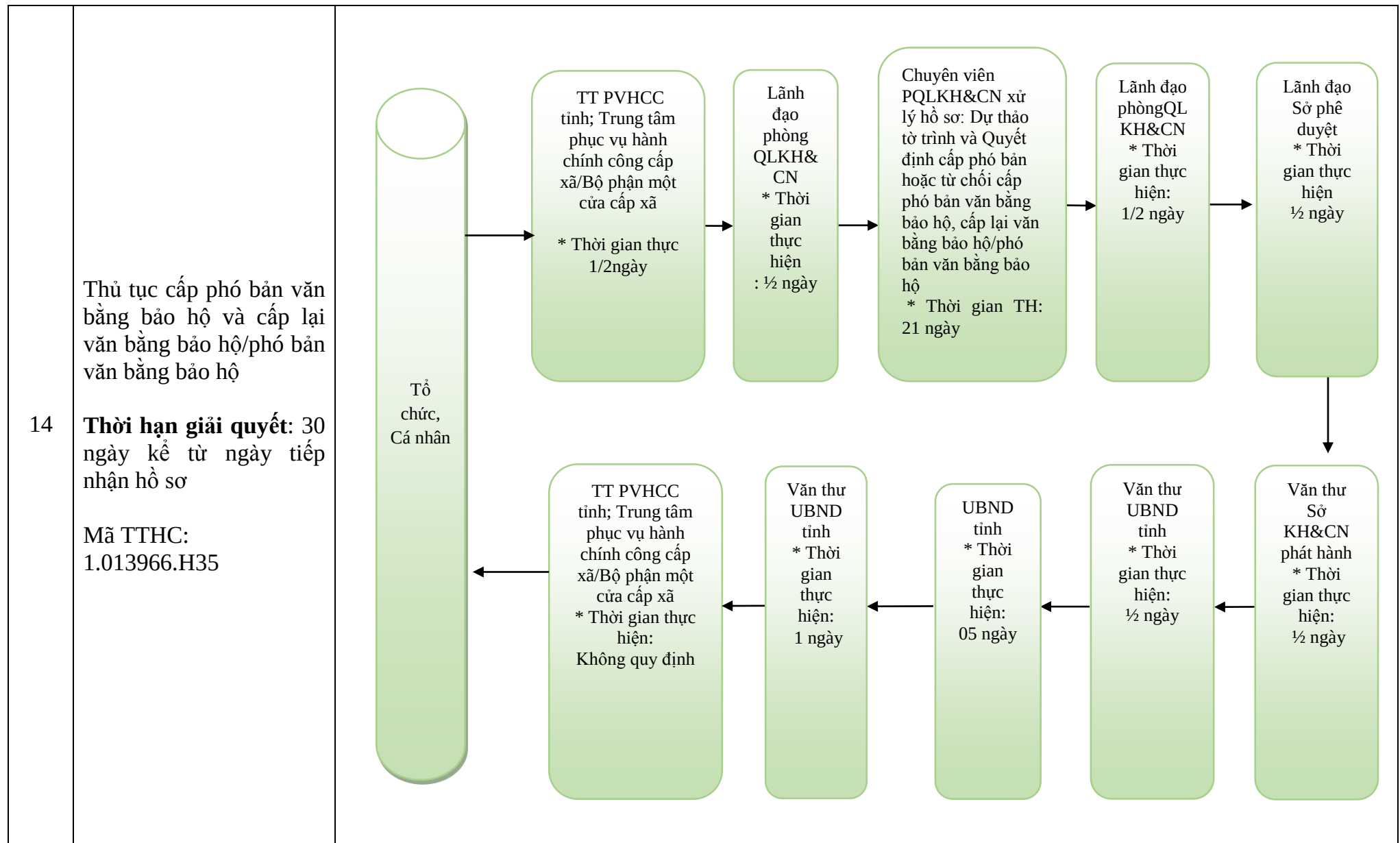
```

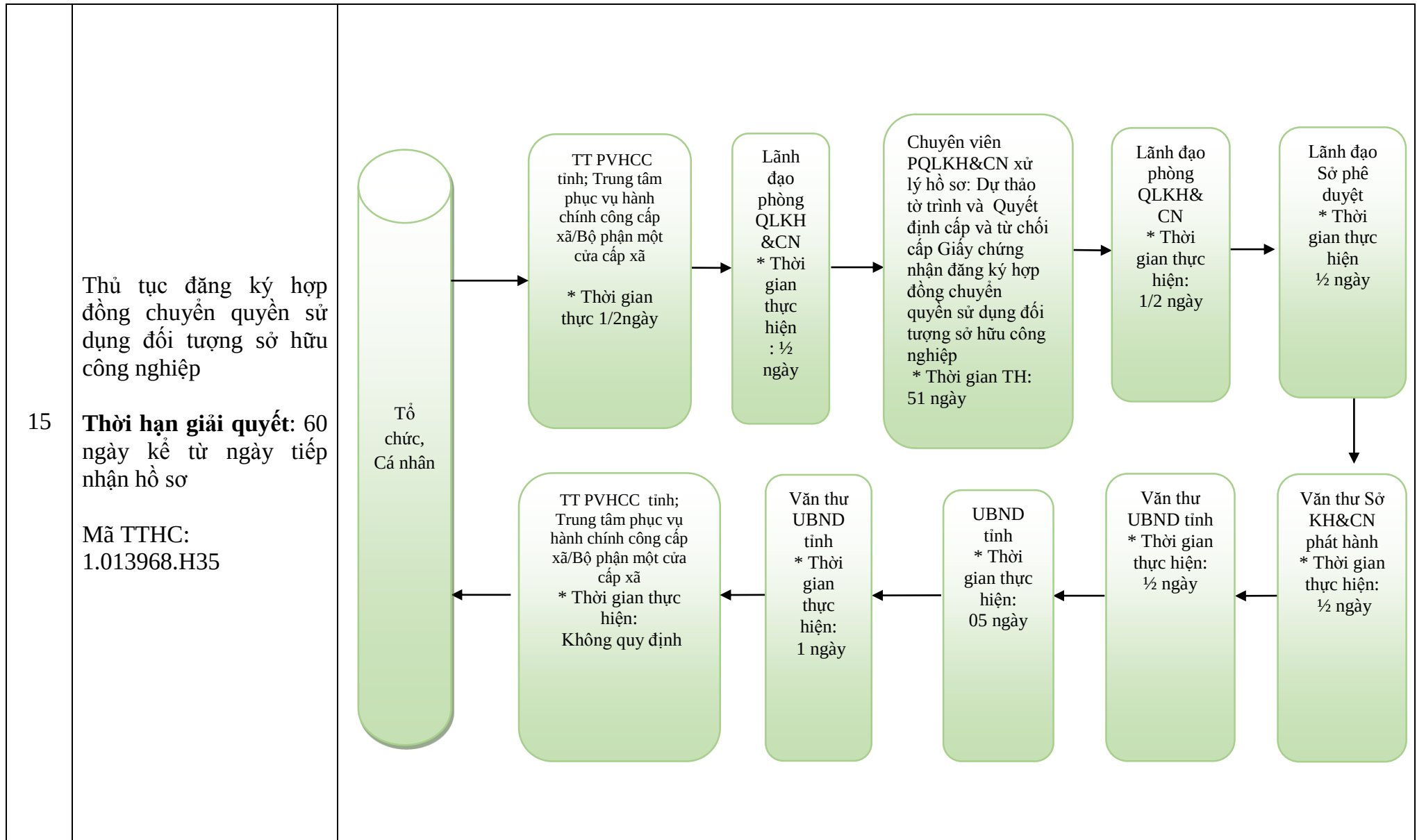
graph LR
    A[Cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã  
* Thời gian thực hiện: ½ ngày]
    B --> C[Lãnh đạo phòng QLKH&CN  
* Thời gian thực hiện: ½ ngày]
    C --> D[Chuyên viên PQLKH&CN xử lý hồ sơ: Dự thảo tờ trình và Quyết định cấp lại/ từ chối cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp  
* Thời gian TH: 11 ngày]
    D --> E[Lãnh đạo phòng QLKH&CN  
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày]
    E --> F[Lãnh đạo Sở phê duyệt  
* Thời gian thực hiện: ½ ngày]
    F --> G[Văn thư Sở KH&CN phát hành  
* Thời gian thực hiện: ½ ngày]
    G --> H[Văn thư UBND tỉnh  
* Thời gian thực hiện: ½ ngày]
    H --> I[UBND tỉnh  
* Thời gian thực hiện: 05 ngày]
    I --> J[Văn thư UBND tỉnh  
* Thời gian thực hiện: 1 ngày]
    J --> K[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã  
* Thời gian thực hiện: Không quy định]
    K --> A
  
```

The flowchart illustrates the process for re-issuing a Certificate of Professional Competence for Industrial Designers. It begins with an individual (Cá nhân) applying to the Provincial People's Committee (TT PVHCC) or the Provincial Center for Administrative Service (Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã). The process then moves through the Provincial Department of Science and Technology (QLKH&CN), the Provincial Department of Science and Technology (PQLKH&CN), the Provincial Department of Science and Technology (QLKH&CN), and the Provincial Department of Science and Technology (QLKH&CN). The process concludes with the Provincial Department of Science and Technology (QLKH&CN) issuing the certificate, followed by the Provincial Department of Science and Technology (QLKH&CN) and the Provincial Department of Science and Technology (QLKH&CN).







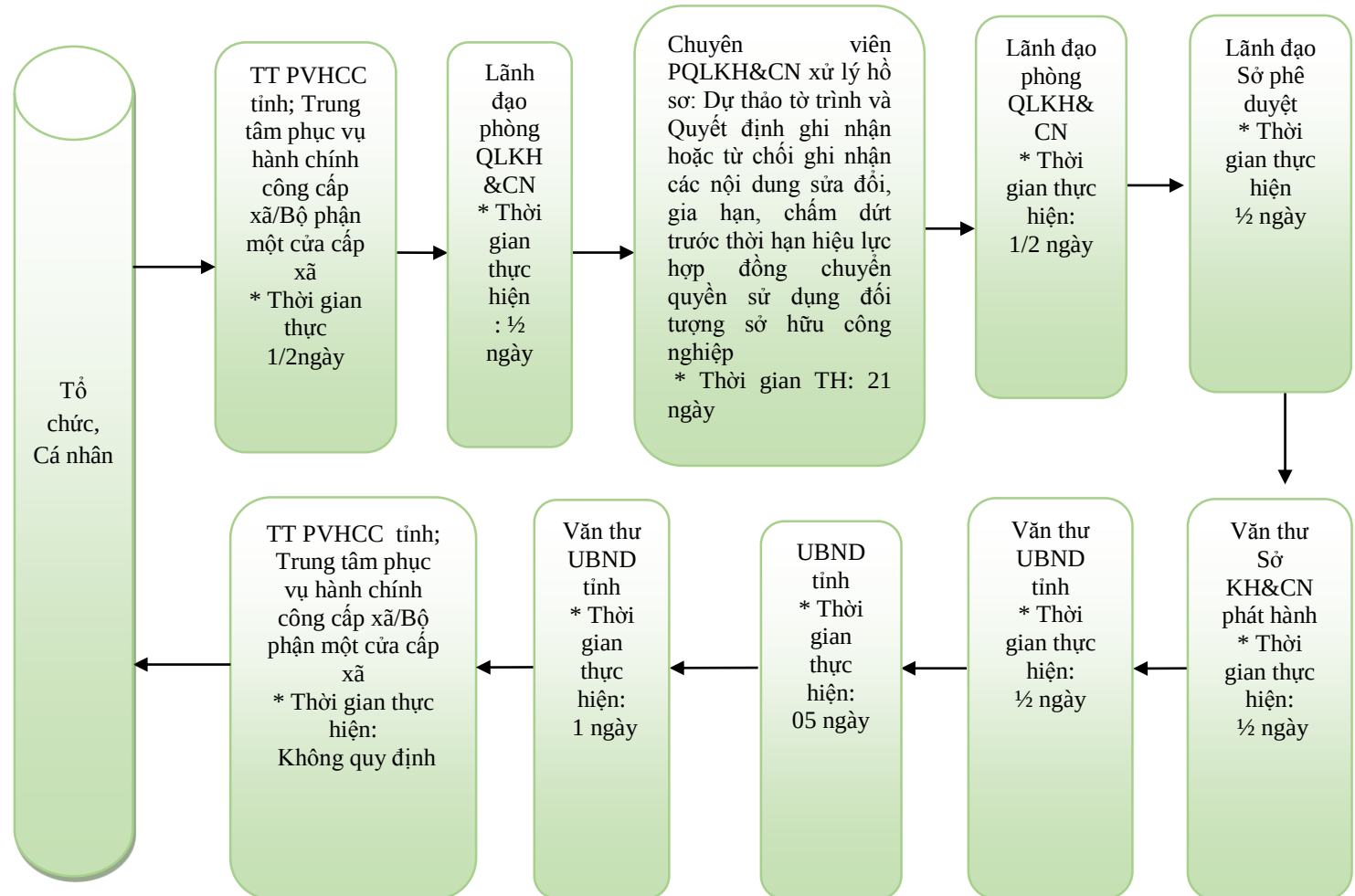


16

Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ

Mã TTHC:
1.013970.H35

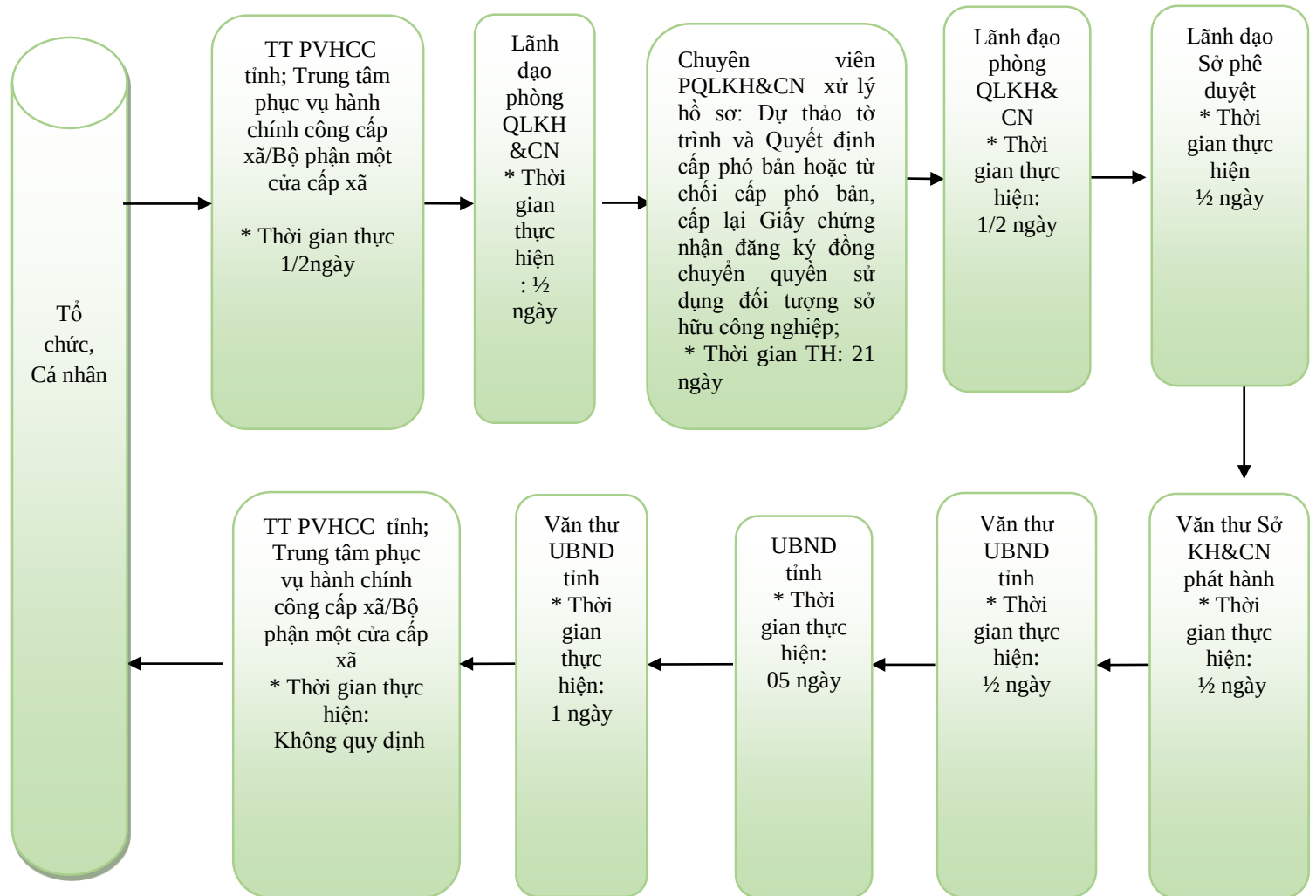


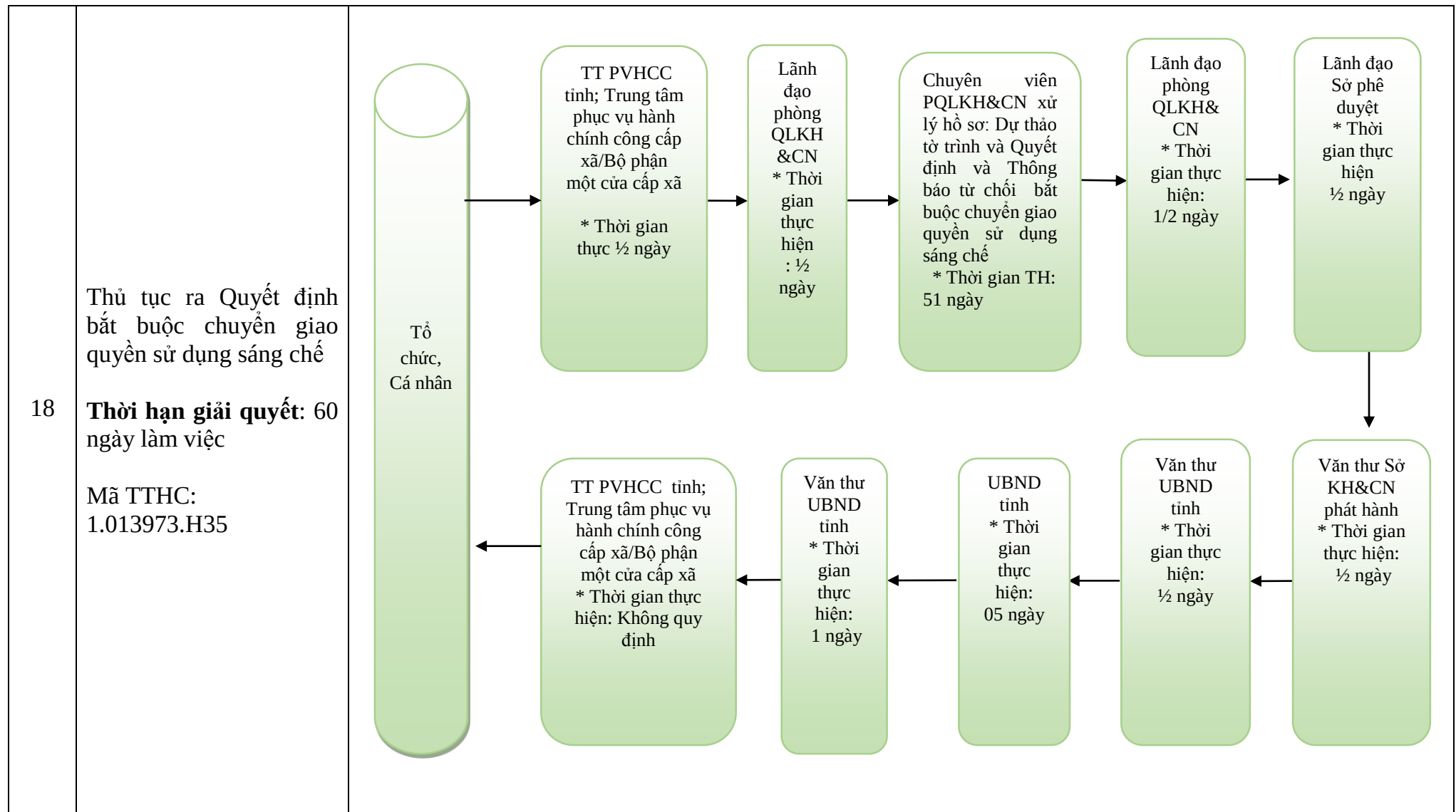
17

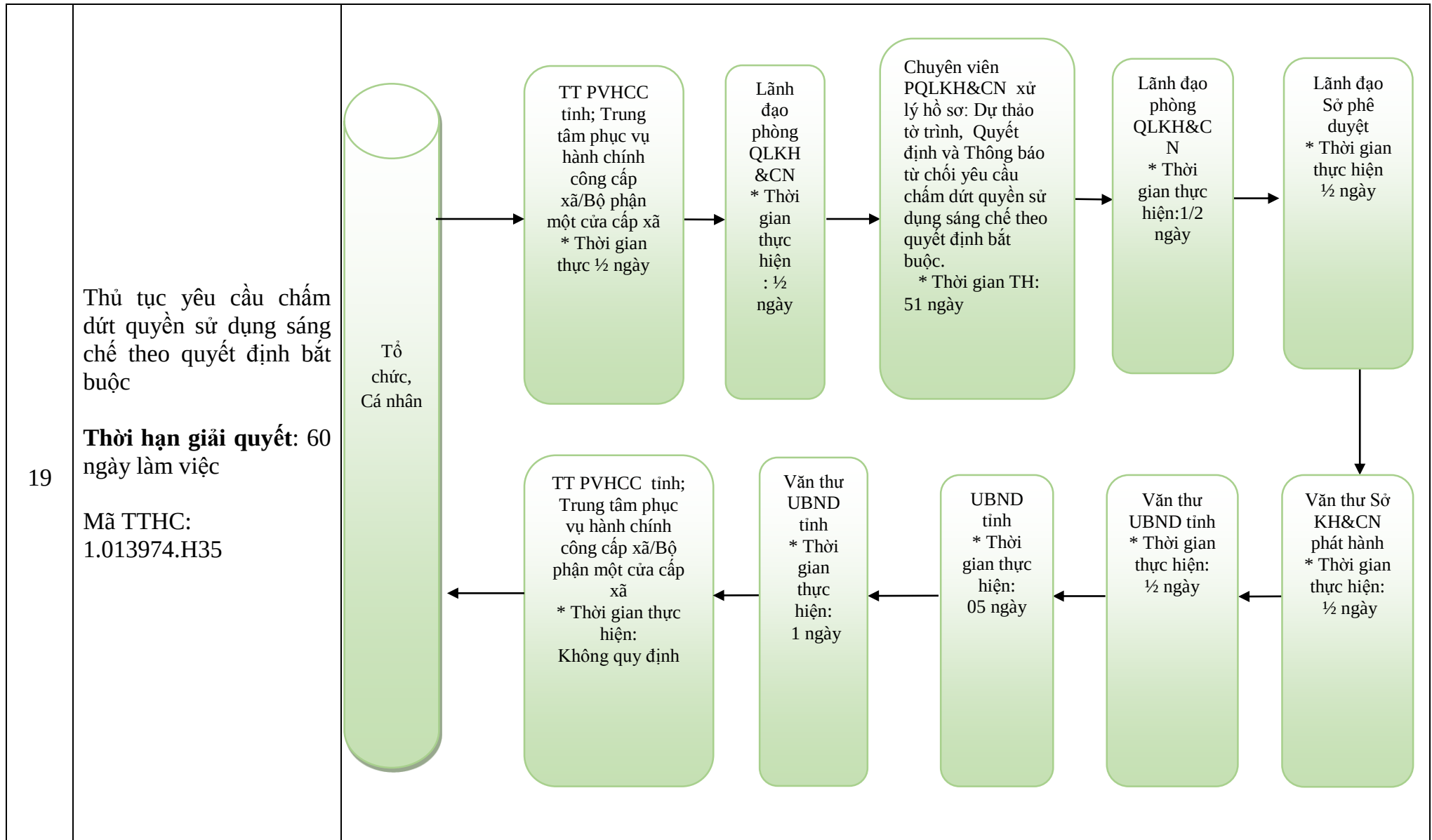
Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

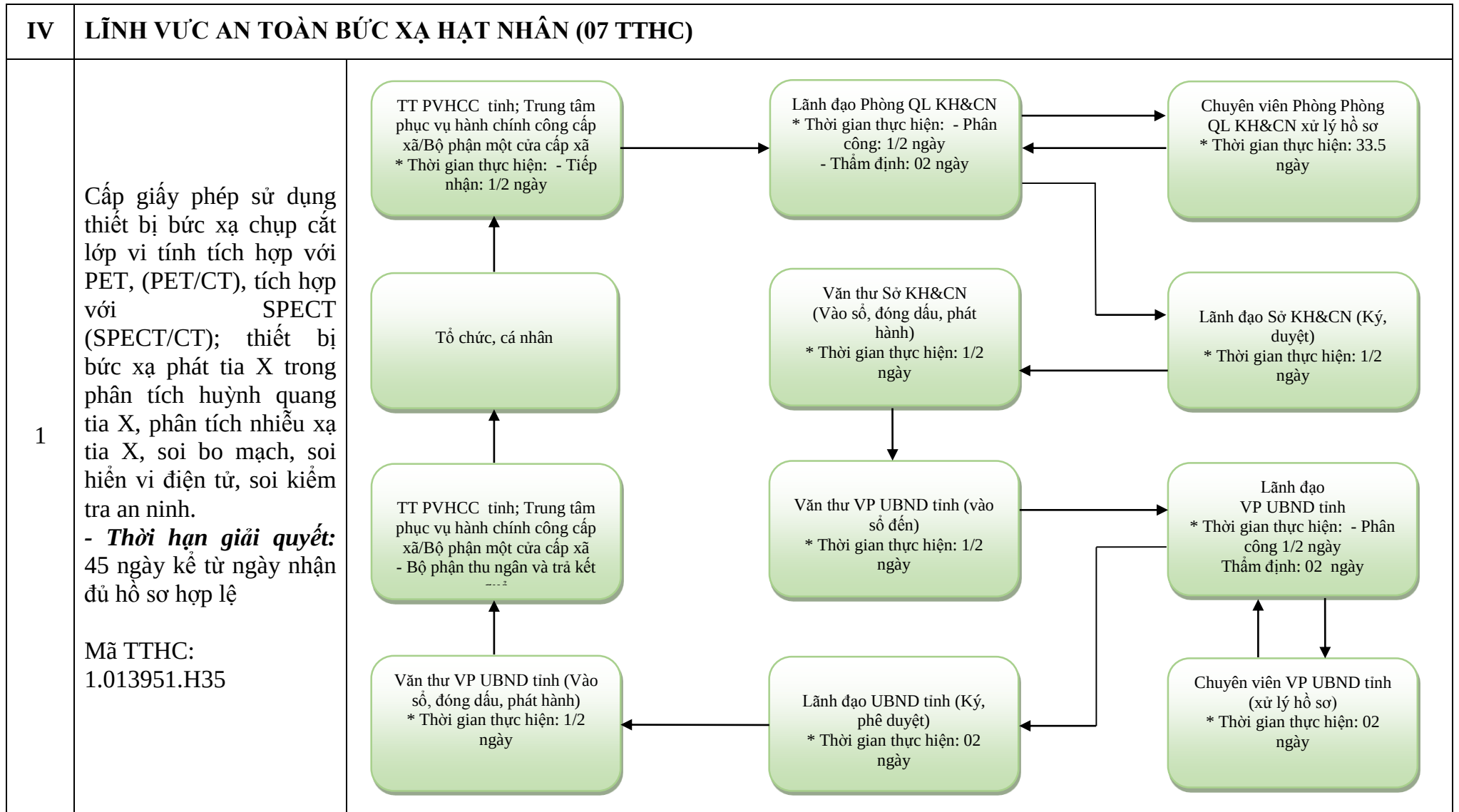
Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ

Mã TTHC:
1.013972.H35







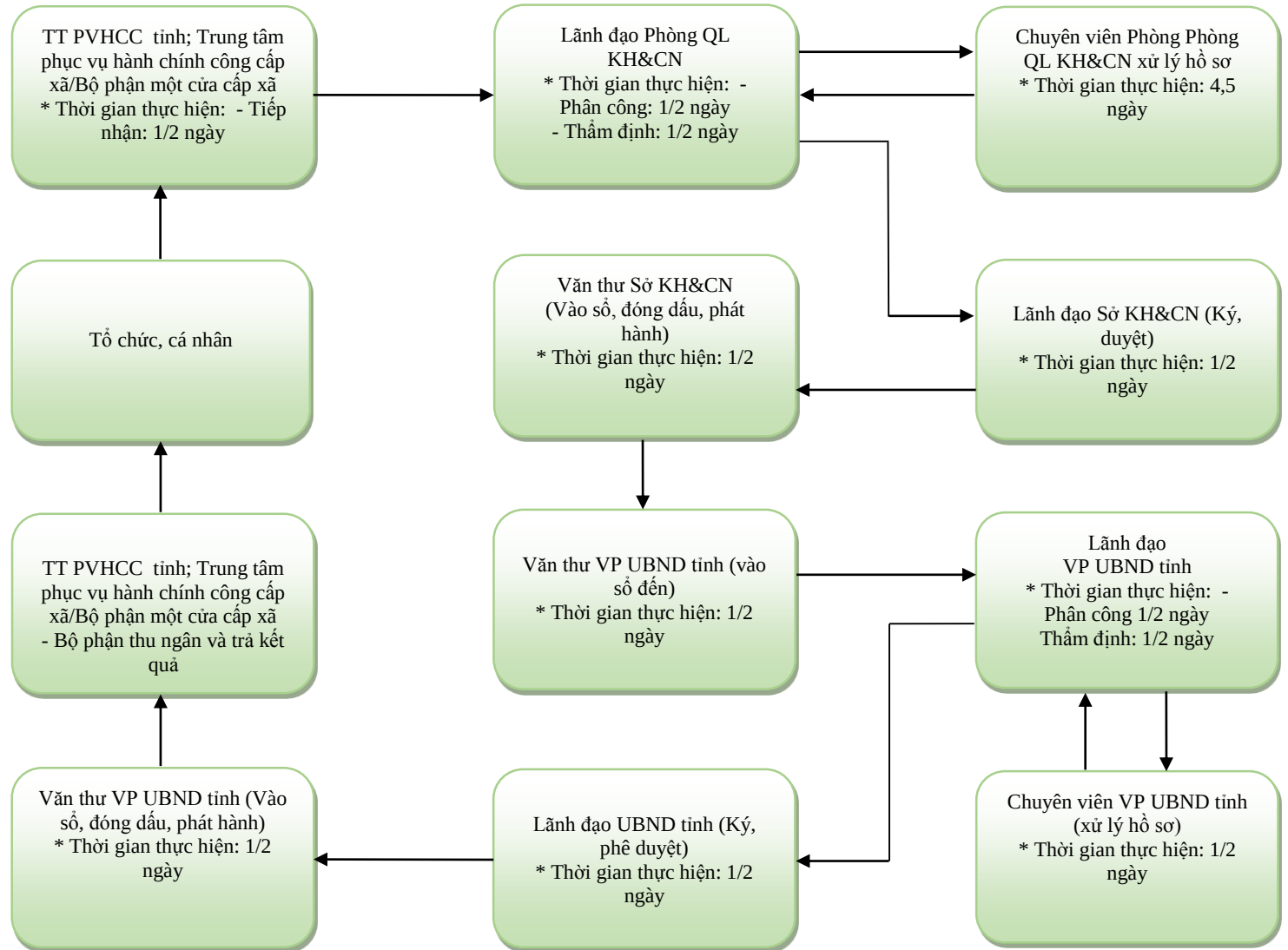


2

Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Mã TTHC:
1.013971.H35

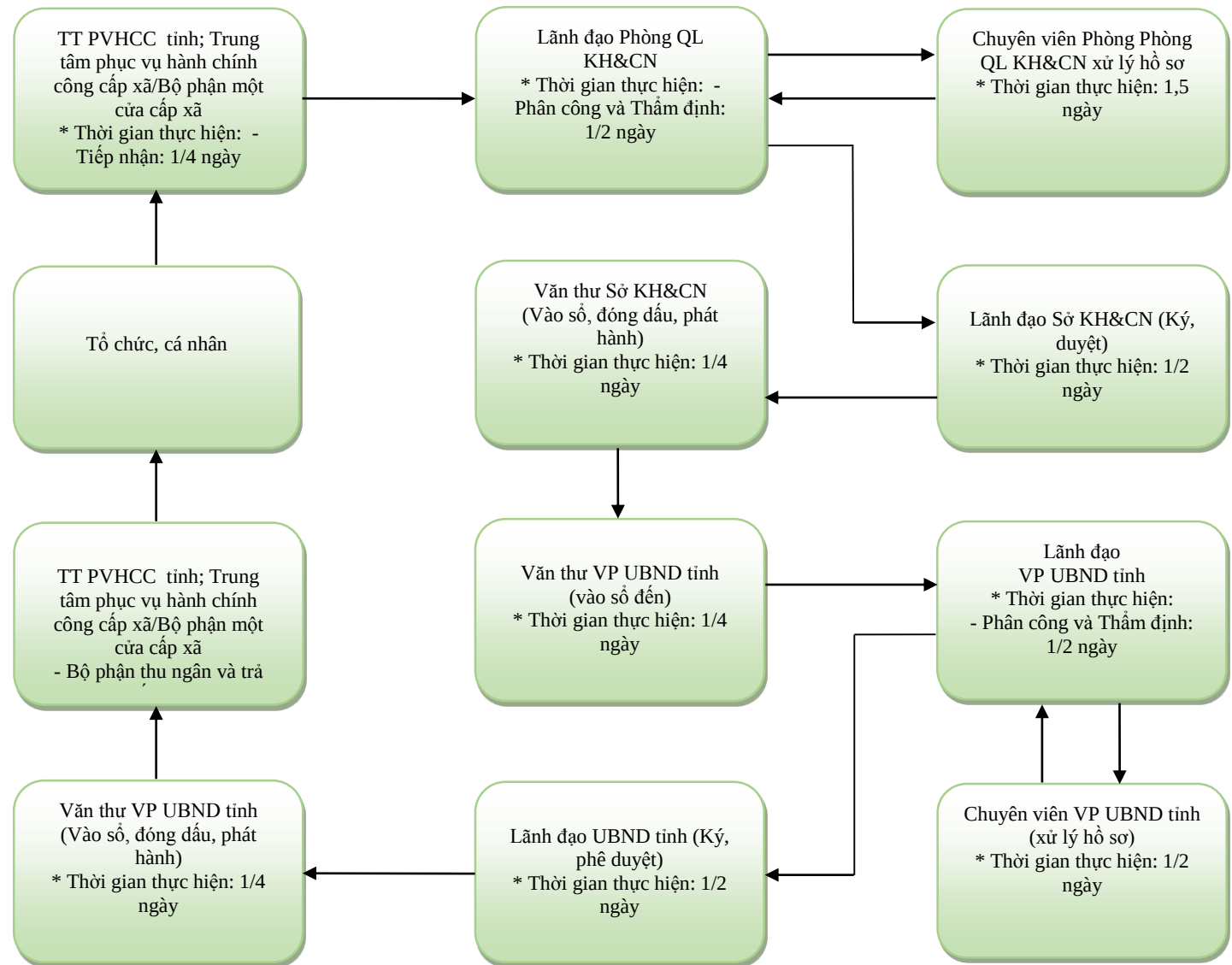


3

Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- Thời hạn giải quyết:
05 ngày làm việc kể từ
ngày nhận đủ hồ sơ hợp
lệ.

Mã TTHC:
1.013948.H35

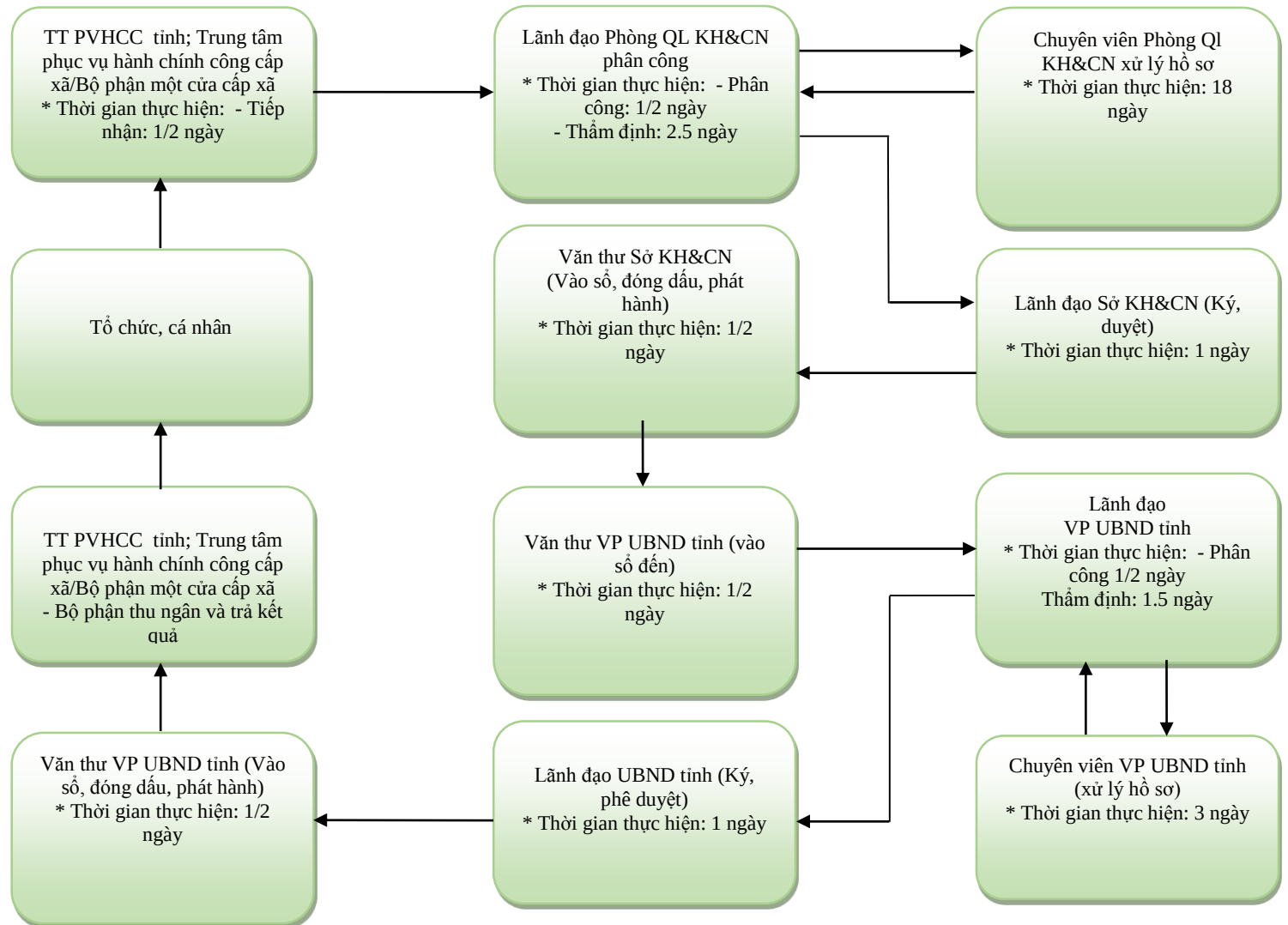


4

Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí theo quy định

Mã TTHC:
1.014204.H35



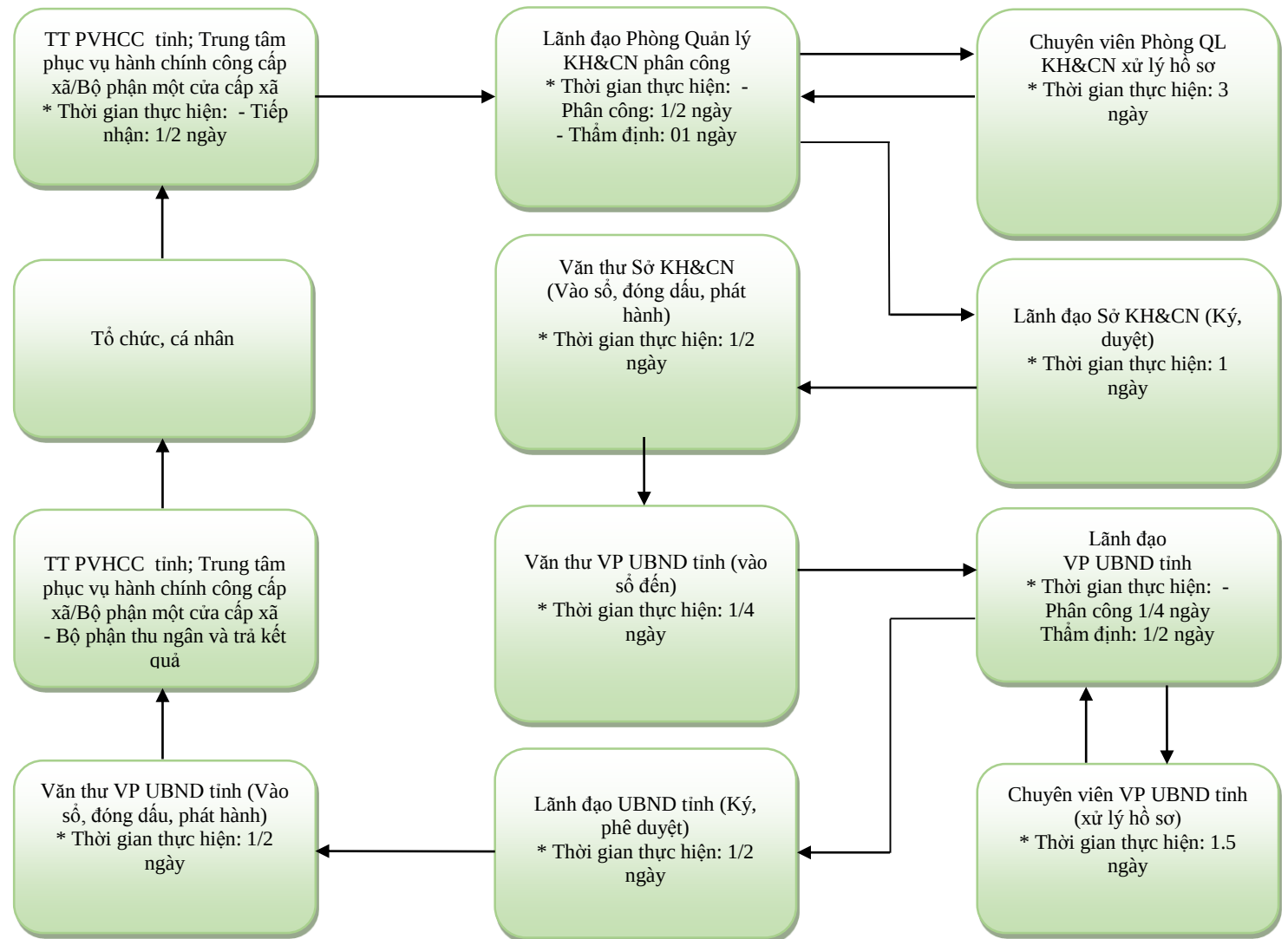
5

Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT

(SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

Mã TTHC:
1.014206.H35

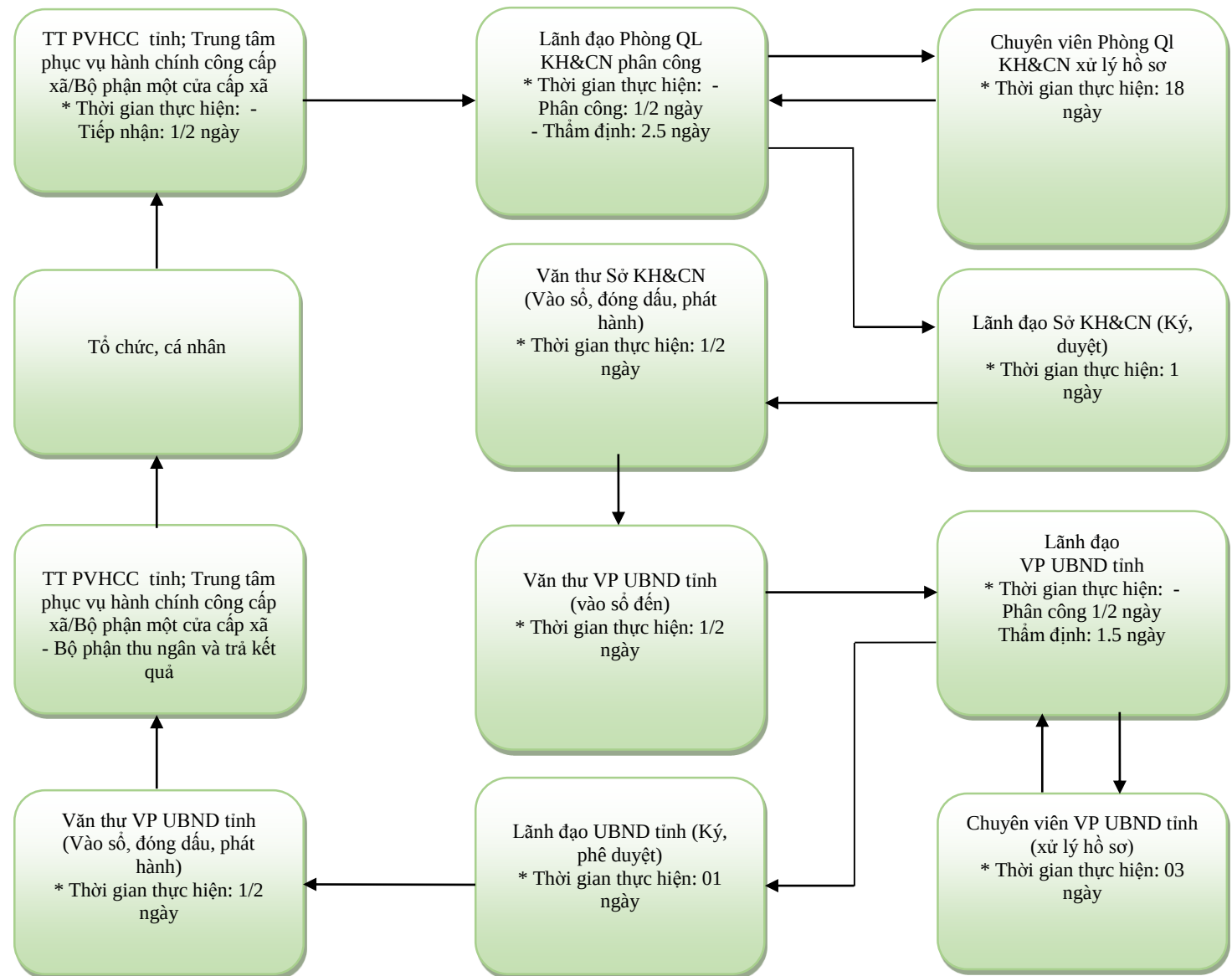


6

Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- Thời hạn giải quyết:
30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Mã TTHC:
1.014207.H35

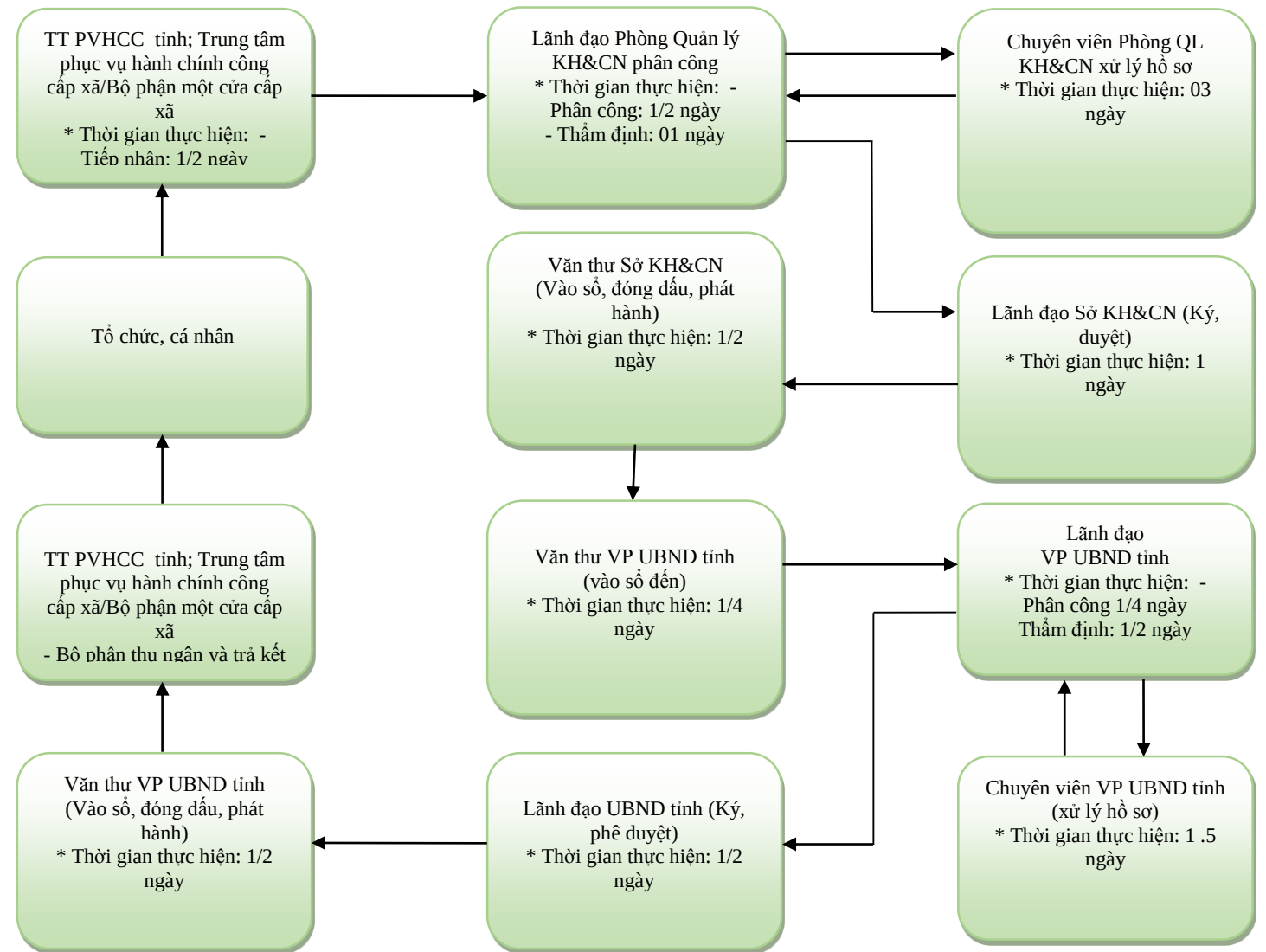


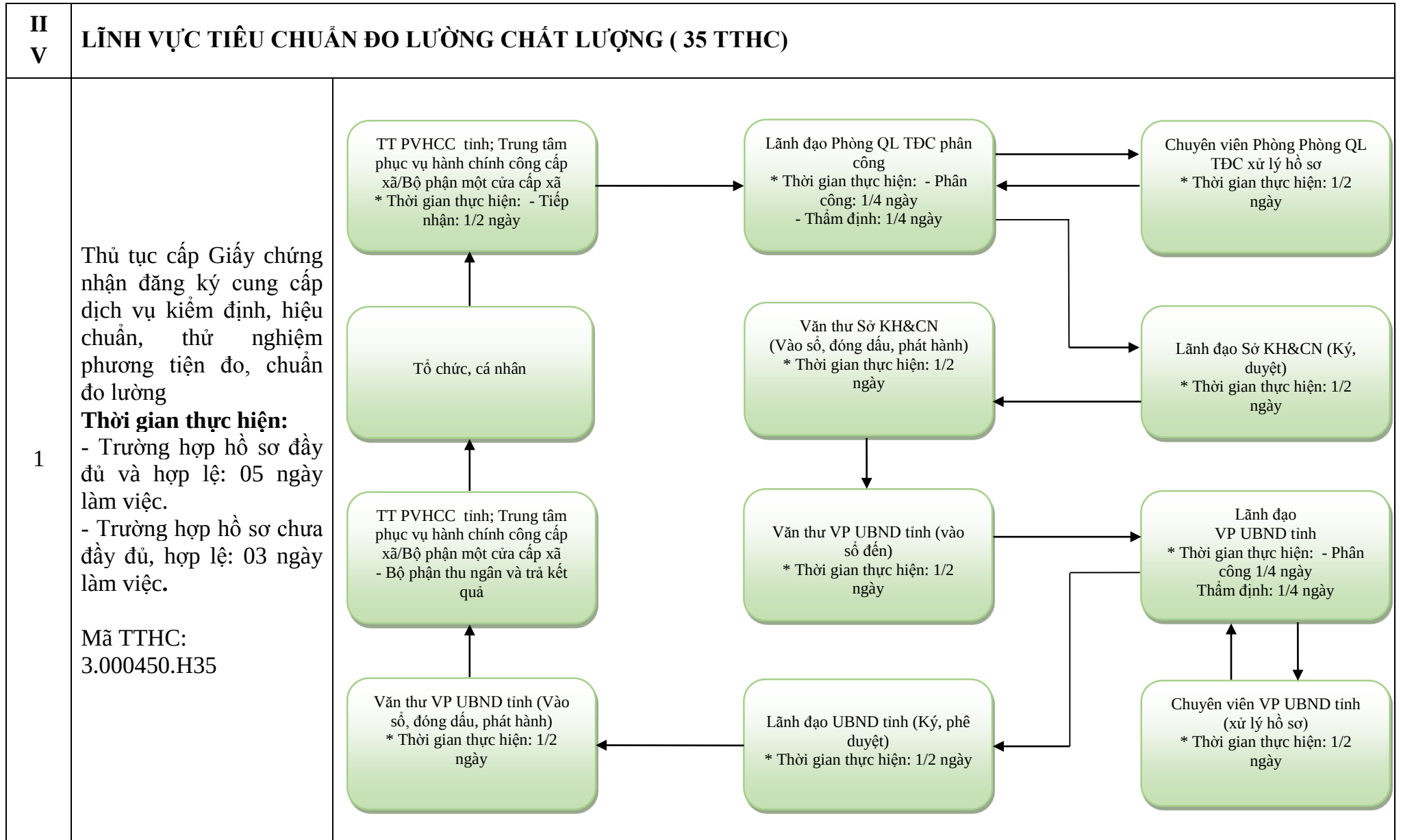
7

Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- Thời hạn giải quyết:
10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Mã TTHC:
1.014205.H35





2

Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

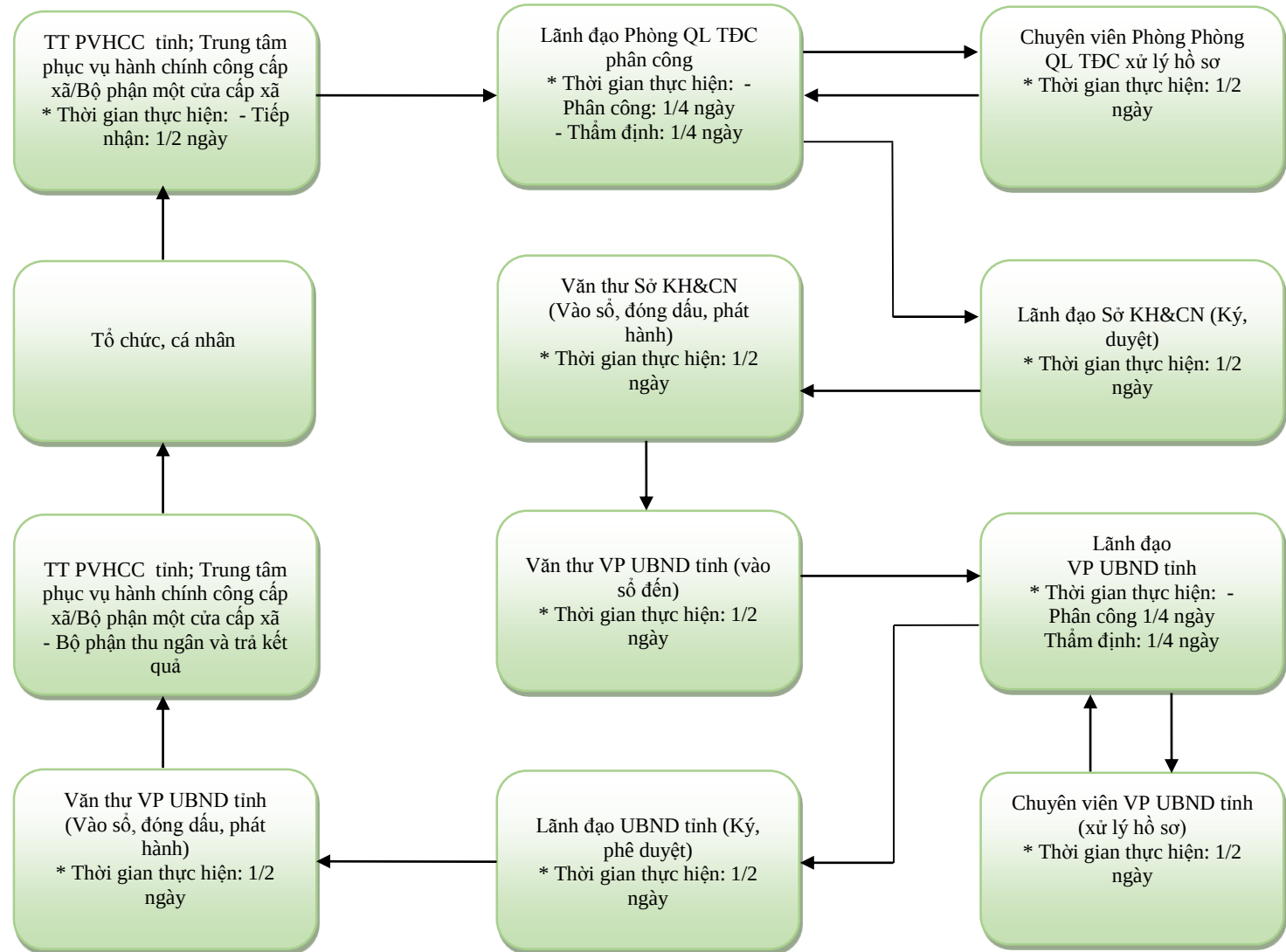
Thời gian thực hiện:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc.

Mã TTHC:

3.000463.H35

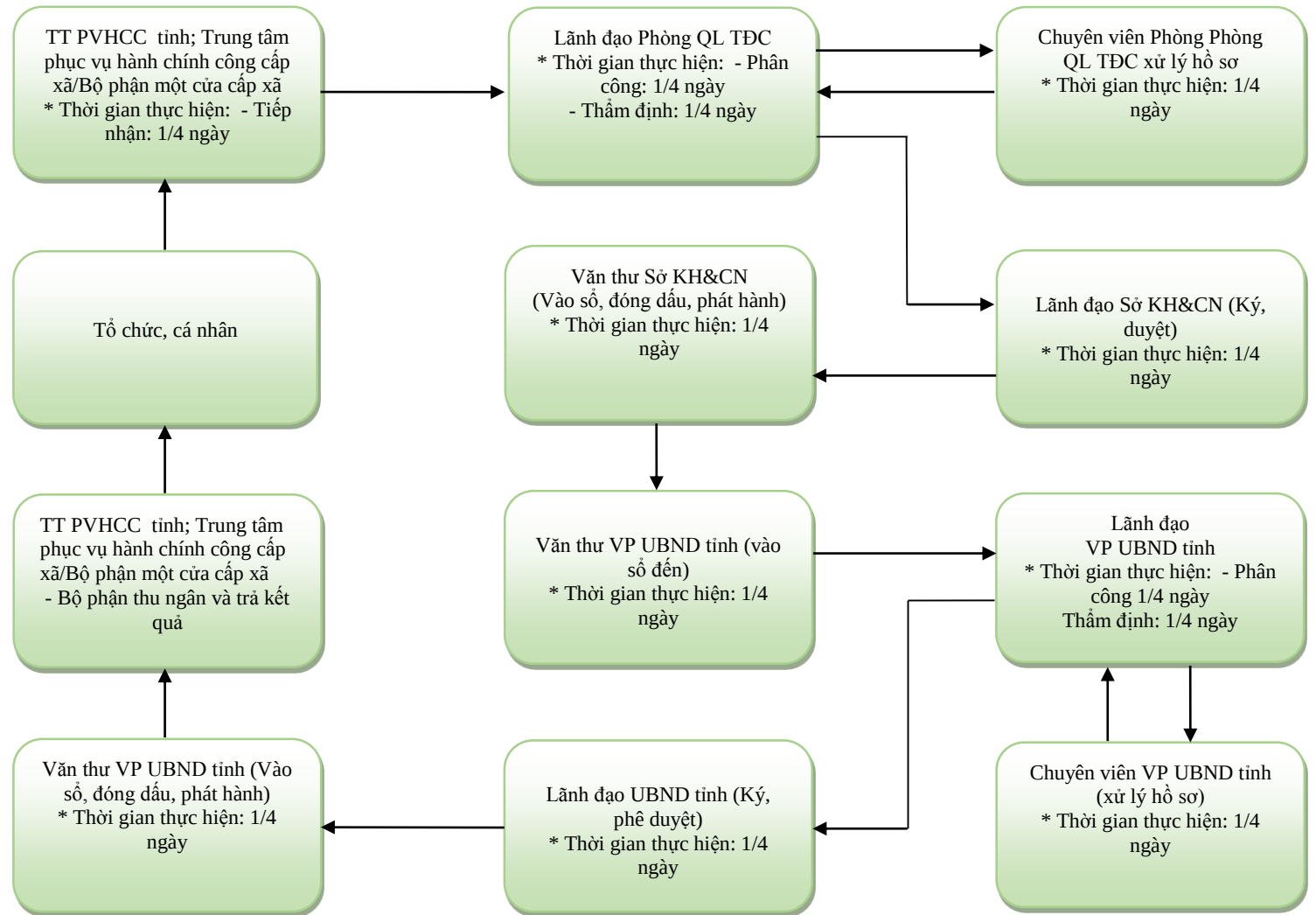


3

Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

Thời gian thực hiện: 03 ngày làm việc

Mã TTHC:
3.000452.H35



4

Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

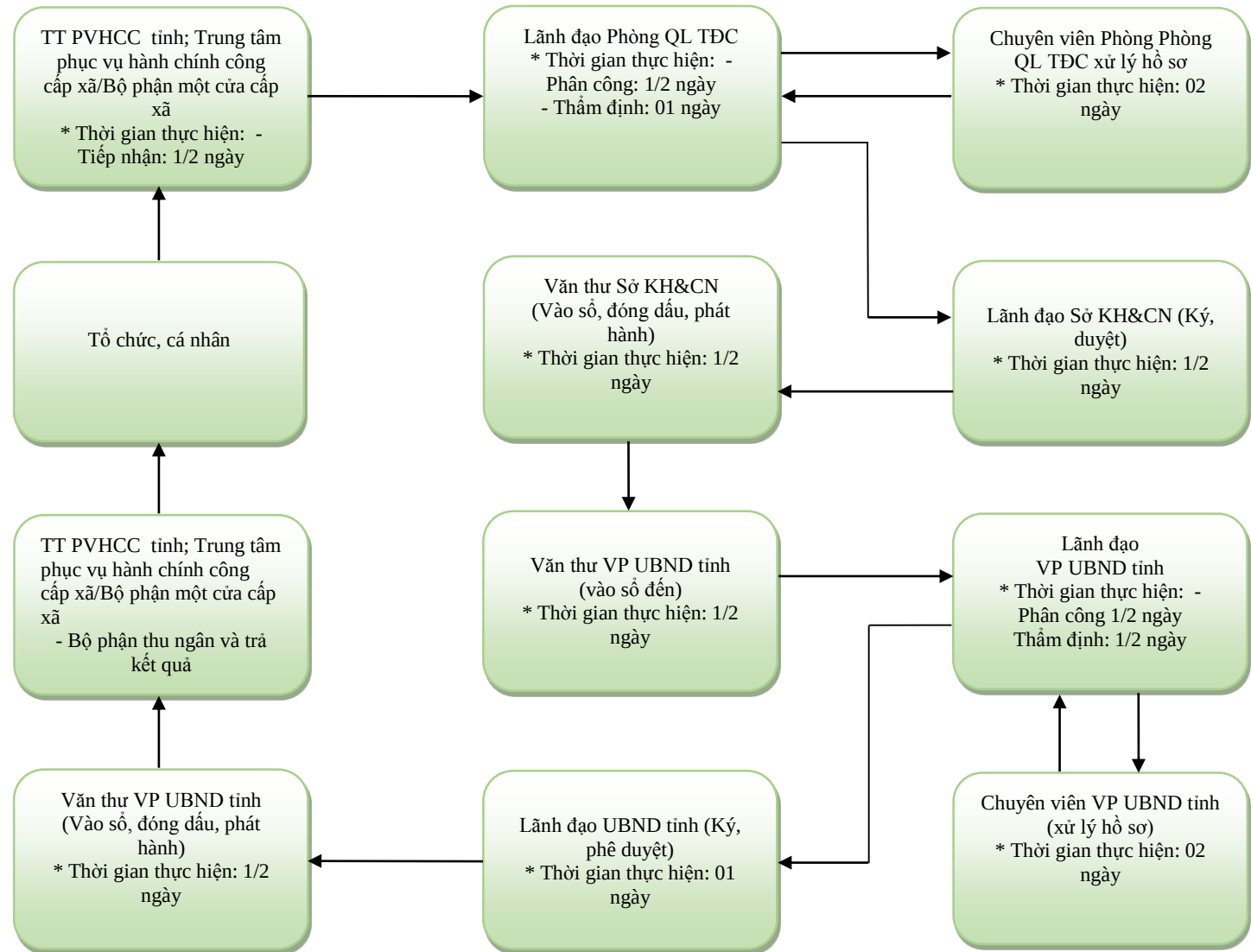
Thời gian thực hiện:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 03 ngày làm việc.

Mã TTHC:

3.000453.H35

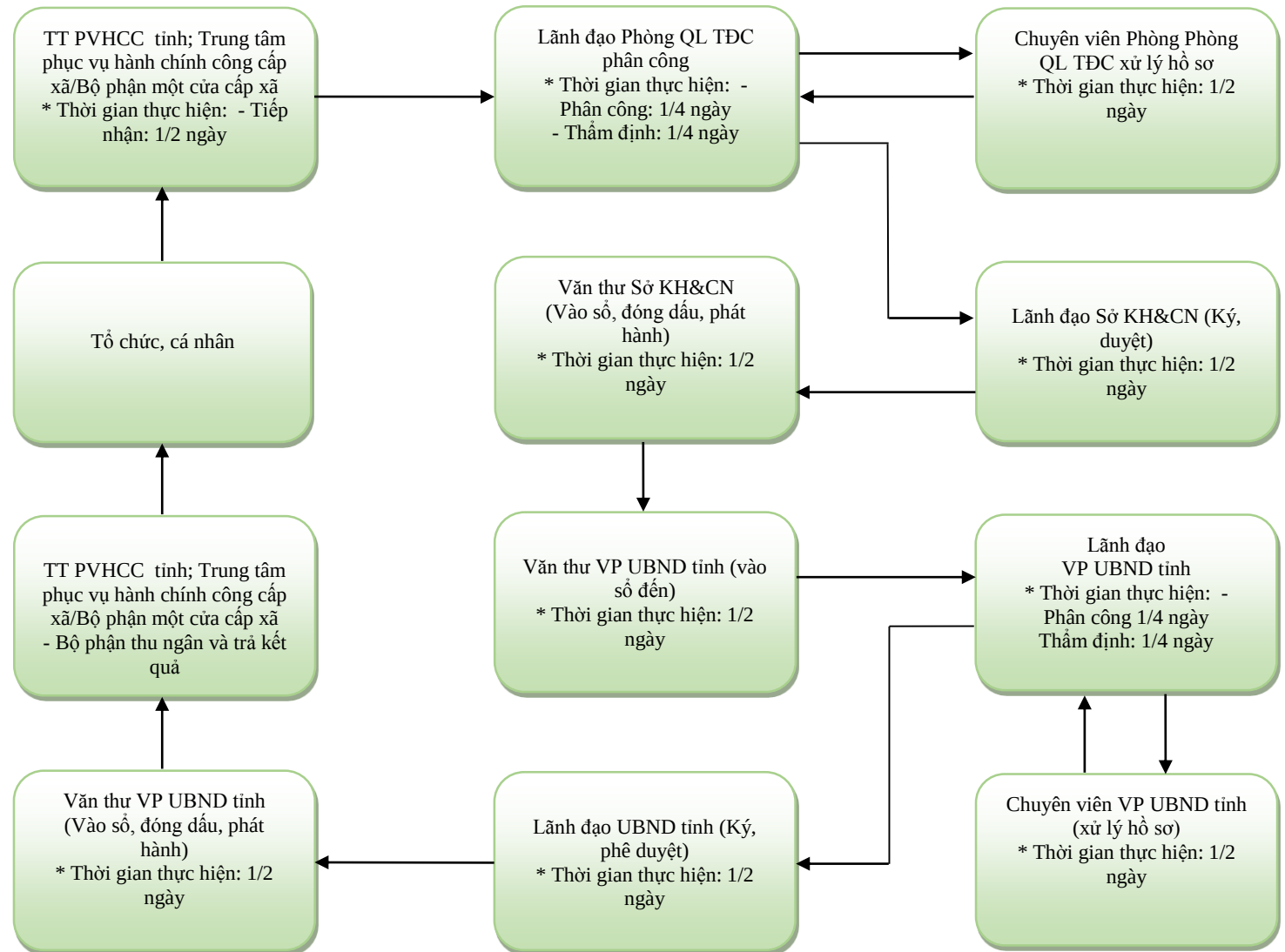


[illegible]

6

Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa
Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc

Mã TTHC:
3.000454.H35

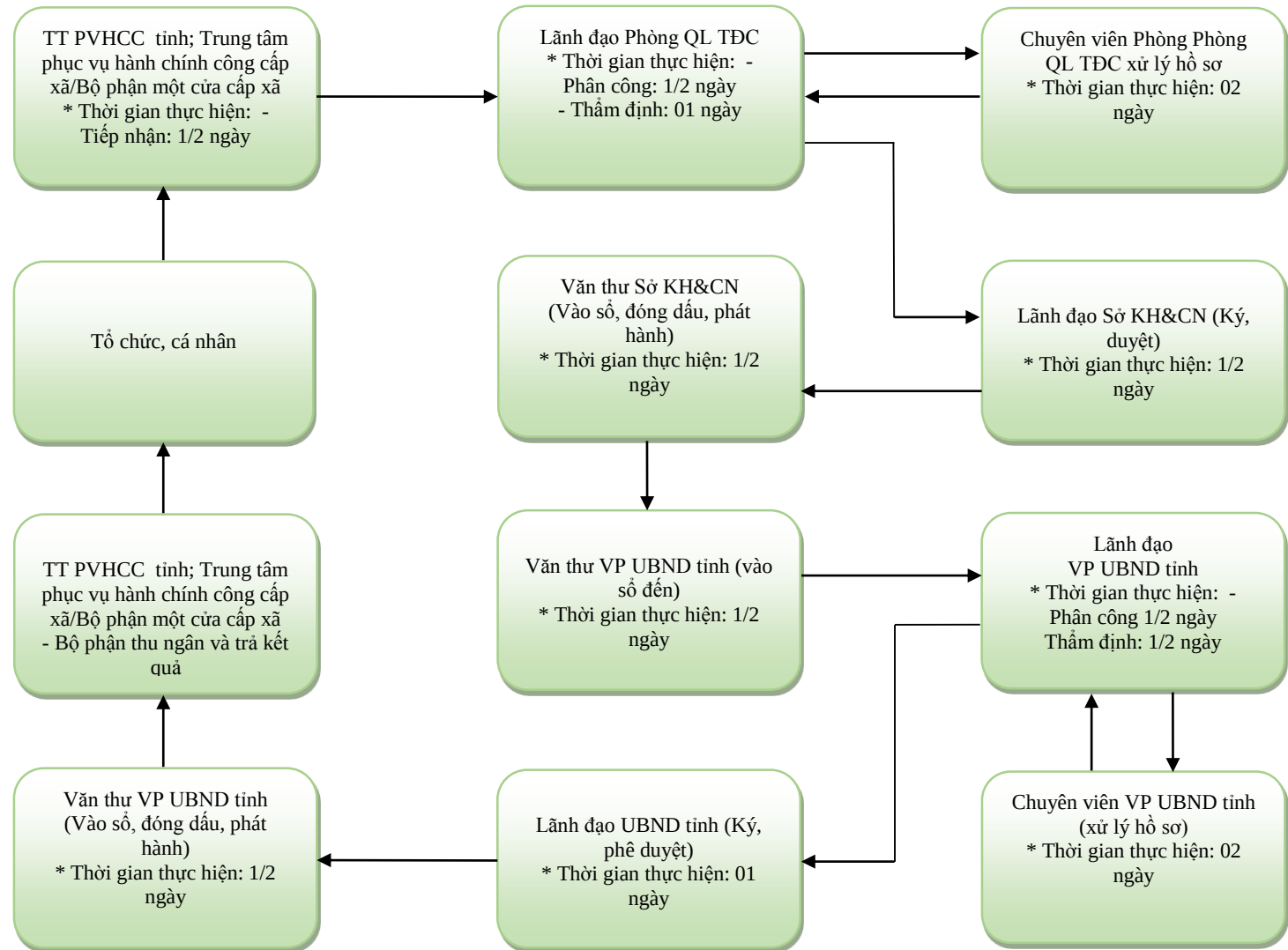


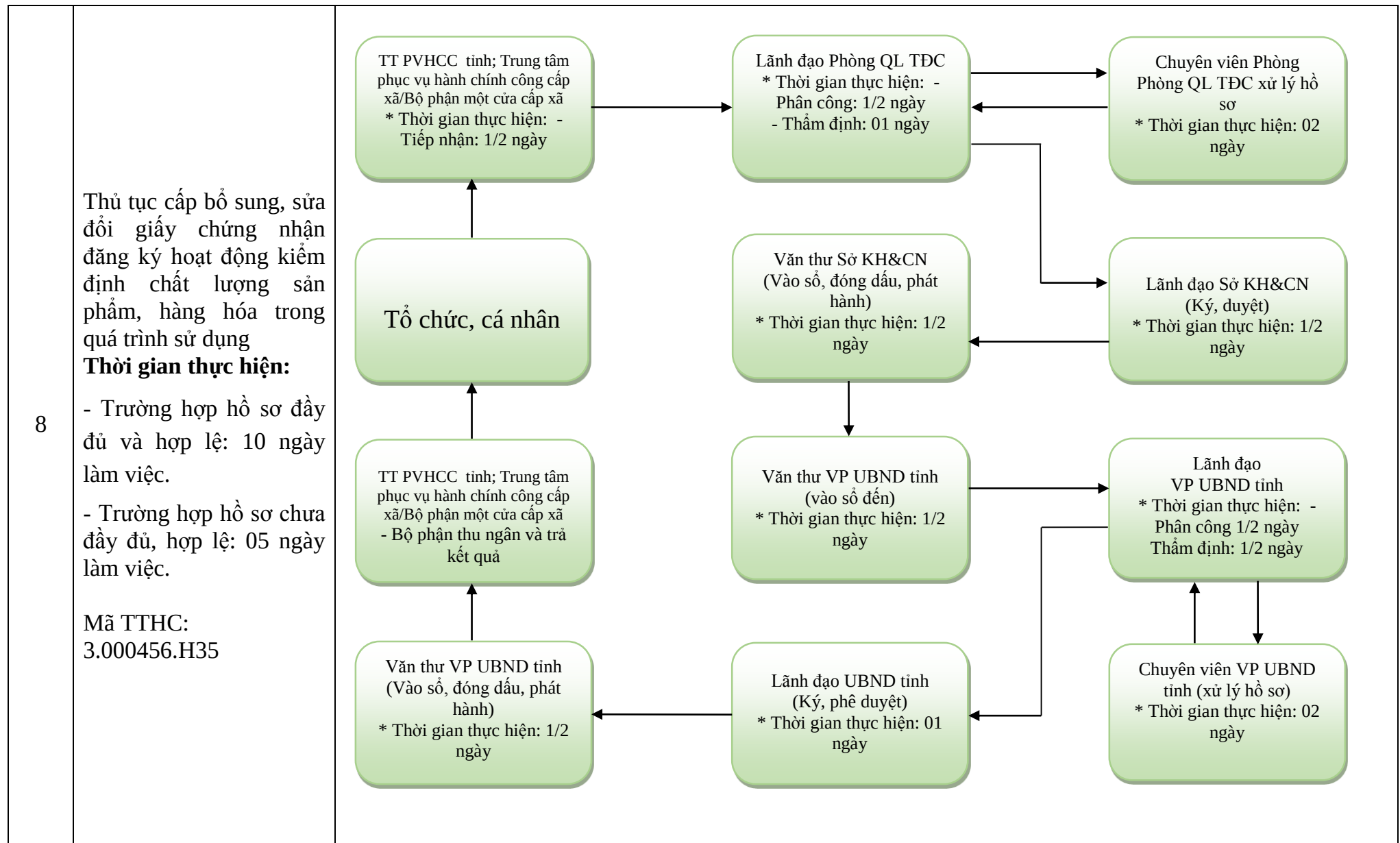
7

Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng

Thời gian thực hiện:
Không quy định

Mã TTHC:
3.000455.H35

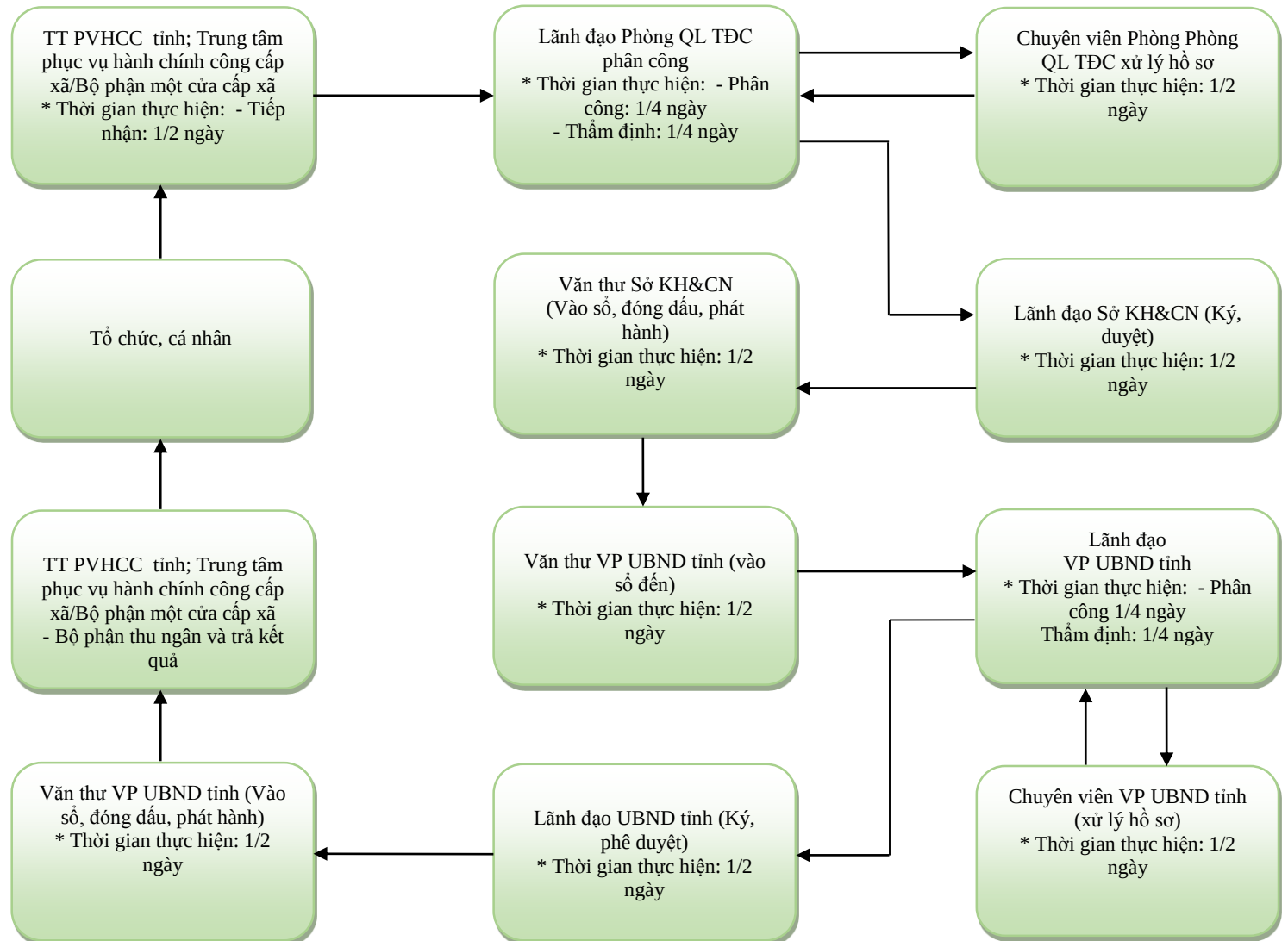




9

Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng
Thời hạn giải quyết: 05
 ngày làm việc.

Mã TTHC:
 3.000457.H35



Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc.
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.

Mã TTHC:
3.000458.H35

```
graph TD; A[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã  
* Thời gian thực hiện: -  
Tiếp nhận: 1/2 ngày] --> B[Lãnh đạo Phòng QL TĐC  
* Thời gian thực hiện: -  
Phân công: 1/2 ngày  
- Thẩm định: 01 ngày]; B <--> C[Chuyên viên Phòng QL TĐC xử lý hồ sơ  
* Thời gian thực hiện: 02 ngày]; B --> D[Văn thư Sở KH&CN  
(Vào sổ, đóng dấu, phát hành)  
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày]; D --> E[Văn thư VP UBND tỉnh (vào sổ đến)  
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày]; E --> F[Lãnh đạo VP UBND tỉnh  
* Thời gian thực hiện: -  
Phân công 1/2 ngày  
Thẩm định: 1/2 ngày]; F <--> G[Chuyên viên VP UBND tỉnh (xử lý hồ sơ)  
* Thời gian thực hiện: 02 ngày]; F --> H[Lãnh đạo UBND tỉnh (Ký, phê duyệt)  
* Thời gian thực hiện: 01 ngày]; H --> I[Văn thư VP UBND tỉnh (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)  
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày]; I --> J[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã  
- Bộ phận thu ngân và trả kết quả]; J --> K[Tổ chức, cá nhân]
```

The flowchart illustrates the process for issuing a certificate of registration of quality inspection activities. It begins with the receipt of the application by the Provincial People's Service Center or the District-level One-stop Service Window. The process then moves to the Quality Inspection Department for review and assessment. Following approval, the relevant documents are issued by the Provincial Department of Industry and Commerce and the Provincial People's Committee. The final step involves the issuance of the certificate by the Provincial People's Service Center or the District-level One-stop Service Window to the applicant.

11

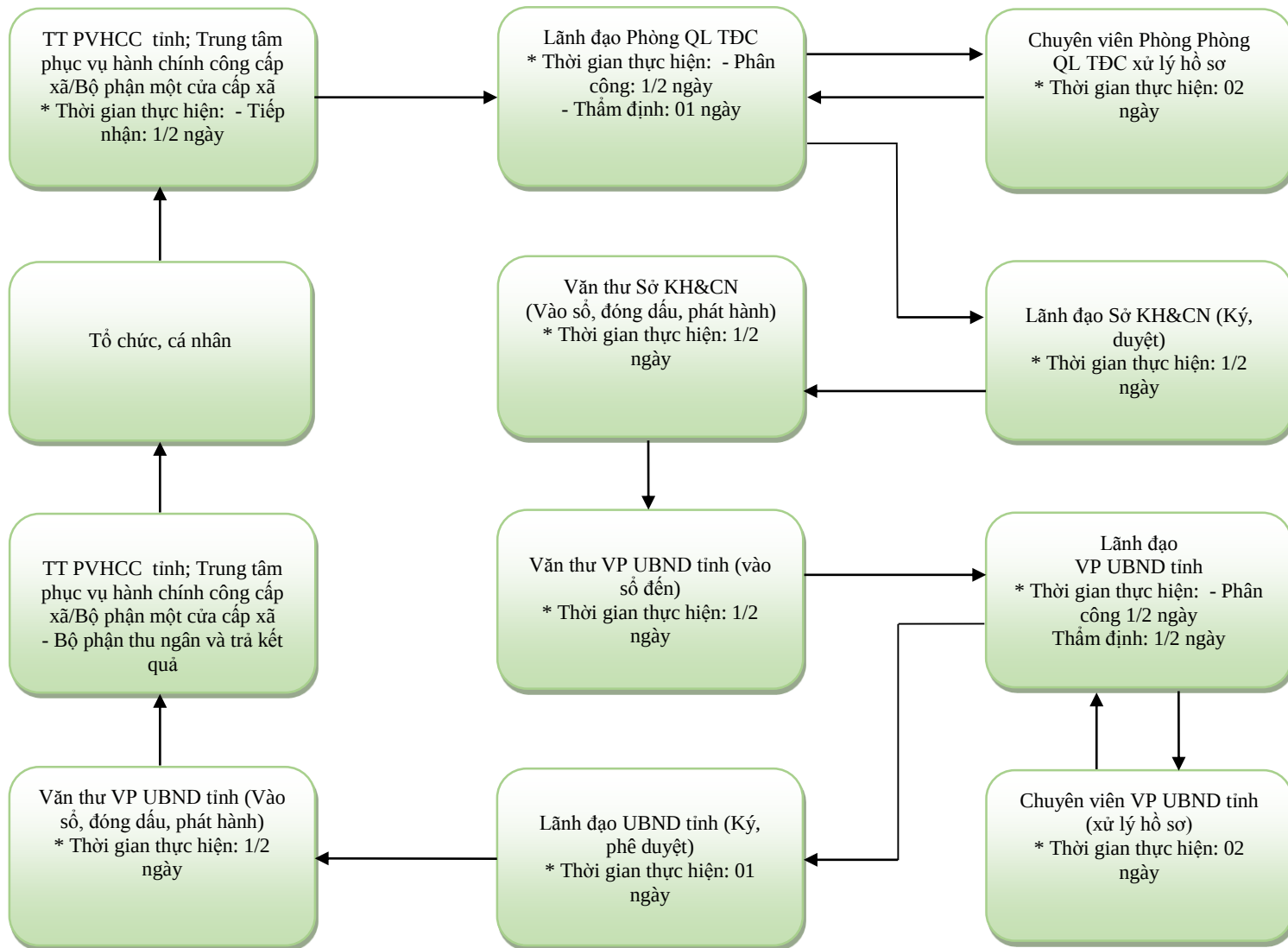
Thủ tục cấp bổ sung, sửa
đổi giấy chứng nhận
đăng ký hoạt động giám
định chất lượng sản
phẩm, hàng hóa

Thời hạn giải quyết:

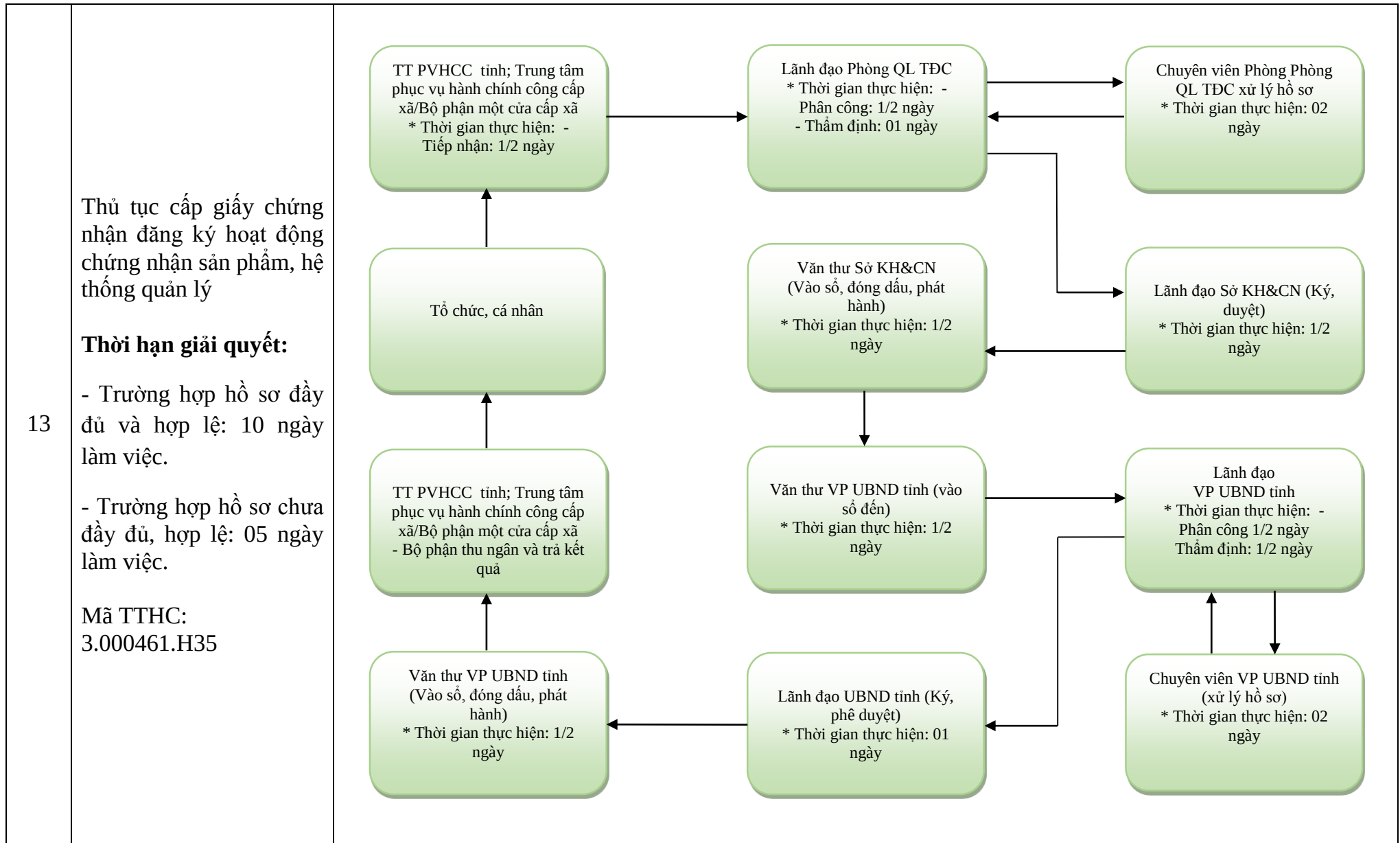
- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc.

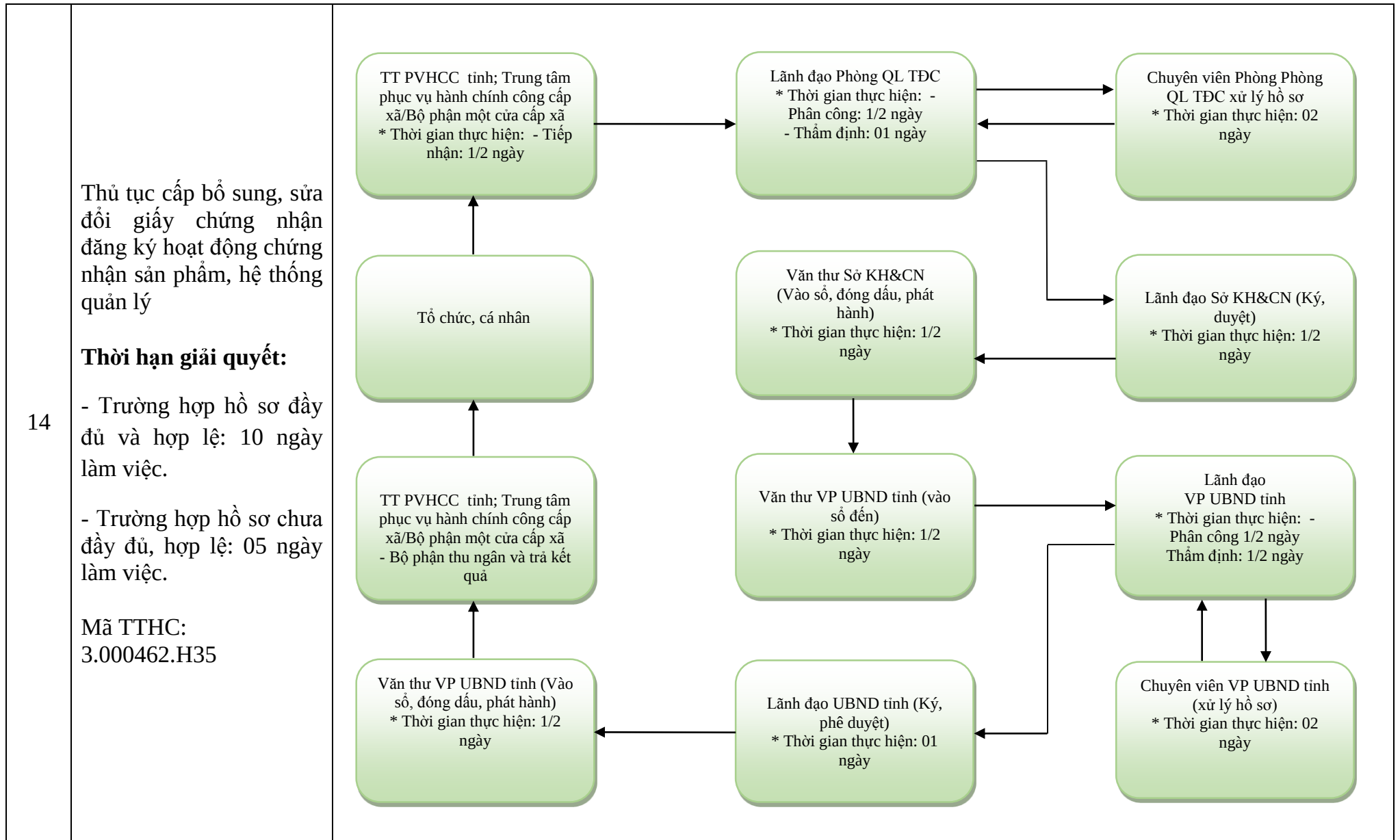
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: 05 ngày làm việc.

Mã TTHC:
3.000460.H35



[illegible]



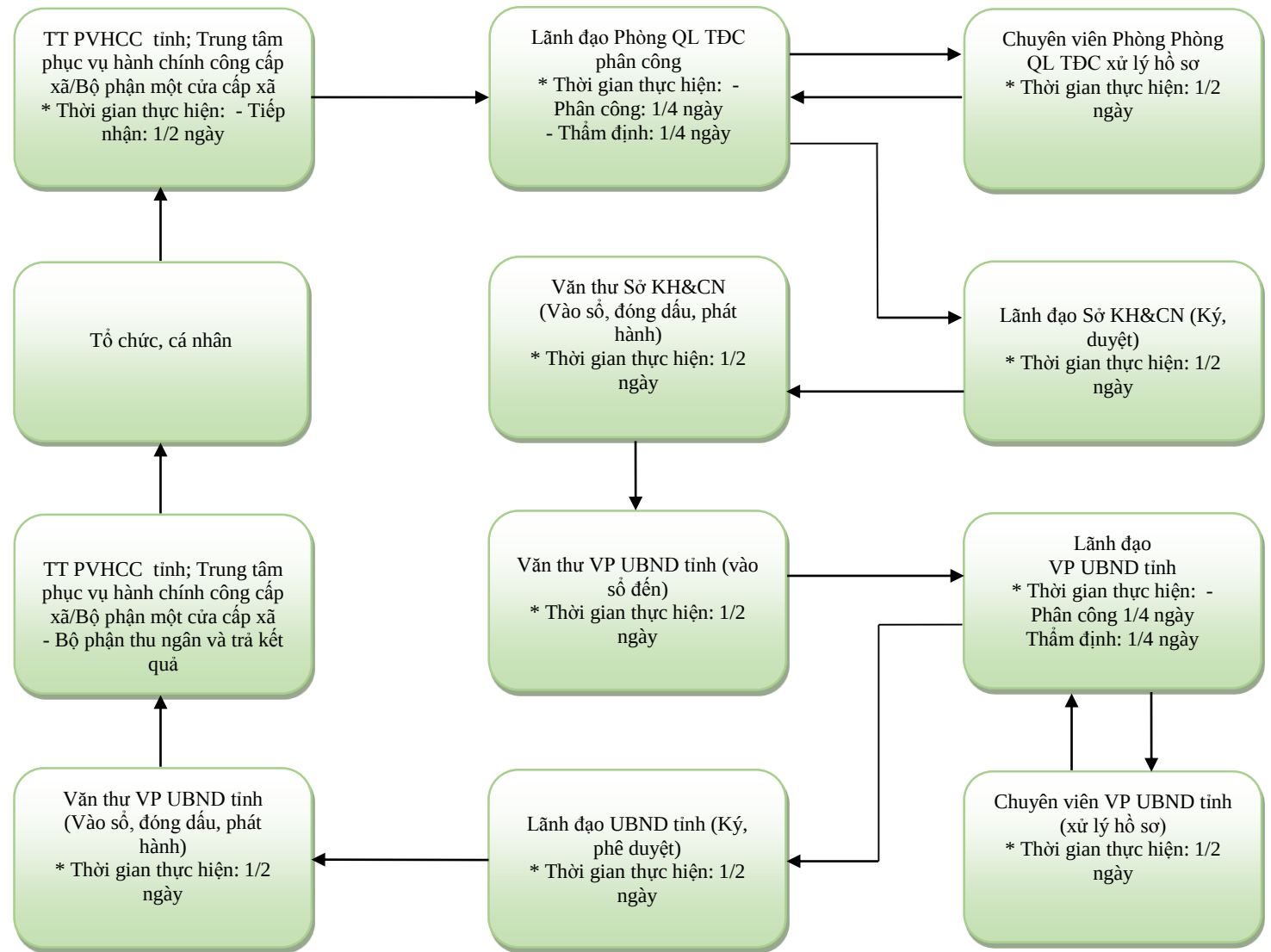


15

Thủ tục cấp lại giấy
chứng nhận đăng ký
chứng nhận sản phẩm, hệ
thống quản lý

Thời hạn giải quyết: 05
làm việc

Mã TTHC:
3.000464.H35

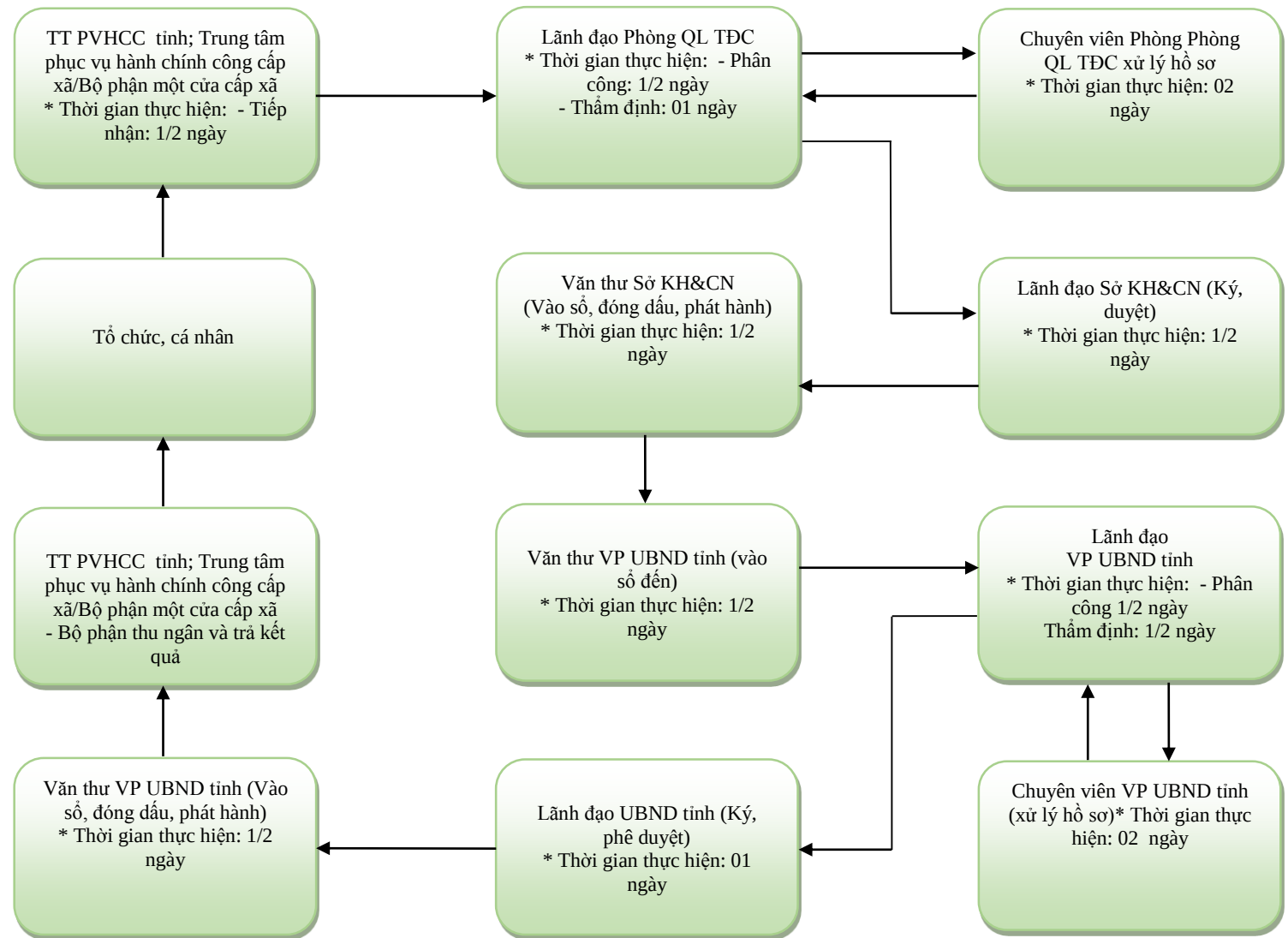


16

Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

- **Thời hạn giải quyết:**
10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

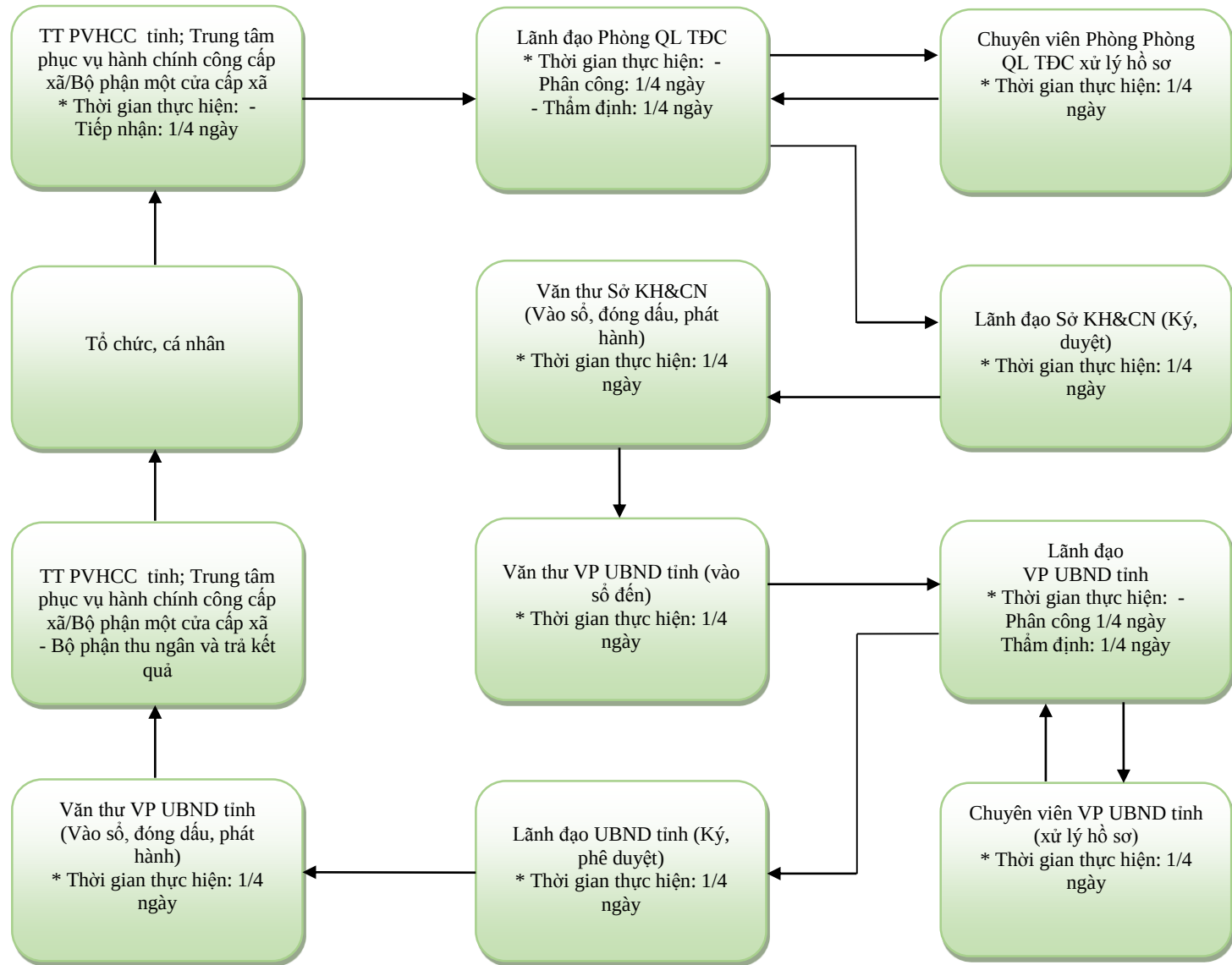
Mã TTHC:
3.000469.H35



18

Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường .
- Thời hạn giải quyết:
 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Mã TTHC:
 3.000471.H35

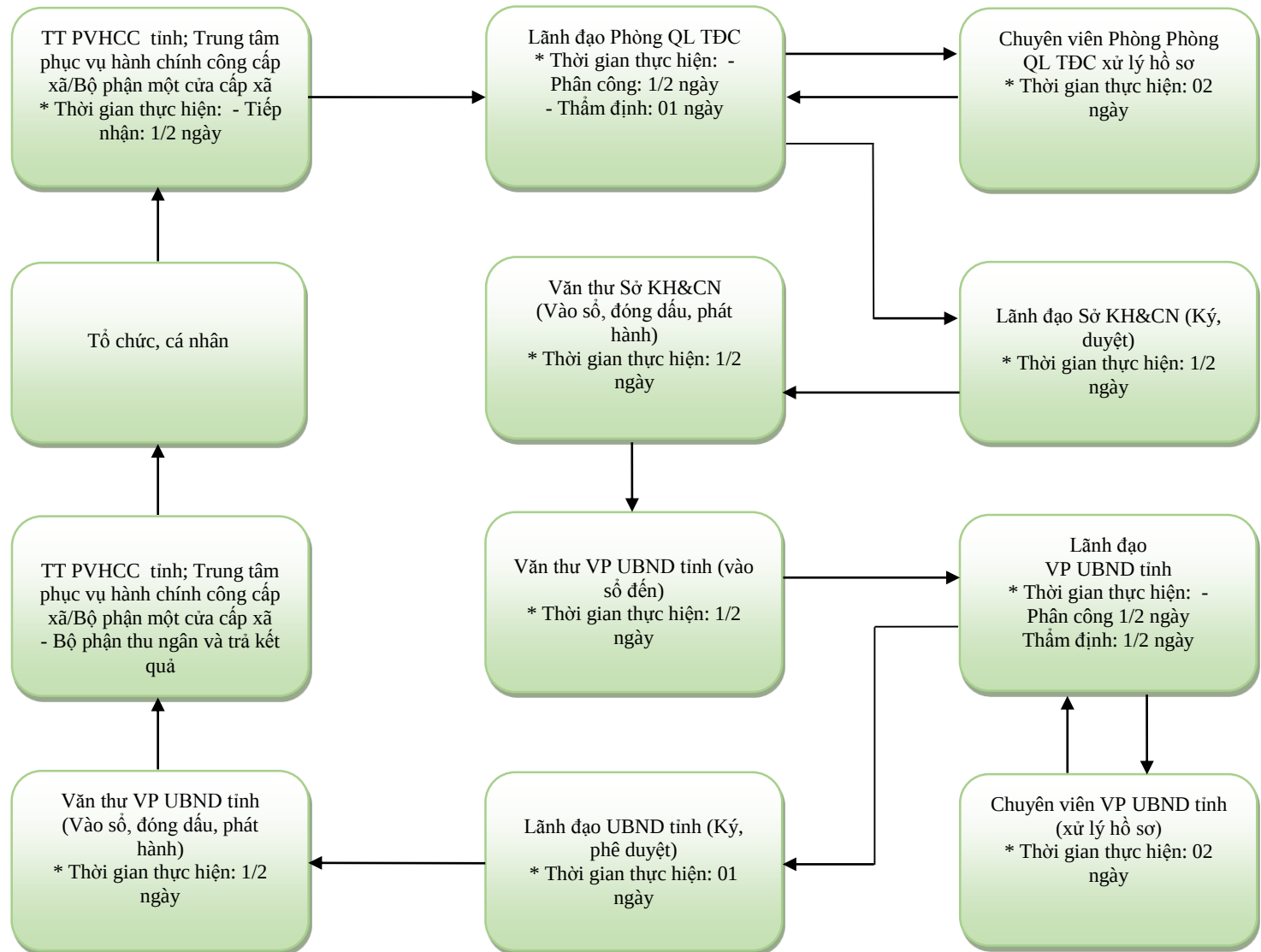


19

Thủ tục chứng nhận, cấp
thẻ kiểm định viên đo
lường .

- **Thời hạn giải quyết:**
10 ngày làm việc kể từ
khi nhận được hồ sơ đầy
đủ, hợp lệ.

Mã TTHC:
3.000488.H35

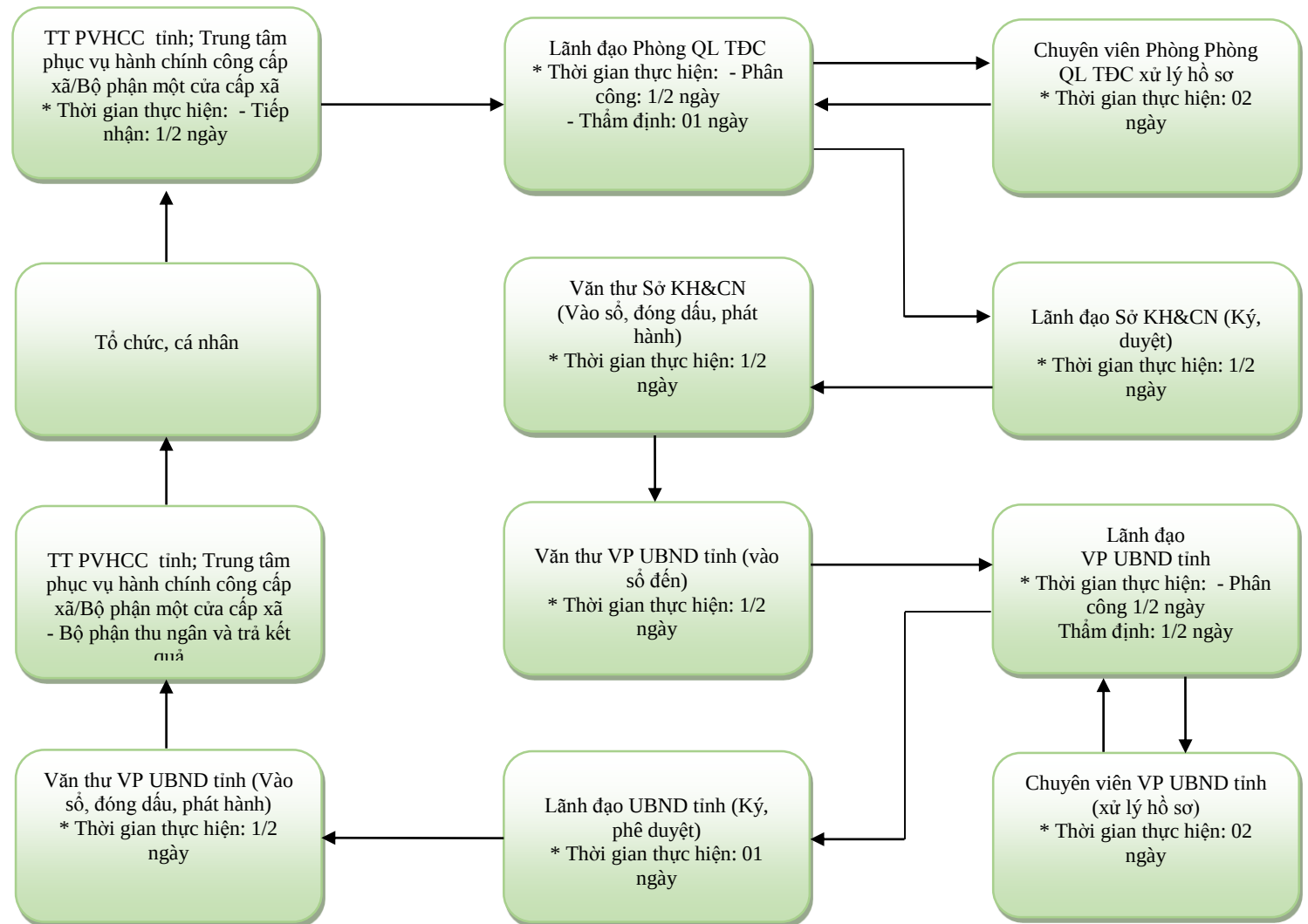


20

Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường

- Thời hạn giải quyết:
10 ngày làm việc kể từ
khi nhận được hồ sơ đầy
đủ, hợp lệ.

Mã TTHC:
3.000472.H35

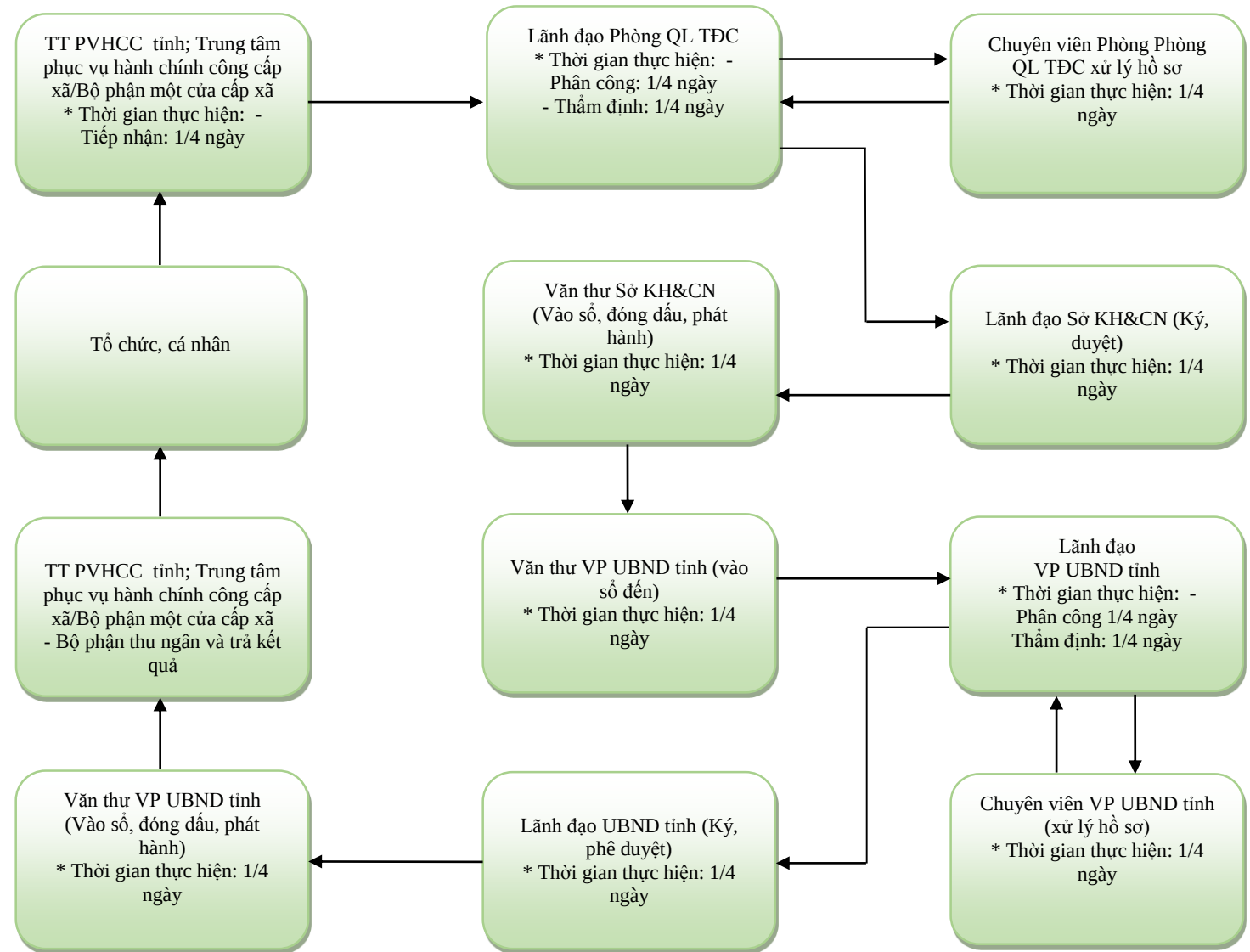


21

Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường .

- Thời hạn giải quyết:
03 ngày làm việc kể từ
khi nhận được hồ sơ đầy
đủ, hợp lệ.

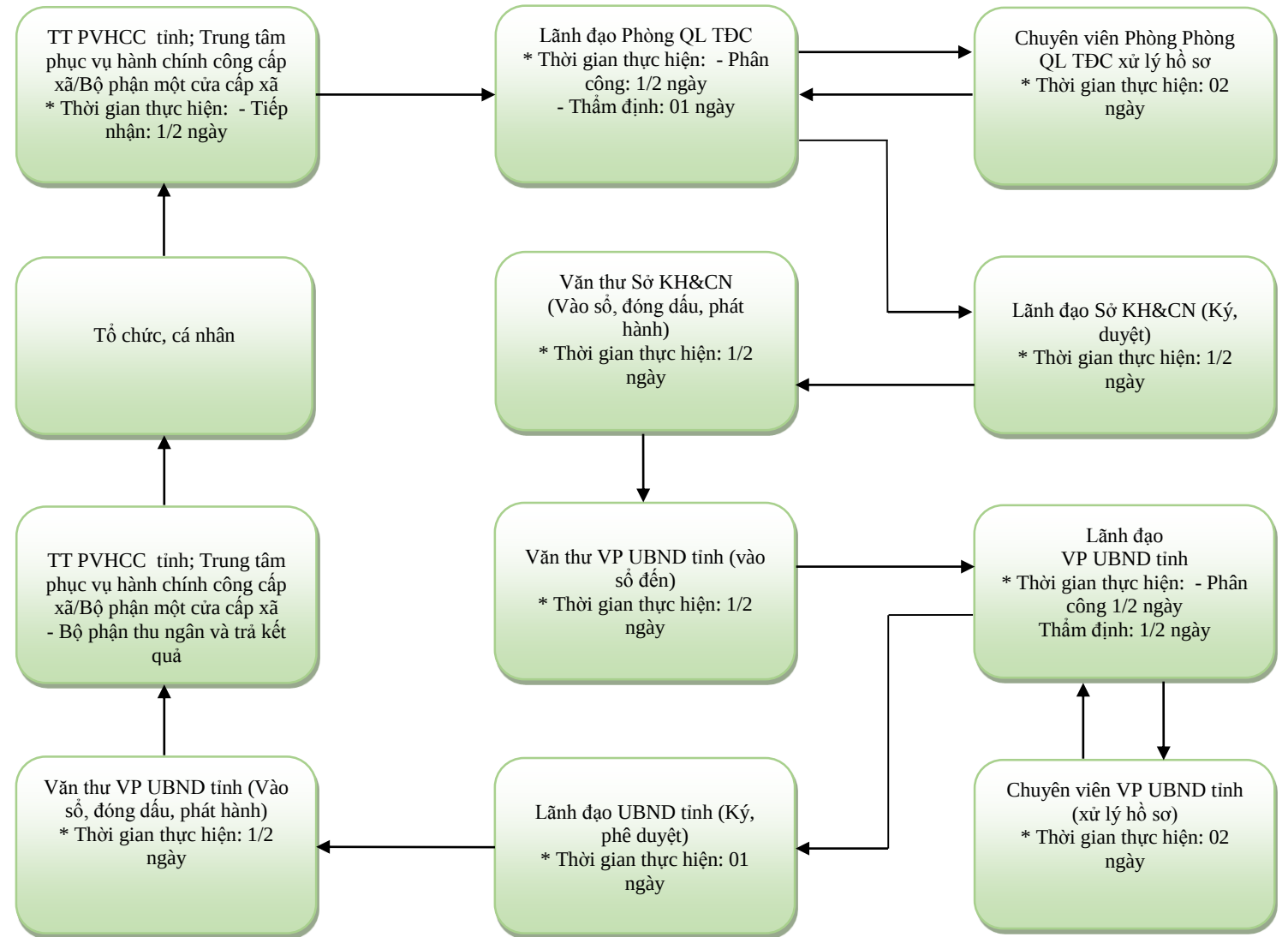
Mã TTHC:
3.000473.H35



22

Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.
- Thời hạn giải quyết:
 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Mã TTHC:
 3.000474.H35

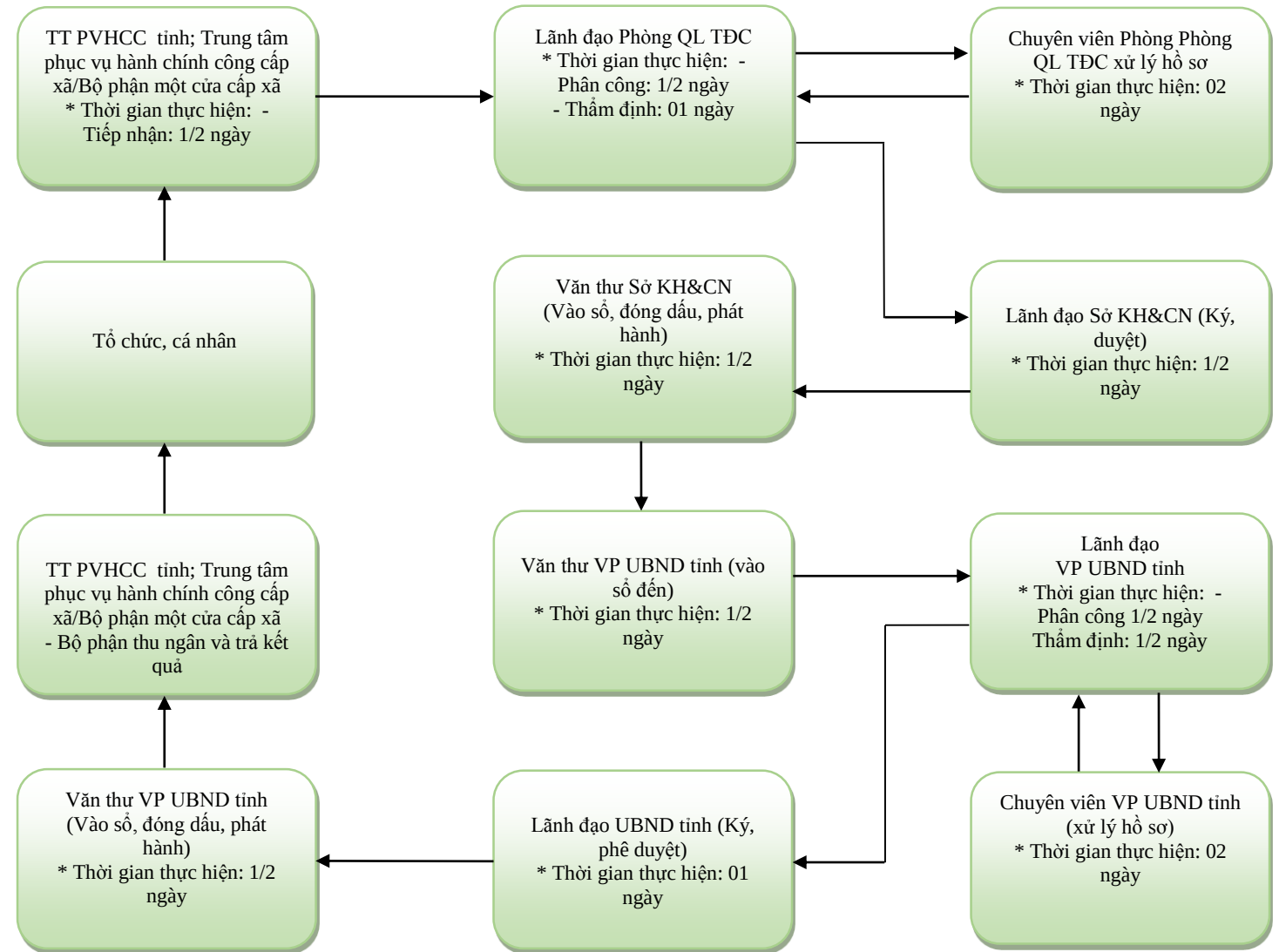


23

Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC:
3.000475.H35

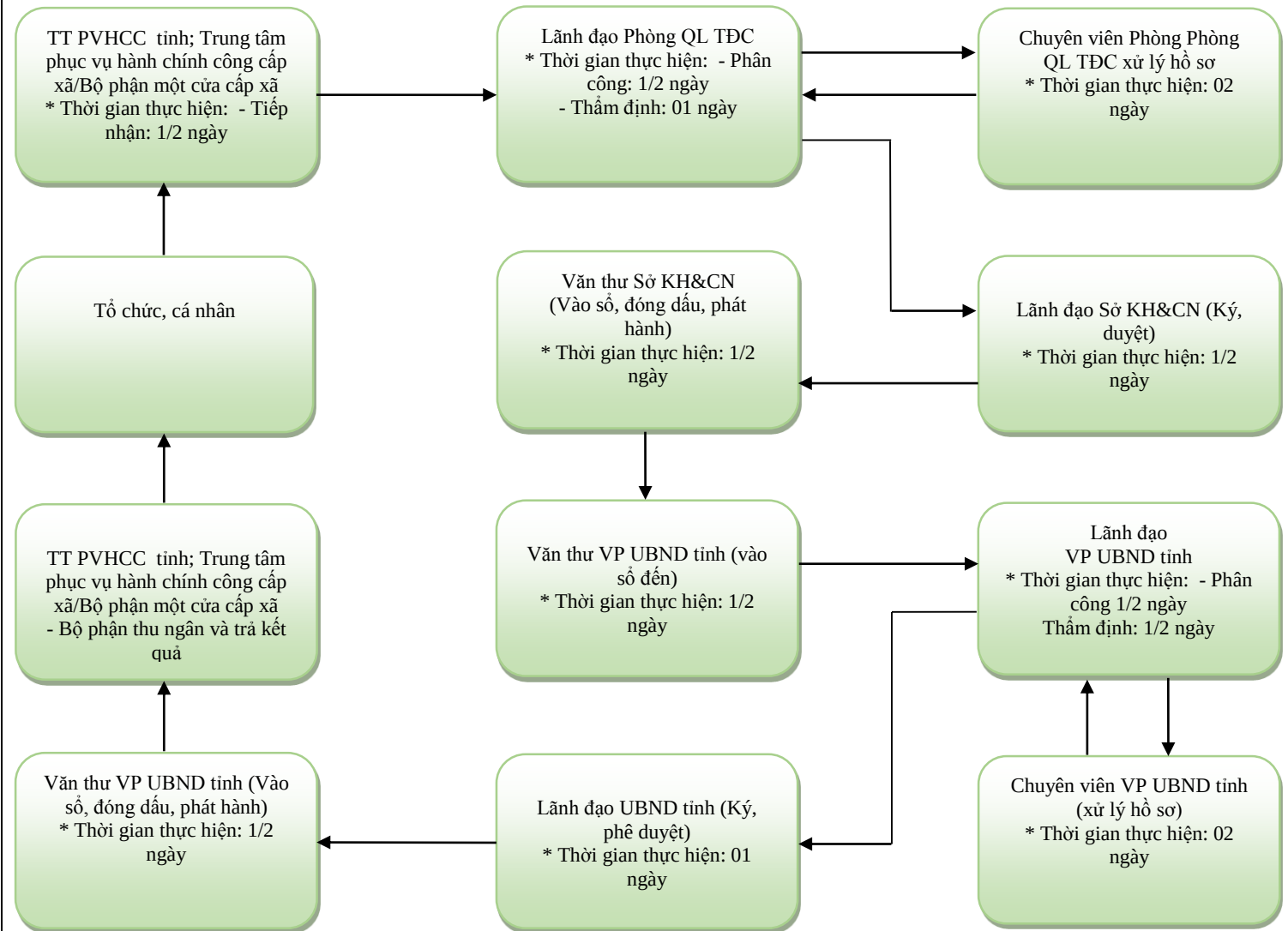


24

Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn.

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC:
3.000476.H35

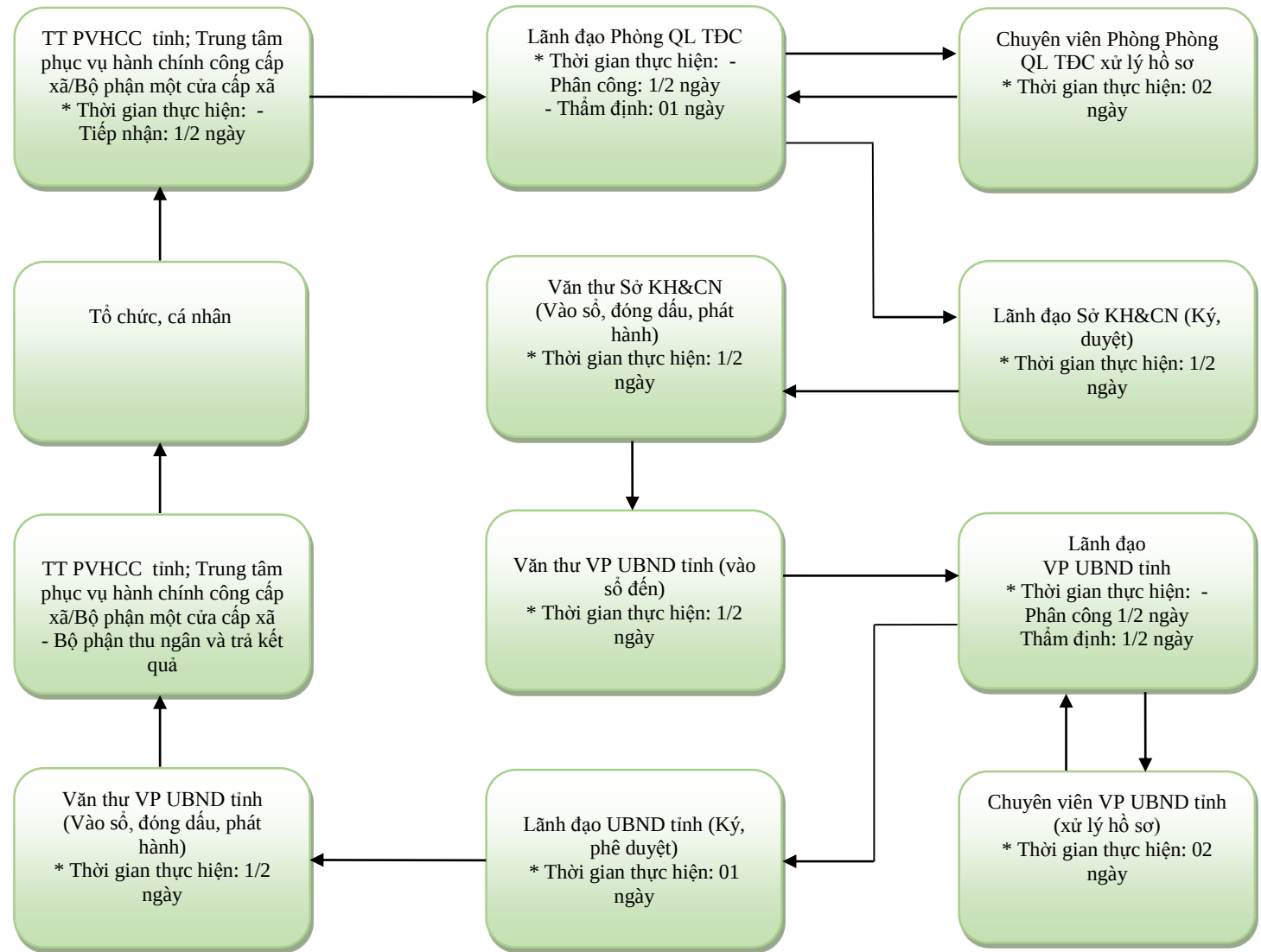


25

Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập.

- Thời hạn giải quyết:
10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC:
3.000477.H35

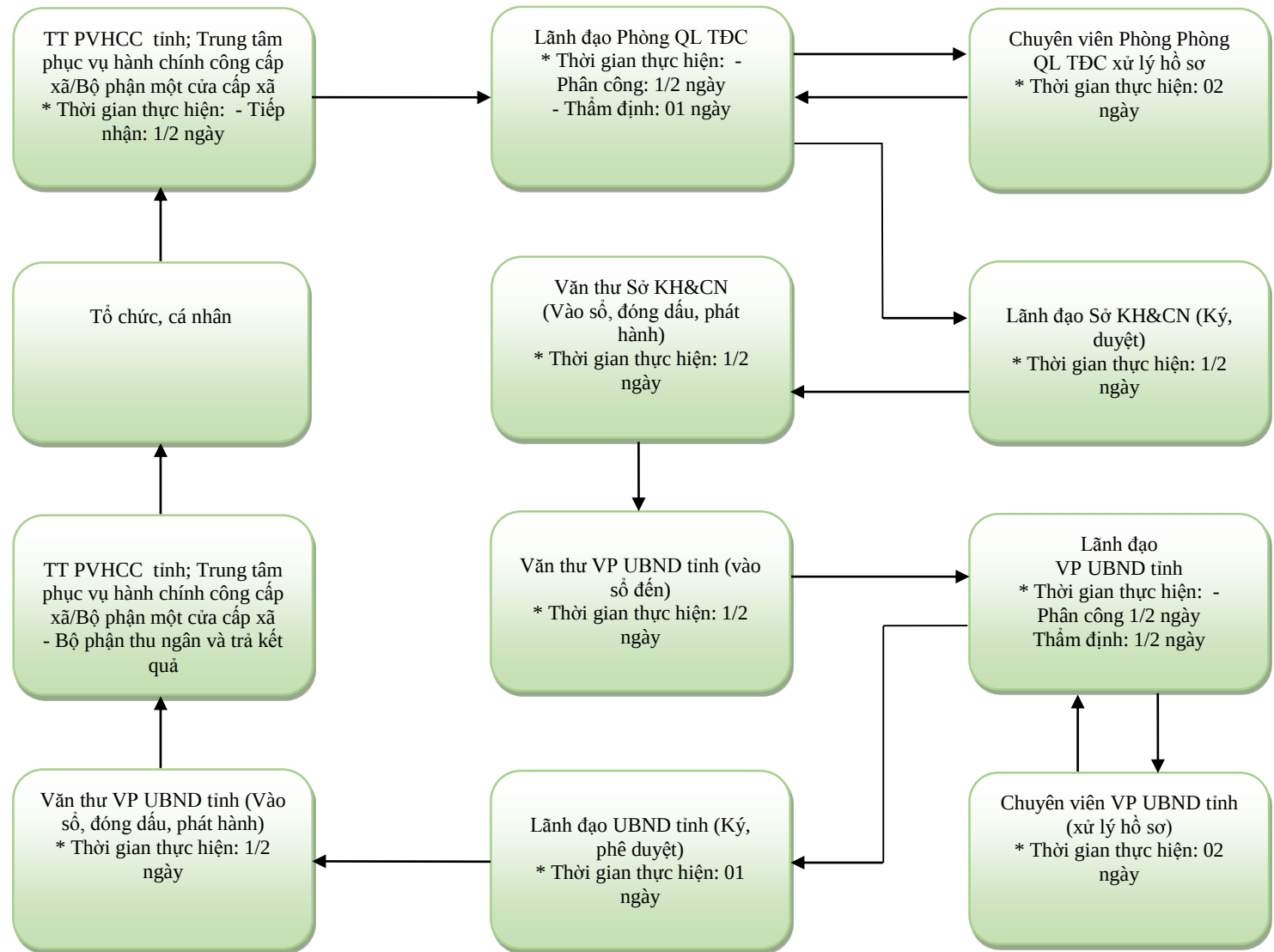


26

Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập.

- Thời hạn giải quyết:
10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC:
3.000478.H35

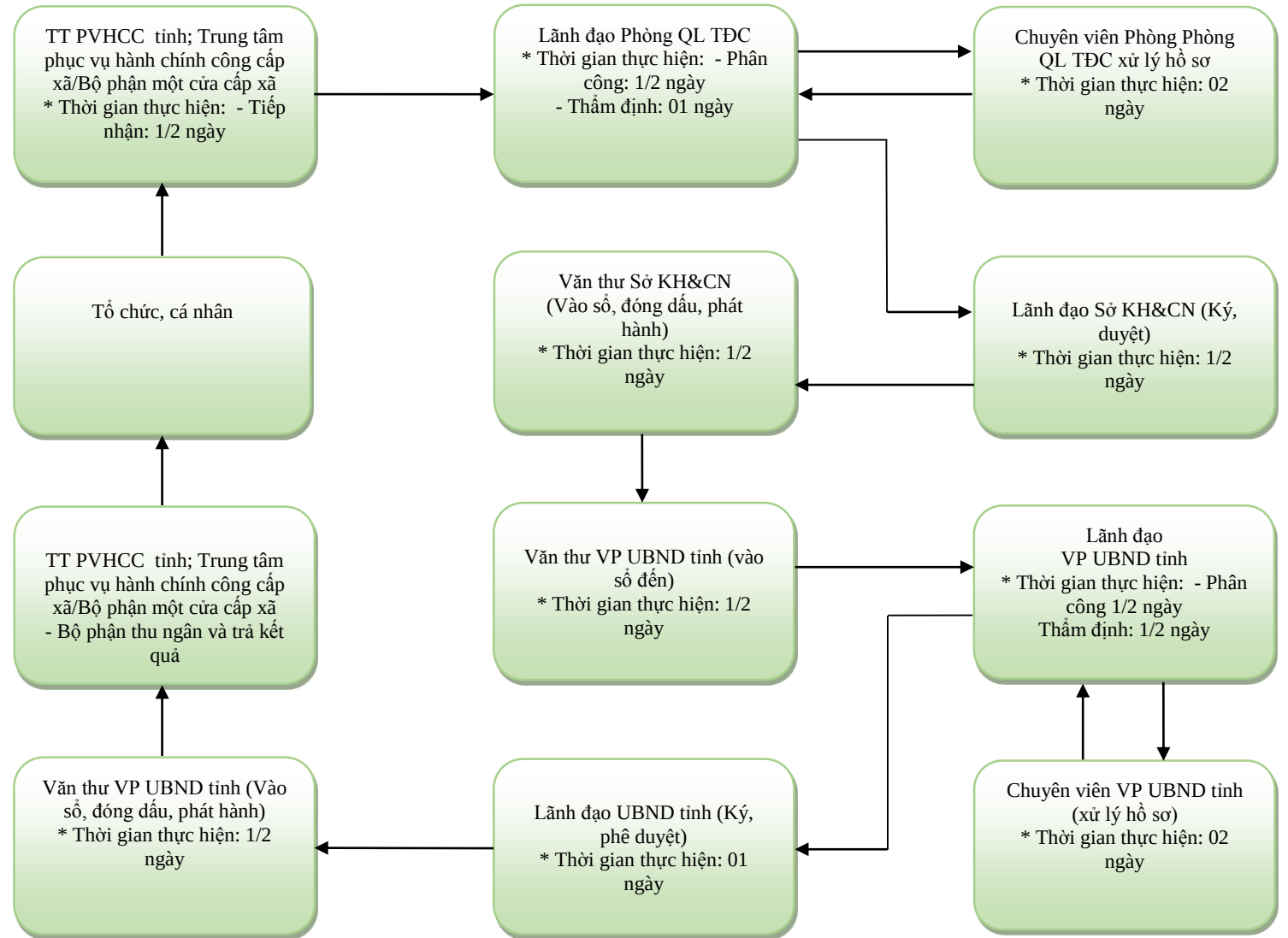


27

Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận.

- Thời hạn giải quyết:
10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC:
3.000479.H35

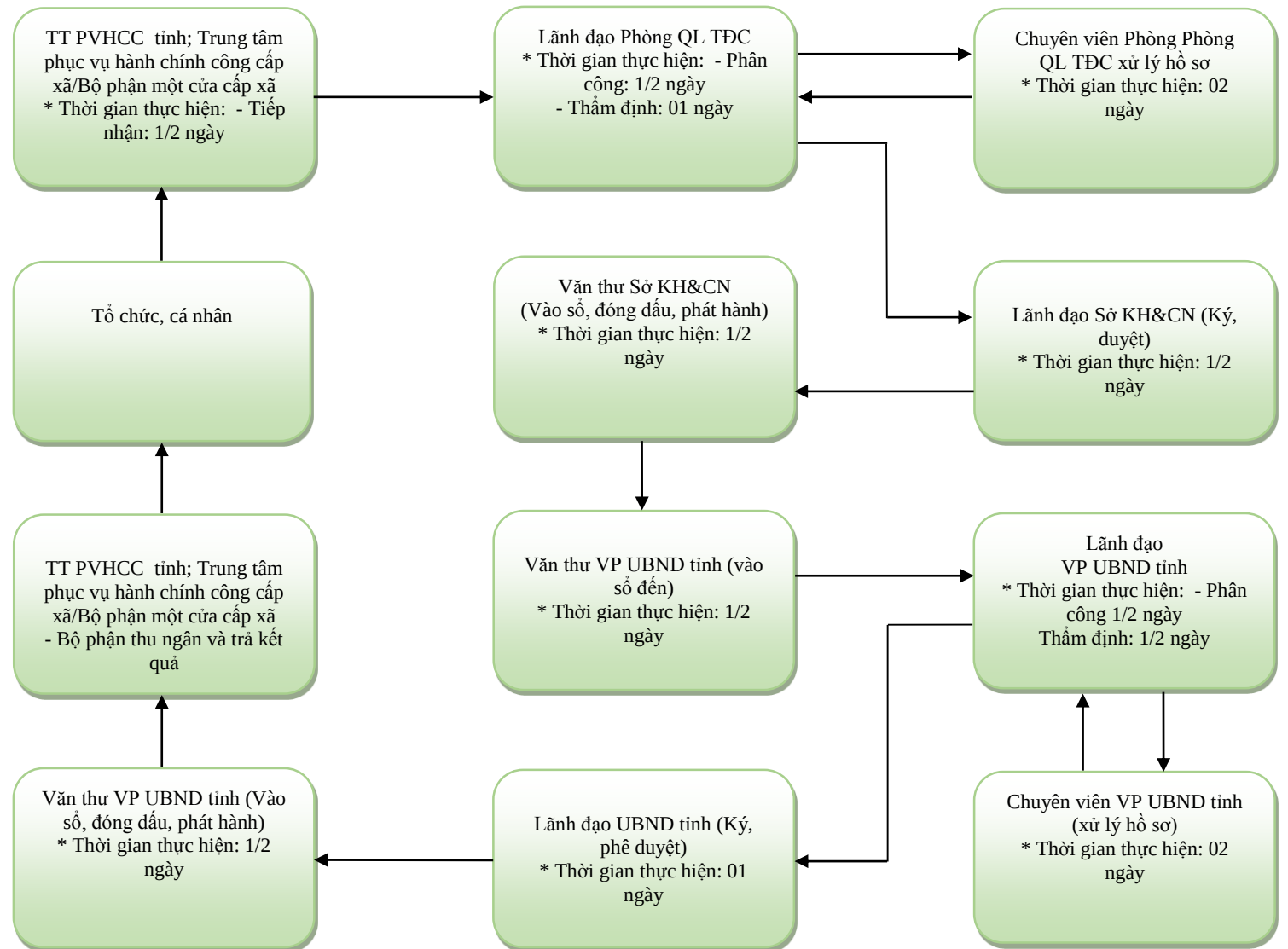


28

Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận.

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC:
3.000480.H35

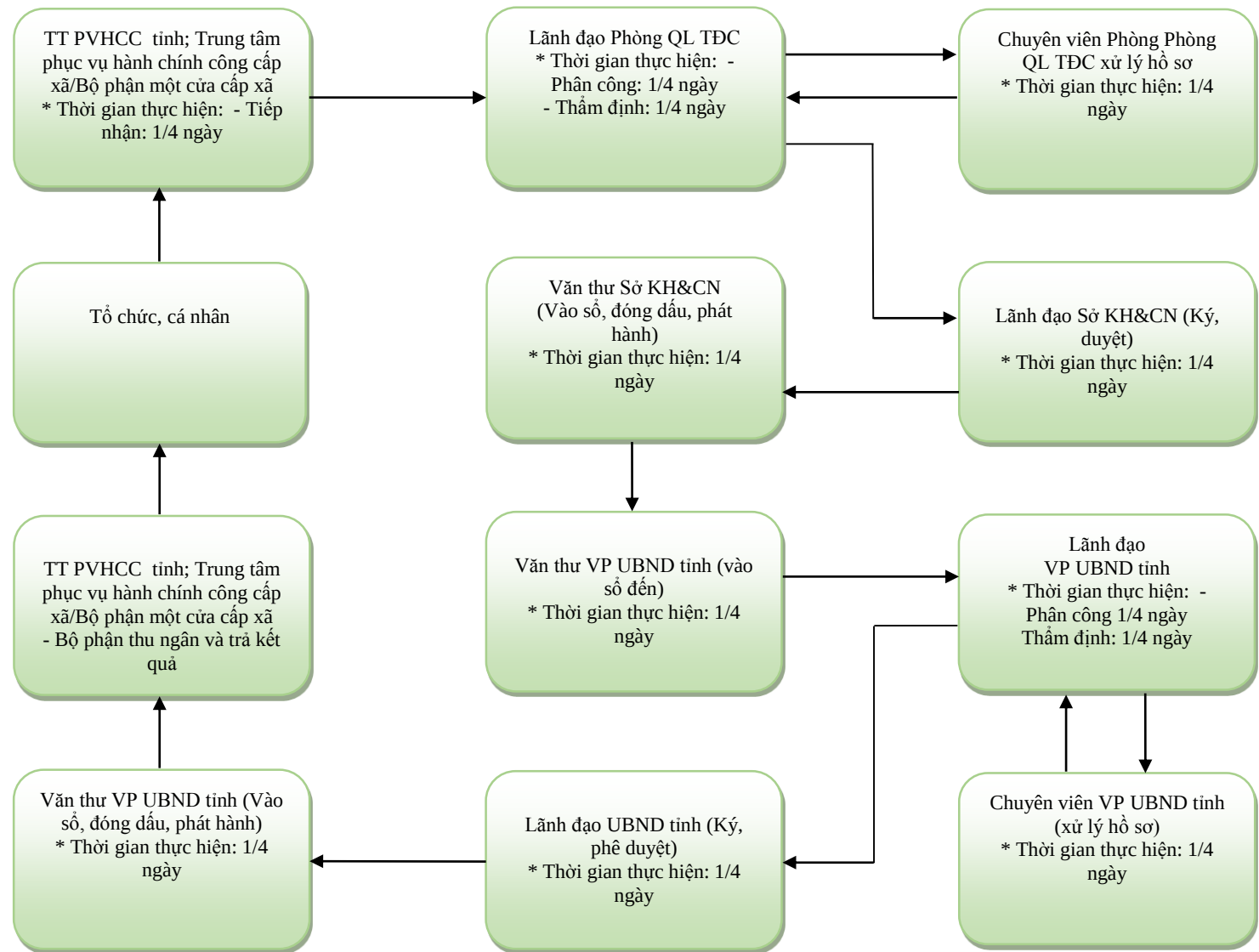


29

Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Mã TTHC:
3.000485.H35

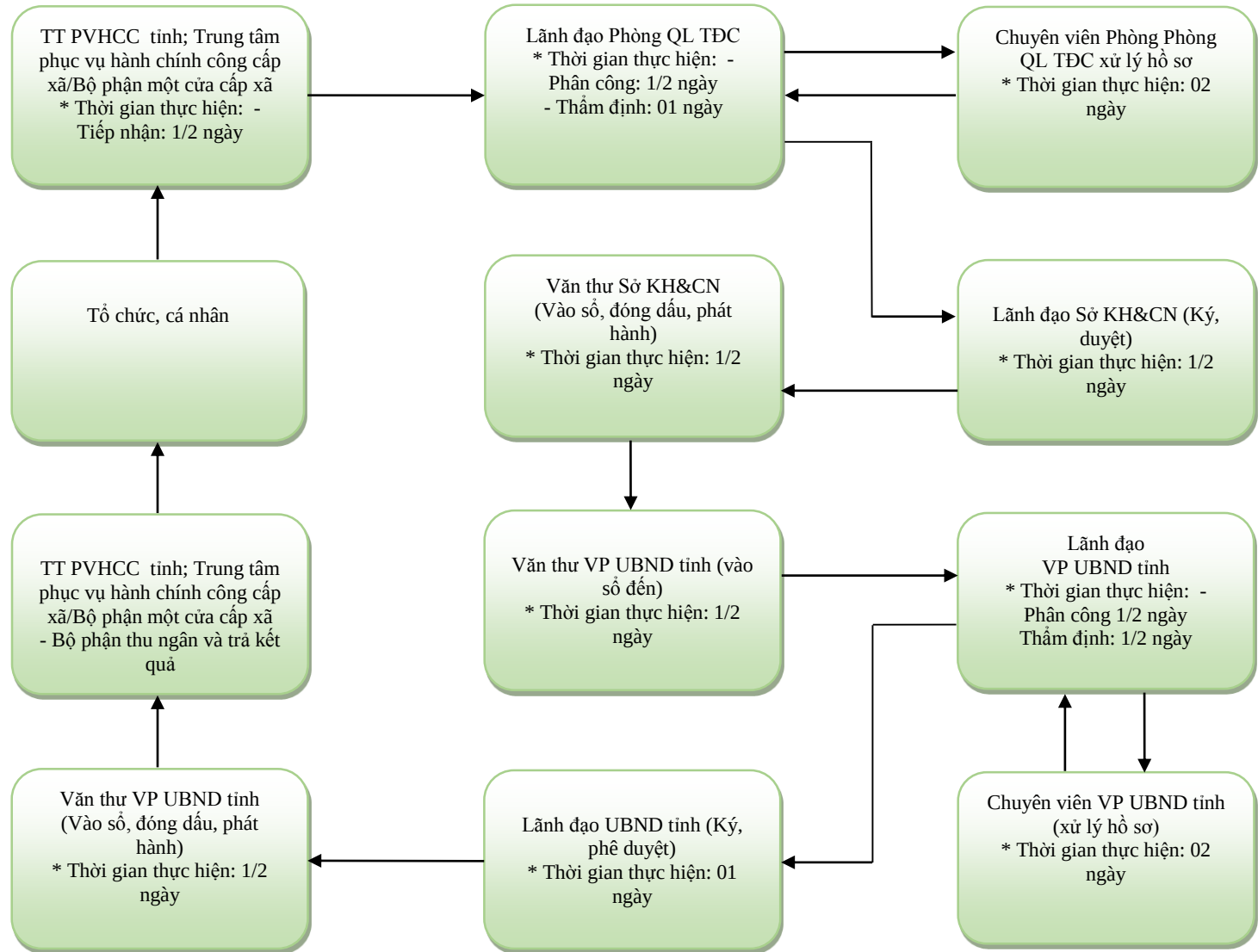


30

Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận.

- **Thời hạn giải quyết:**
10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Mã TTHC:
3.000482.H35

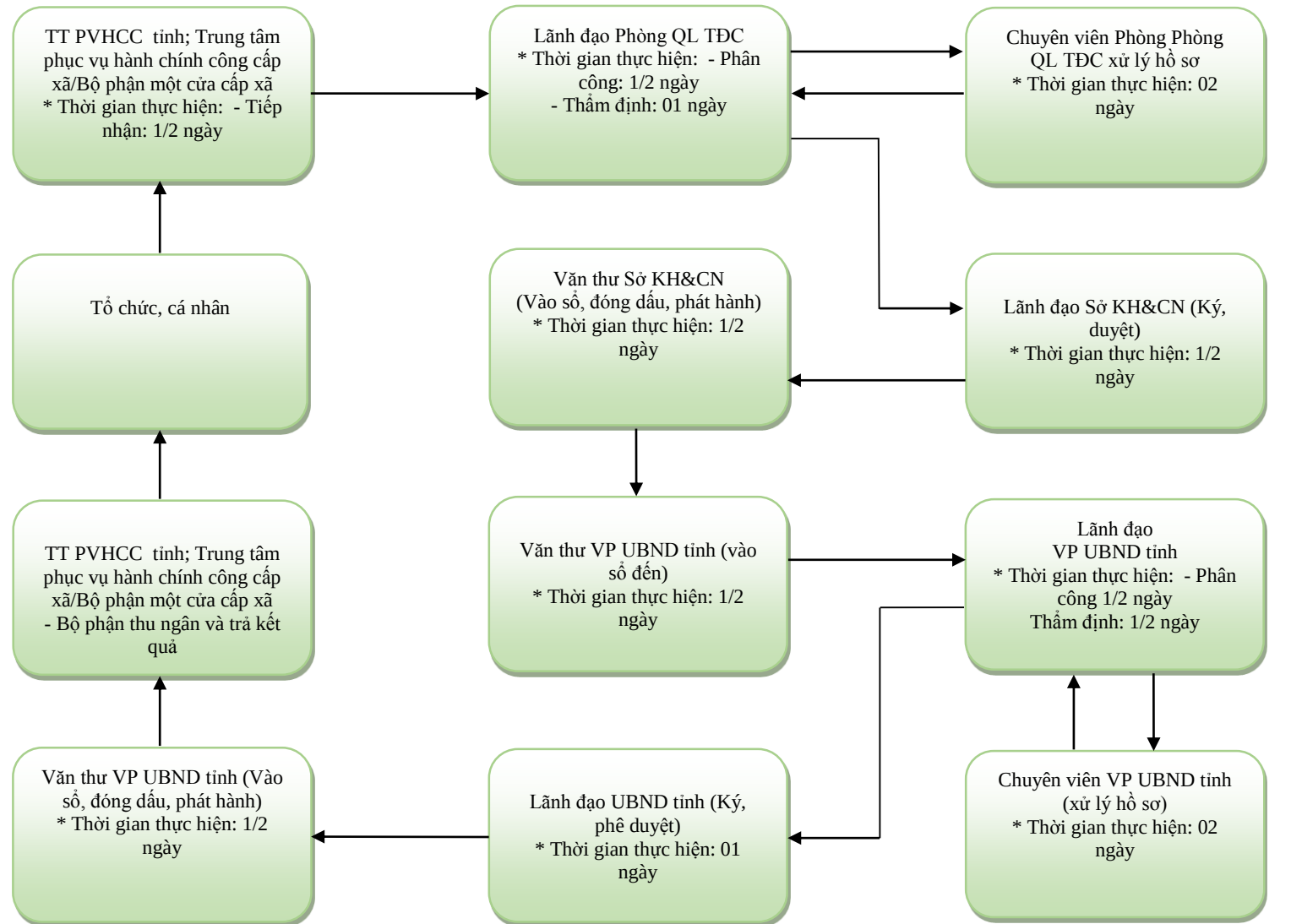


31

Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

- Thời hạn giải quyết:
10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC:
3.000483.H35

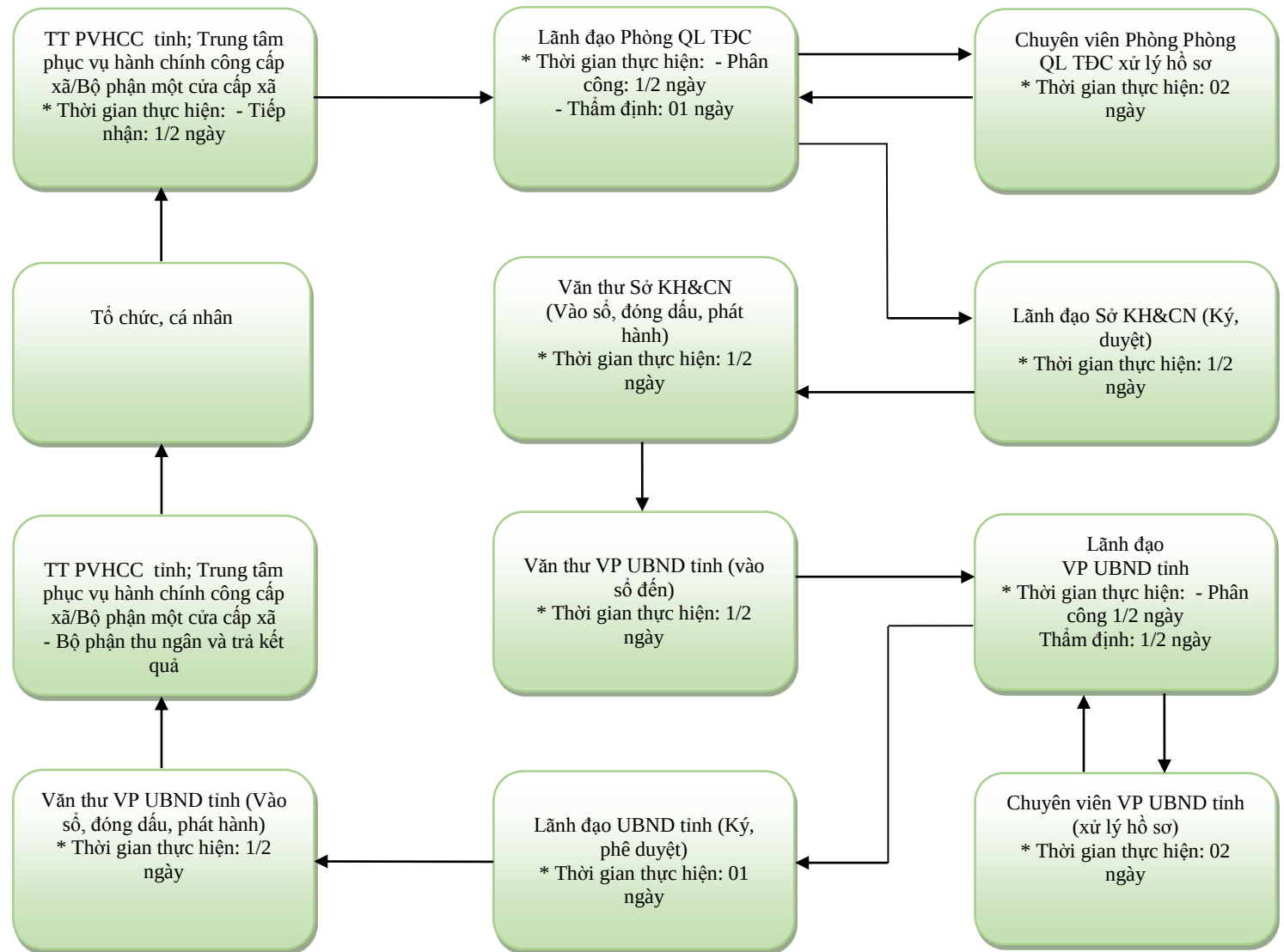


32

Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC:
3.000484.H35

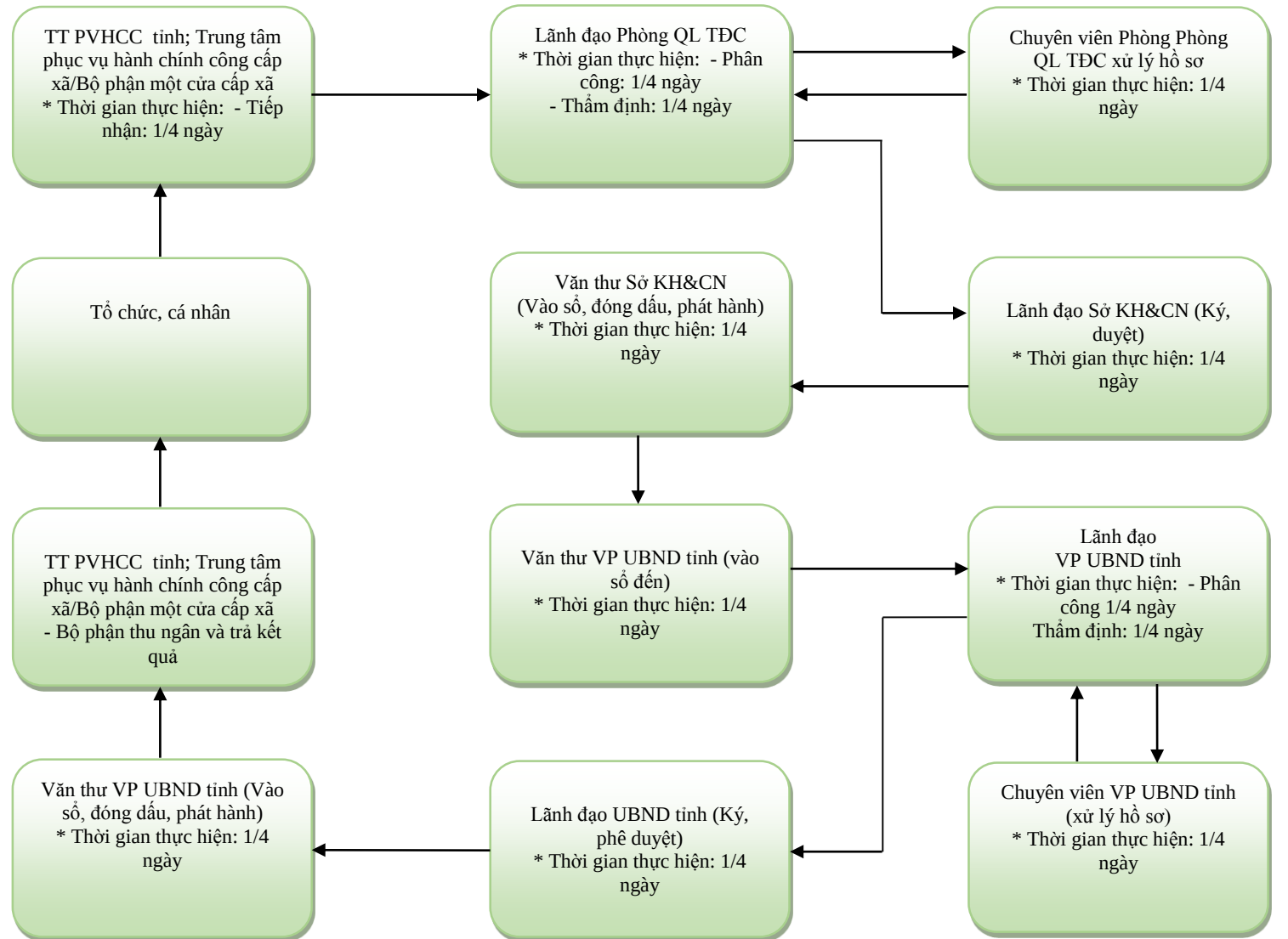


33

Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Mã TTHC:
3.000481.H35

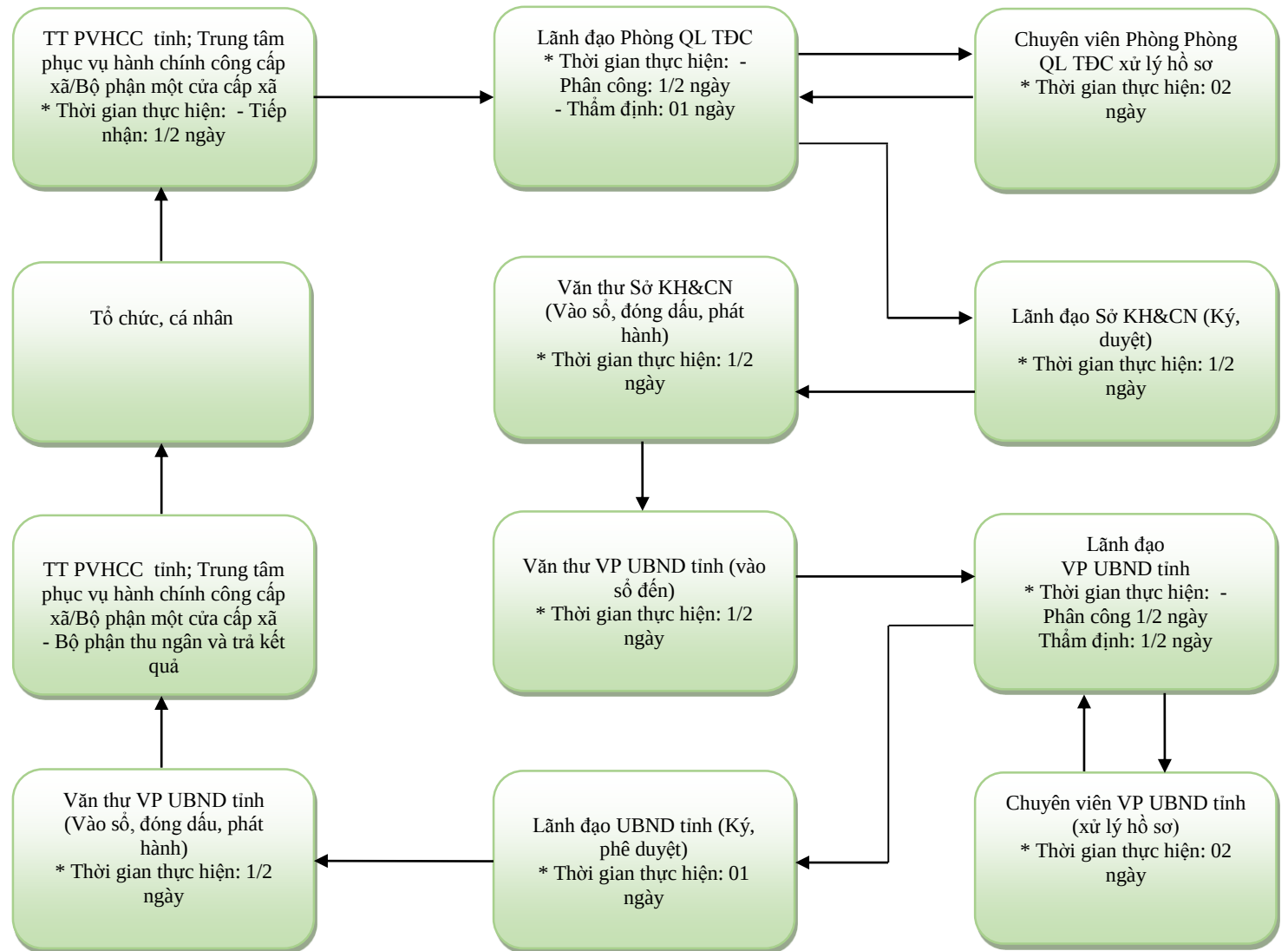


34

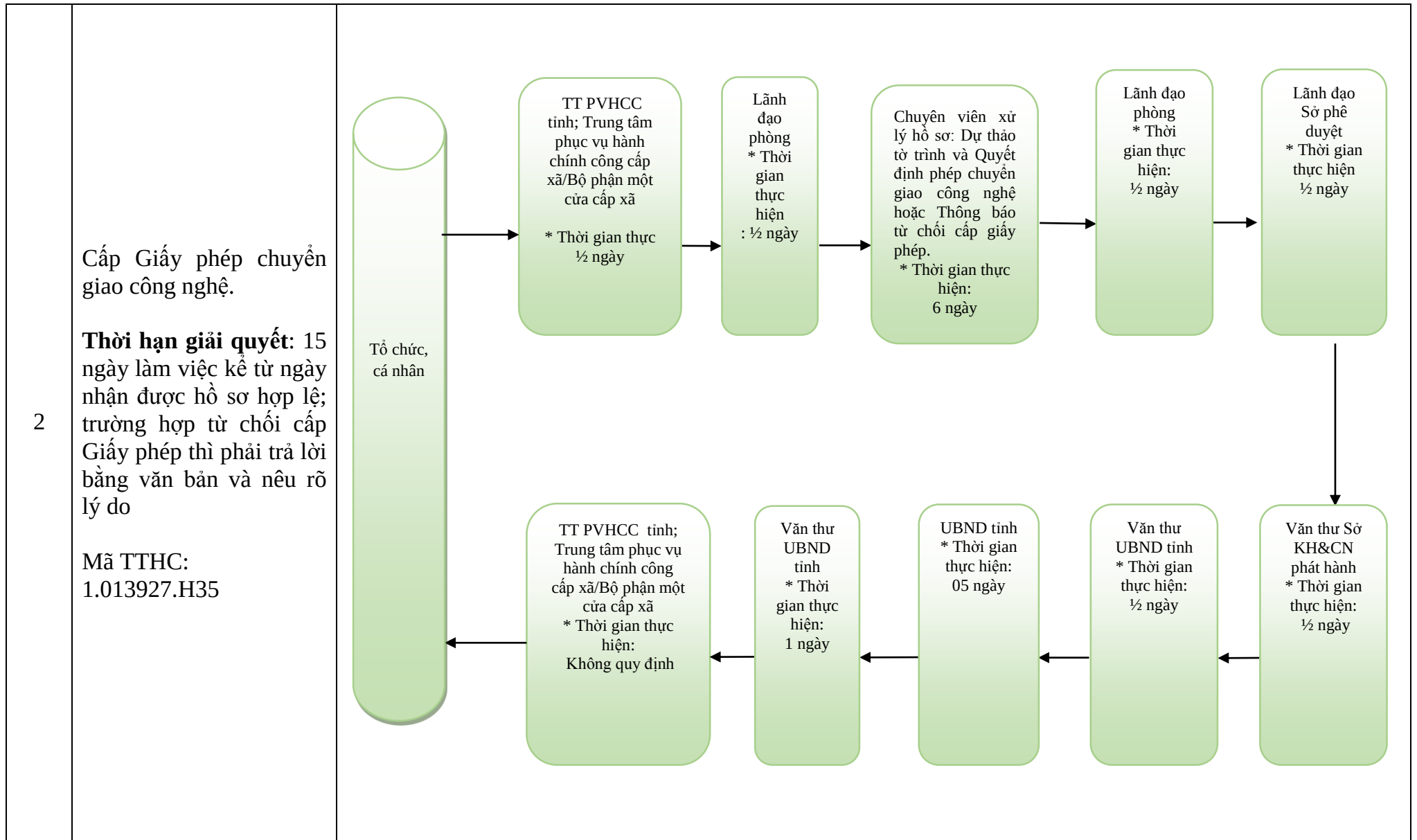
Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo.

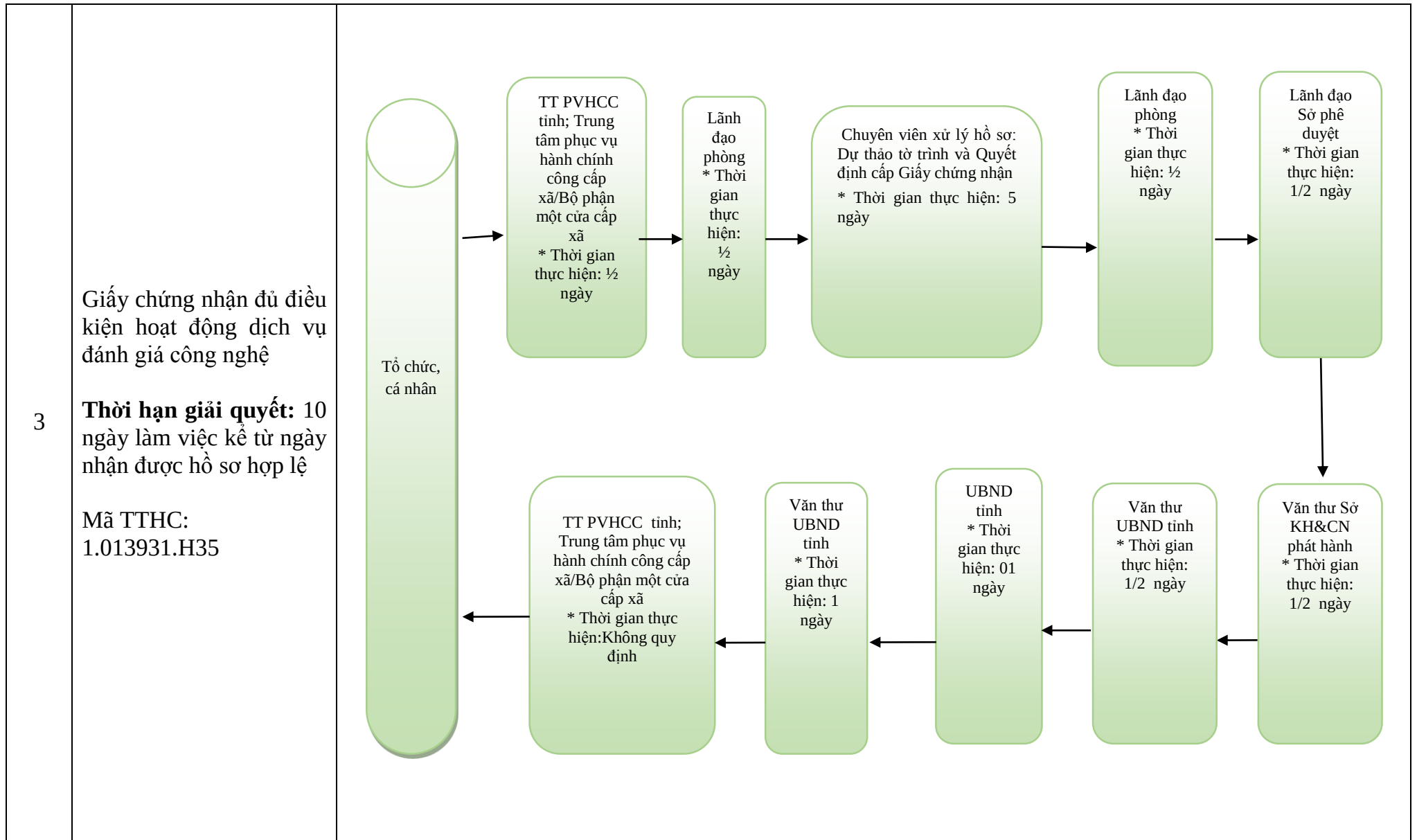
- **Thời hạn giải quyết:**
10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

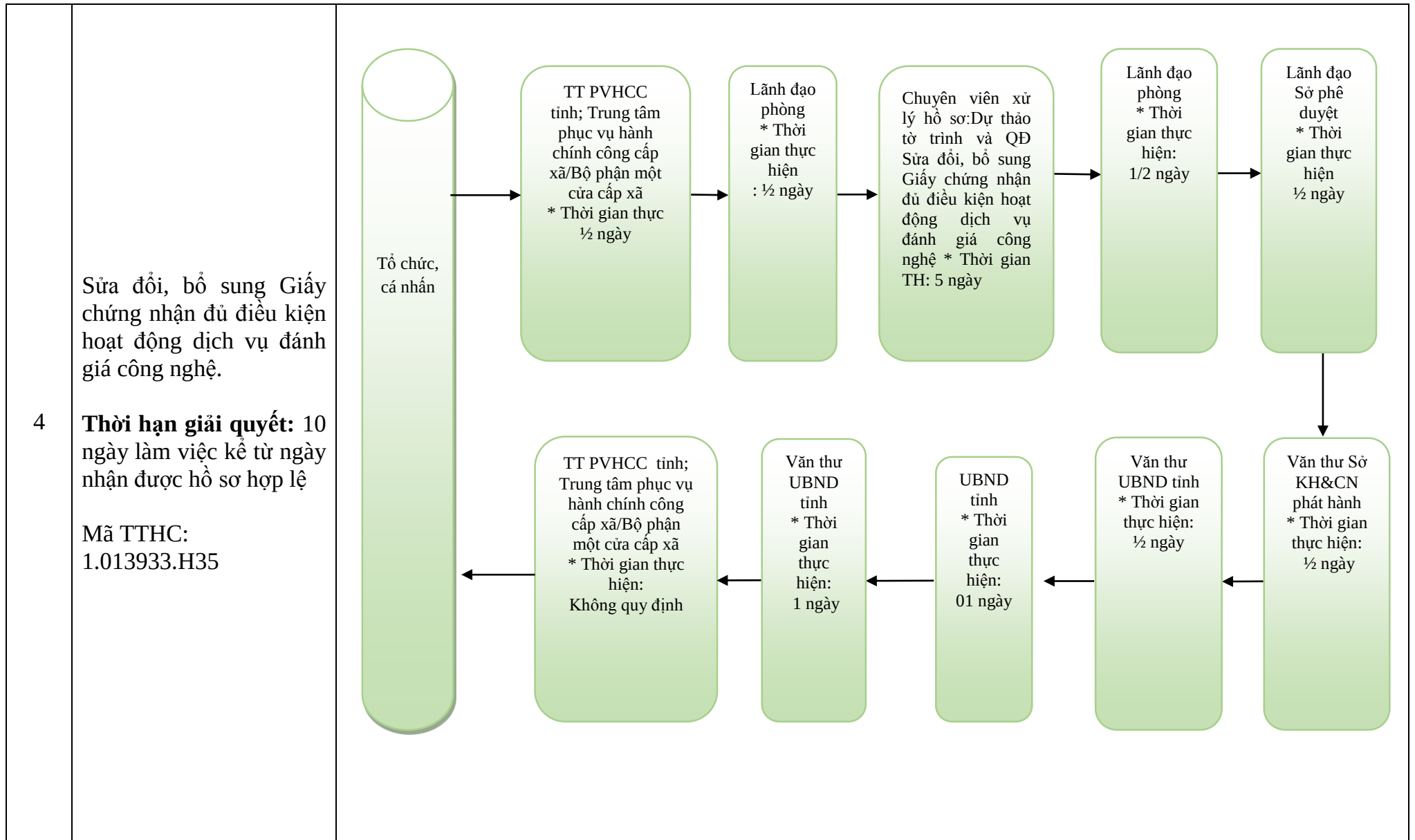
Mã TTHC:
3.000486.H35

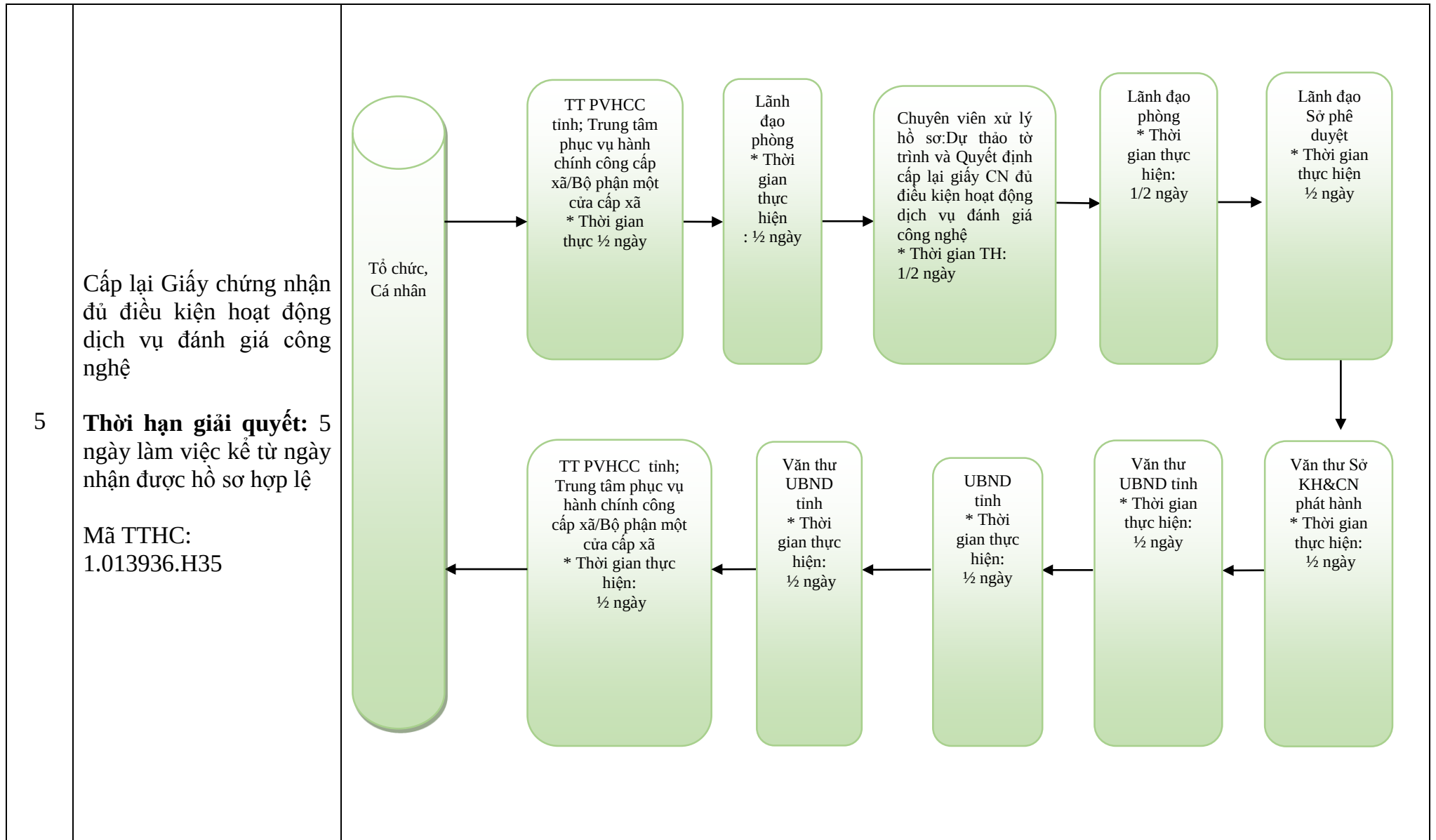


III V	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (20TTHC)	
1	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ Mã TTHC: 1.013918.H35	Tổ chức, Cá nhân TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian thực hiện: ½ ngày Lãnh đạo phòng * Thời gian thực hiện: ½ ngày Chuyên viên xử lý hồ sơ: Dự thảo tờ trình và Quyết định chấp thuận chứng chỉ hành nghề * Thời gian thực hiện: 21 ngày Lãnh đạo phòng * Thời gian thực hiện: ½ ngày Lãnh đạo Sở phê duyệt * Thời gian thực hiện: ½ ngày Văn thư Sở KH&CN phát hành * Thời gian thực hiện: ½ ngày Văn thư UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: ½ ngày UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: 05 ngày Văn thư UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: 1 ngày TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian thực hiện: Không quy định





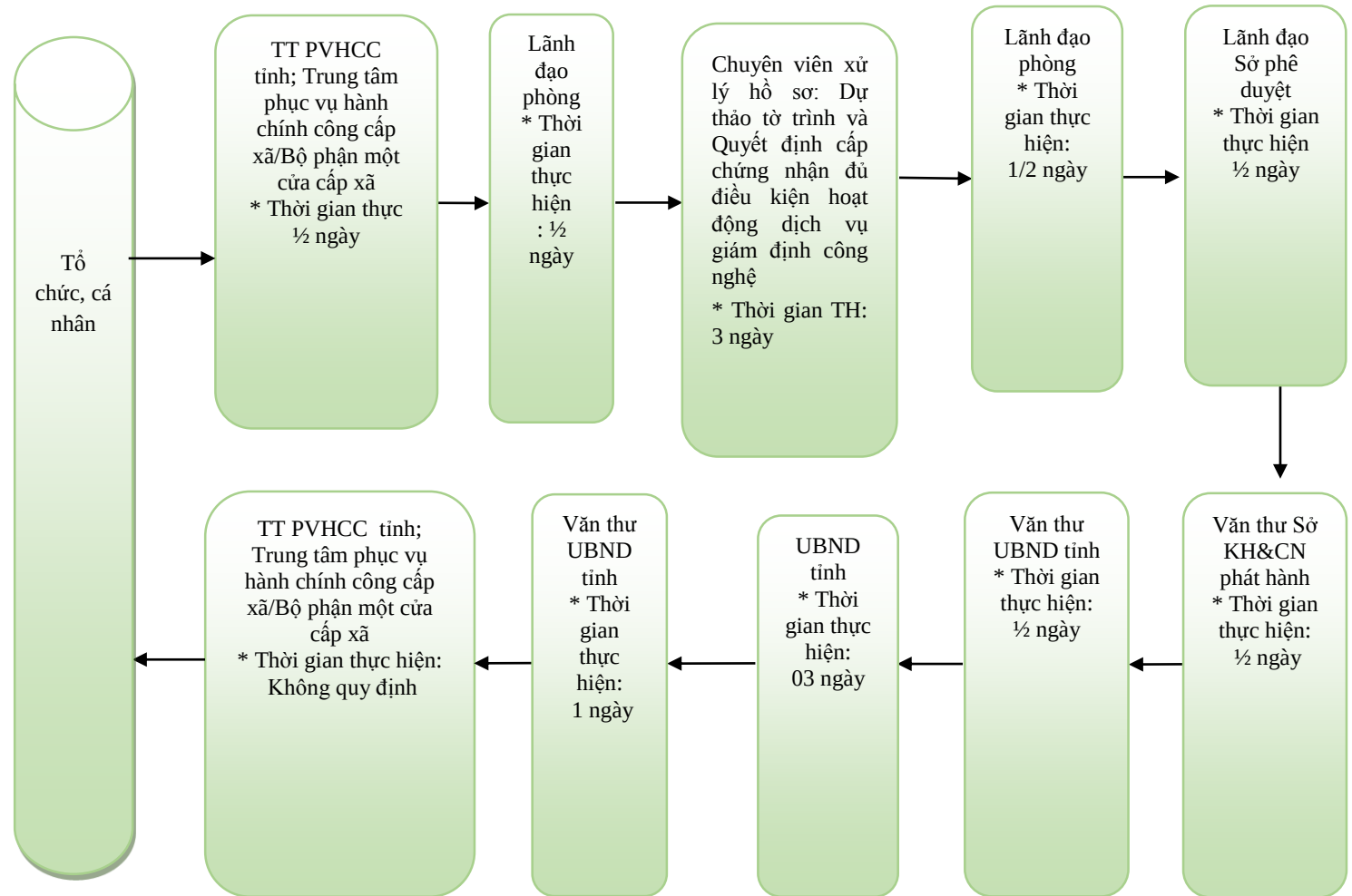


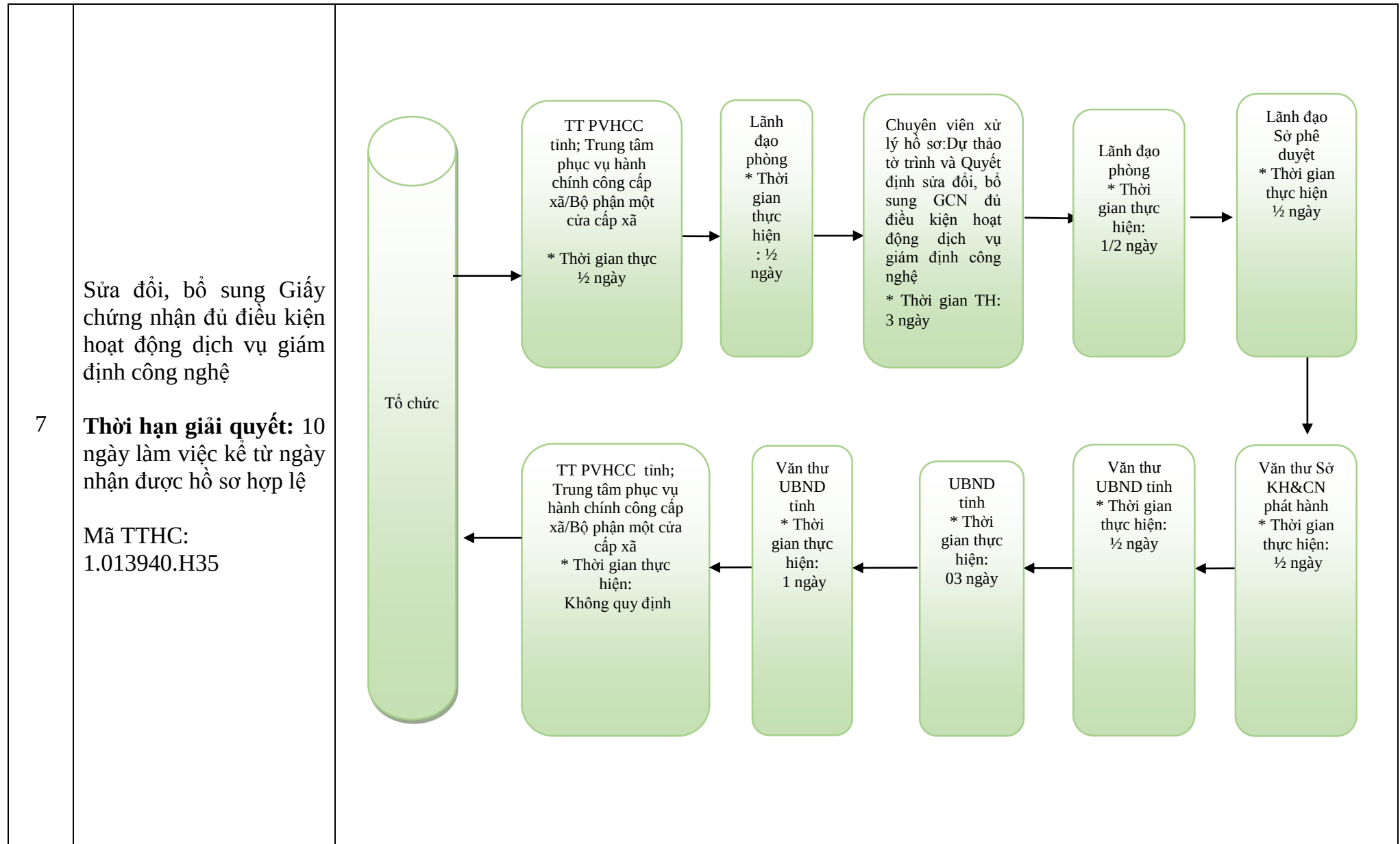


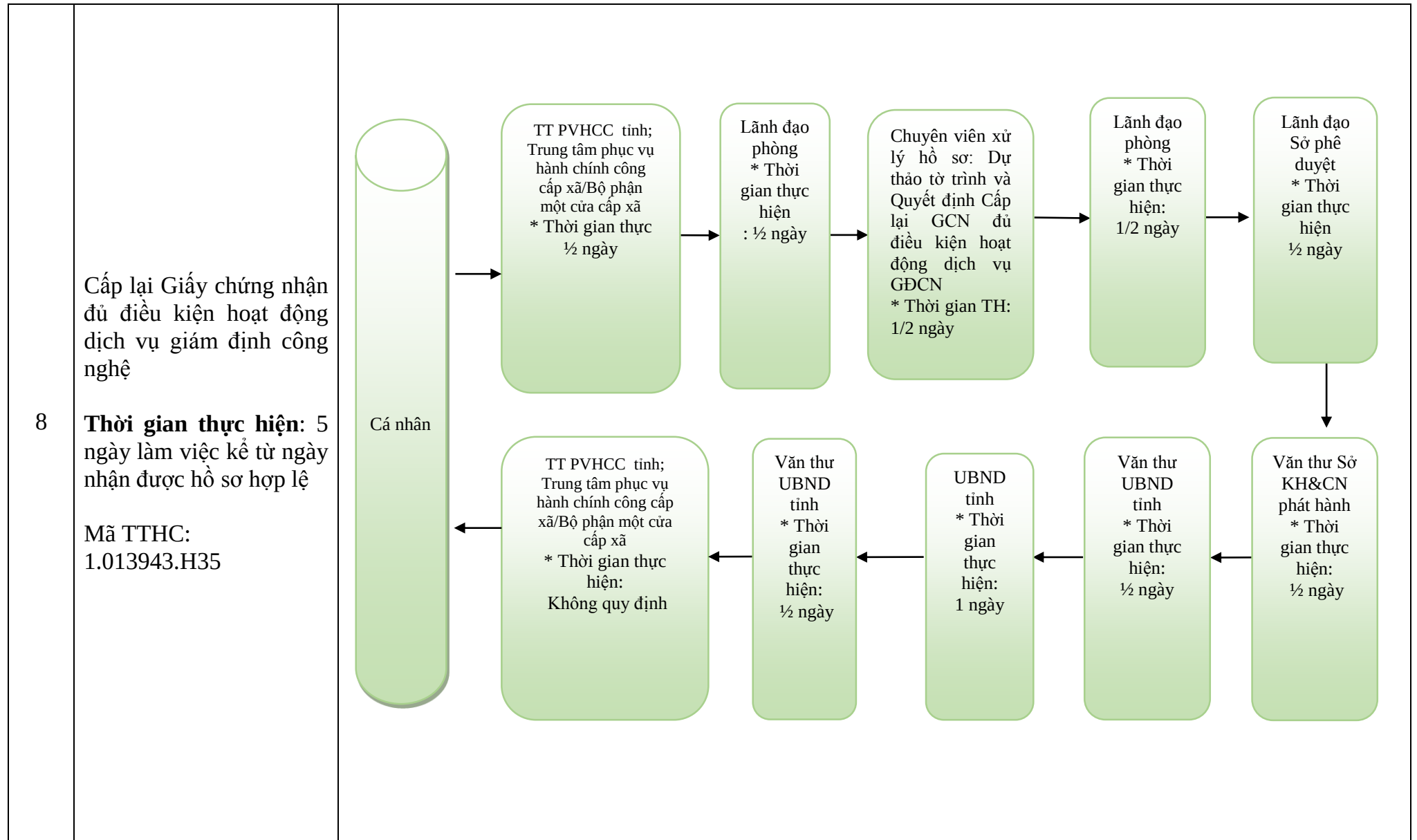
6

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ
Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Mã TTHC:
1.013939.H35





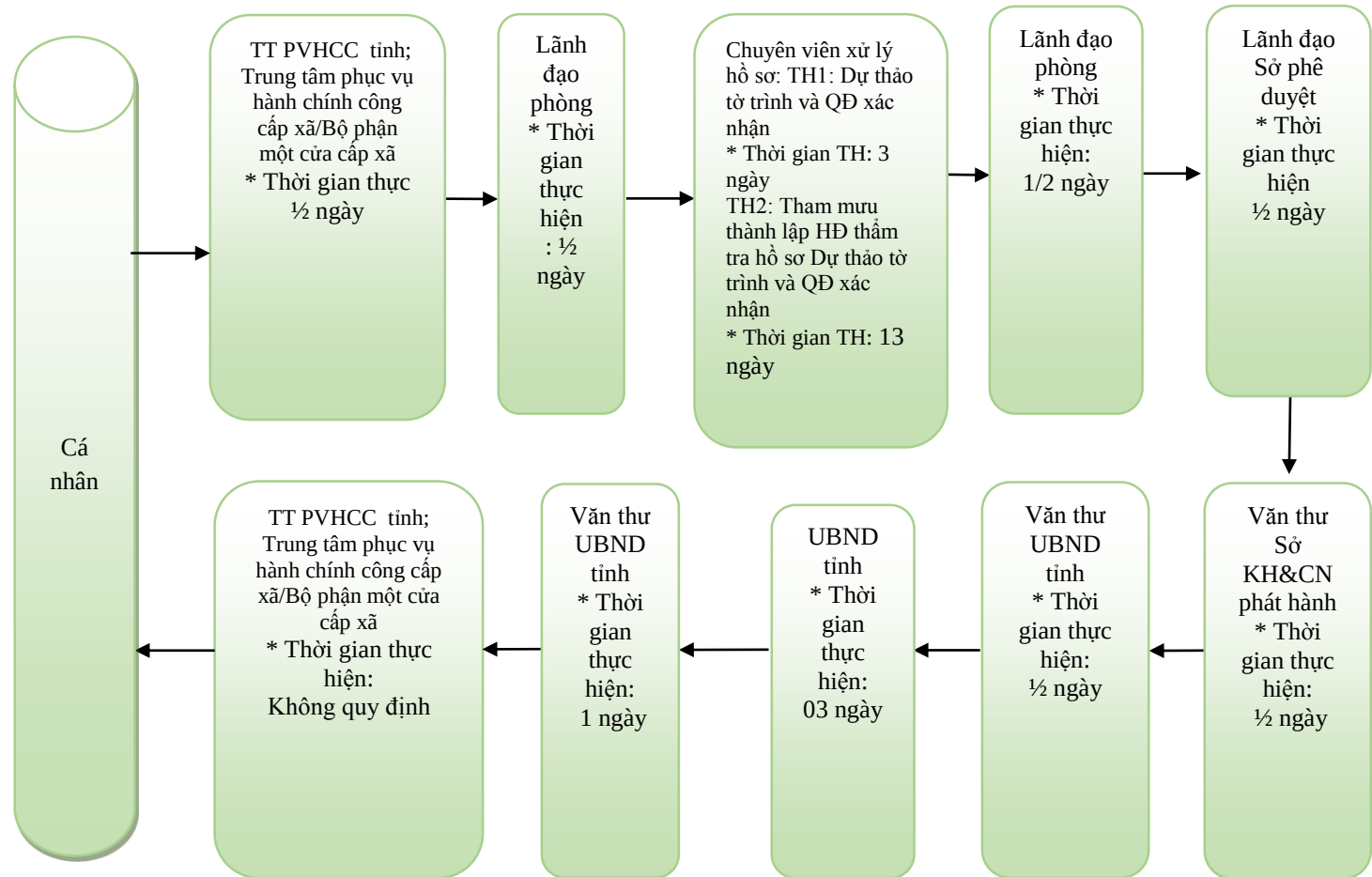


9

Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư

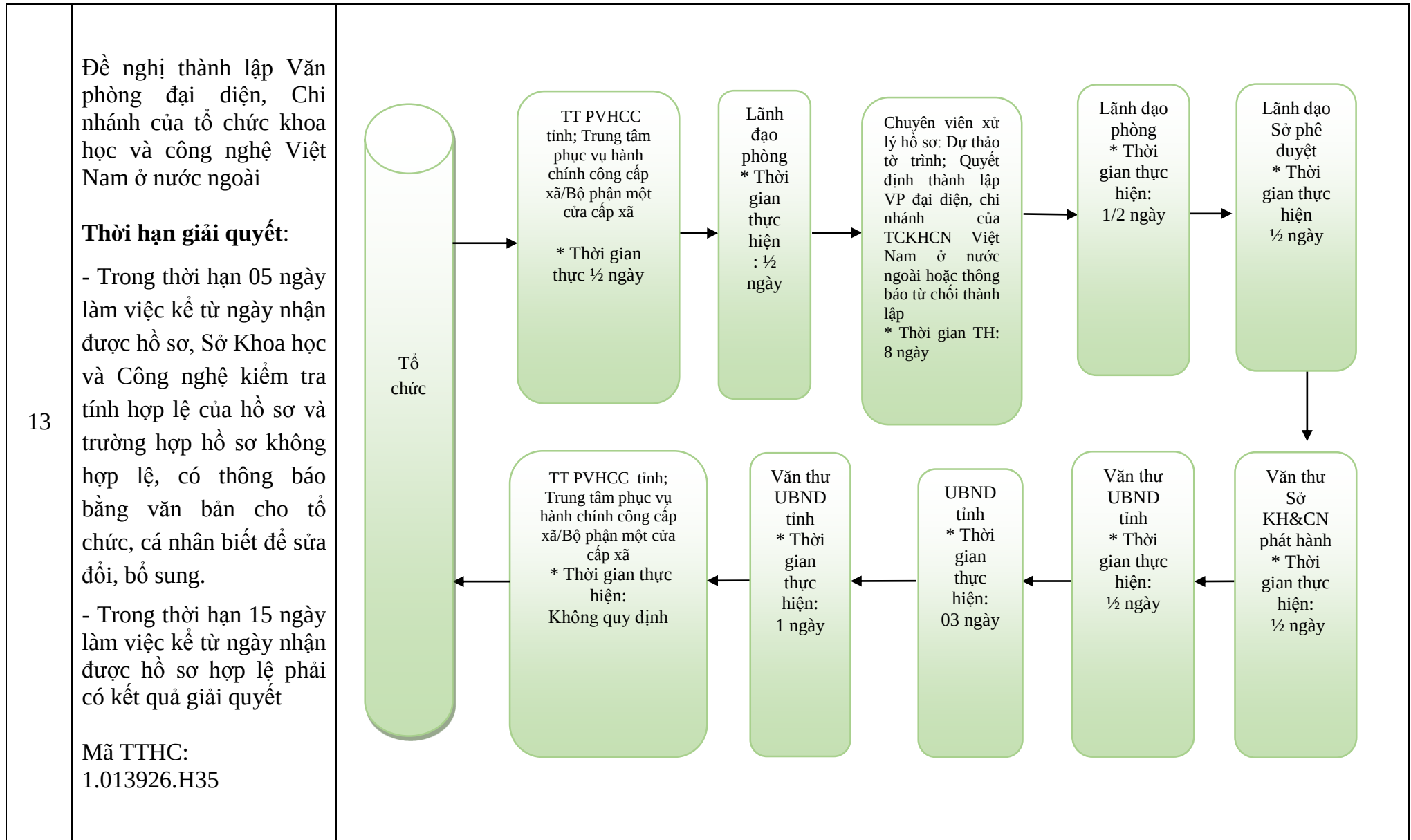
Thời gian thực hiện: 10 hoặc 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong trường hợp cần thiết thành lập hội đồng thẩm tra hồ sơ

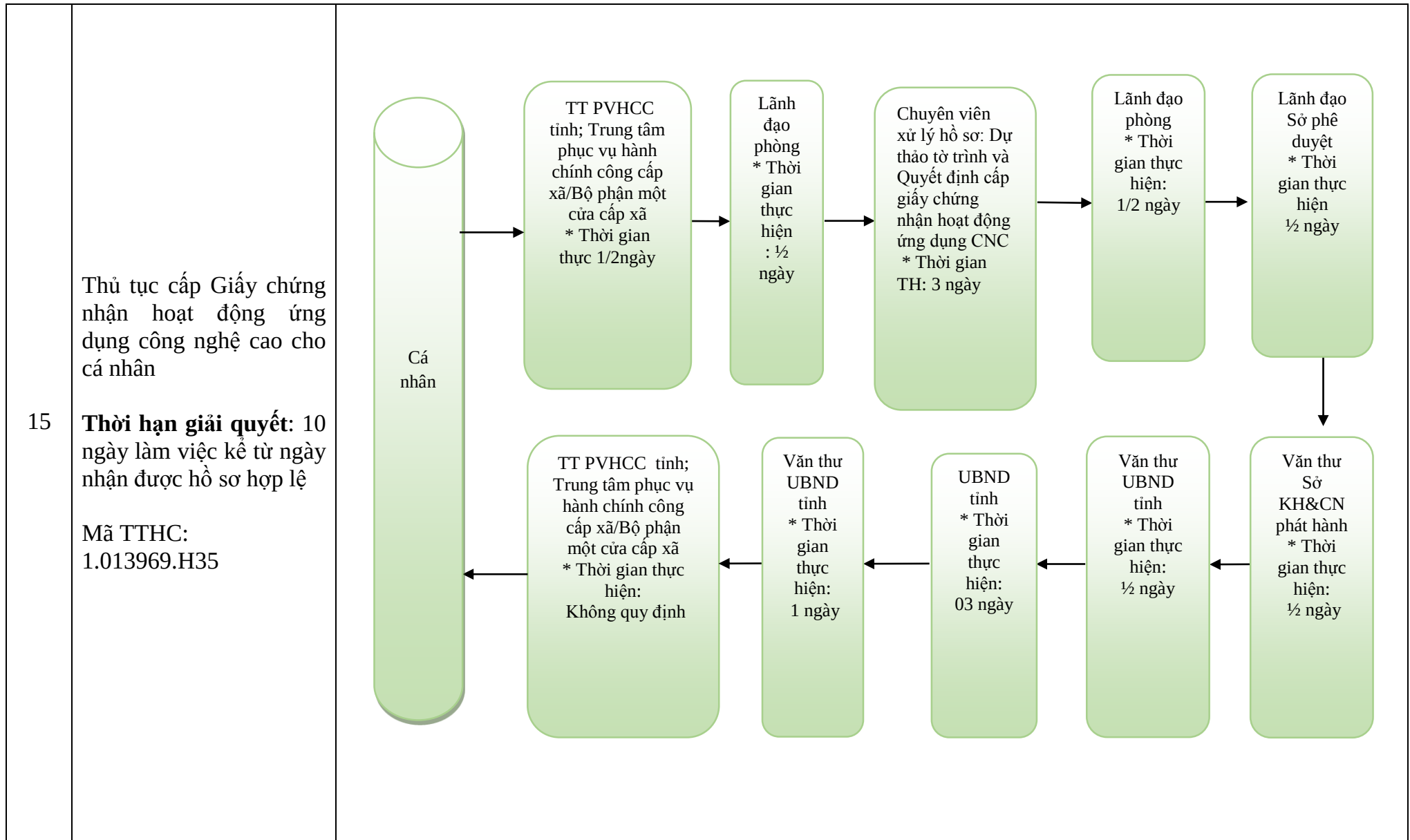
Mã TTHC:
1.013944.H35



10	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài Thời gian giải quyết: - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung. - Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ có kết quả giải quyết. Mã TTHC: 1.013938.H35	<pre> graph LR TC[Tổ chức] --> TT1[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian thực hiện: ½ ngày] TT1 --> LP1[Lãnh đạo phòng * Thời gian thực hiện: ½ ngày] LP1 --> CV[Chuyên viên xử lý hồ sơ: Dự thảo tờ trình và quyết định phê duyệt điều lệ của tổ chức KHCN có vốn nước ngoài hoặc Thông báo từ chối * Thời gian TH: 11 ngày] CV --> LP2[Lãnh đạo phòng * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] LP2 --> LP3[Lãnh đạo Sở phê duyệt * Thời gian thực hiện: ½ ngày] LP3 --> VT1[Văn thư Sở KH&CN phát hành * Thời gian thực hiện: ½ ngày] VT1 --> VT2[Văn thư UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: ½ ngày] VT2 --> UBND[UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: 05 ngày] UBND --> VT3[Văn thư UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: ½ ngày] VT3 --> TT2[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian thực hiện: Không quy định] TT2 --> TC </pre>
----	--	---

11	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam Thời gian giải quyết: - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trường hợp hồ sơ không hợp lệ, có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để sửa đổi, bổ sung. - Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ có kết quả giải quyết. Mã TTHC: 1.013941.H35	<pre> graph LR TC[Tổ chức] --> TT1[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian thực hiện: ½ ngày] TT1 --> LD1[Lãnh đạo phòng * Thời gian thực hiện: ½ ngày] LD1 --> CV[Chuyên viên xử lý hồ sơ: Dự thảo tờ trình và Quyết định Cấp phép thành lập cho tổ chức hoặc thông báo từ chối cấp giấy phép * Thời gian TH: 21 ngày] CV --> LD2[Lãnh đạo phòng * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] LD2 --> LD3[Lãnh đạo Sở phê duyệt * Thời gian thực hiện: ½ ngày] LD3 --> VT1[Văn thư Sở KH&CN phát hành * Thời gian thực hiện: ½ ngày] VT1 --> VT2[Văn thư UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: ½ ngày] VT2 --> UBND[UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: 05 ngày] UBND --> VT3[Văn thư UBND tỉnh * Thời gian thực hiện: 1 ngày] VT3 --> TT2[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian thực hiện: Không quy định] TT2 --> TC </pre>
----	--	---



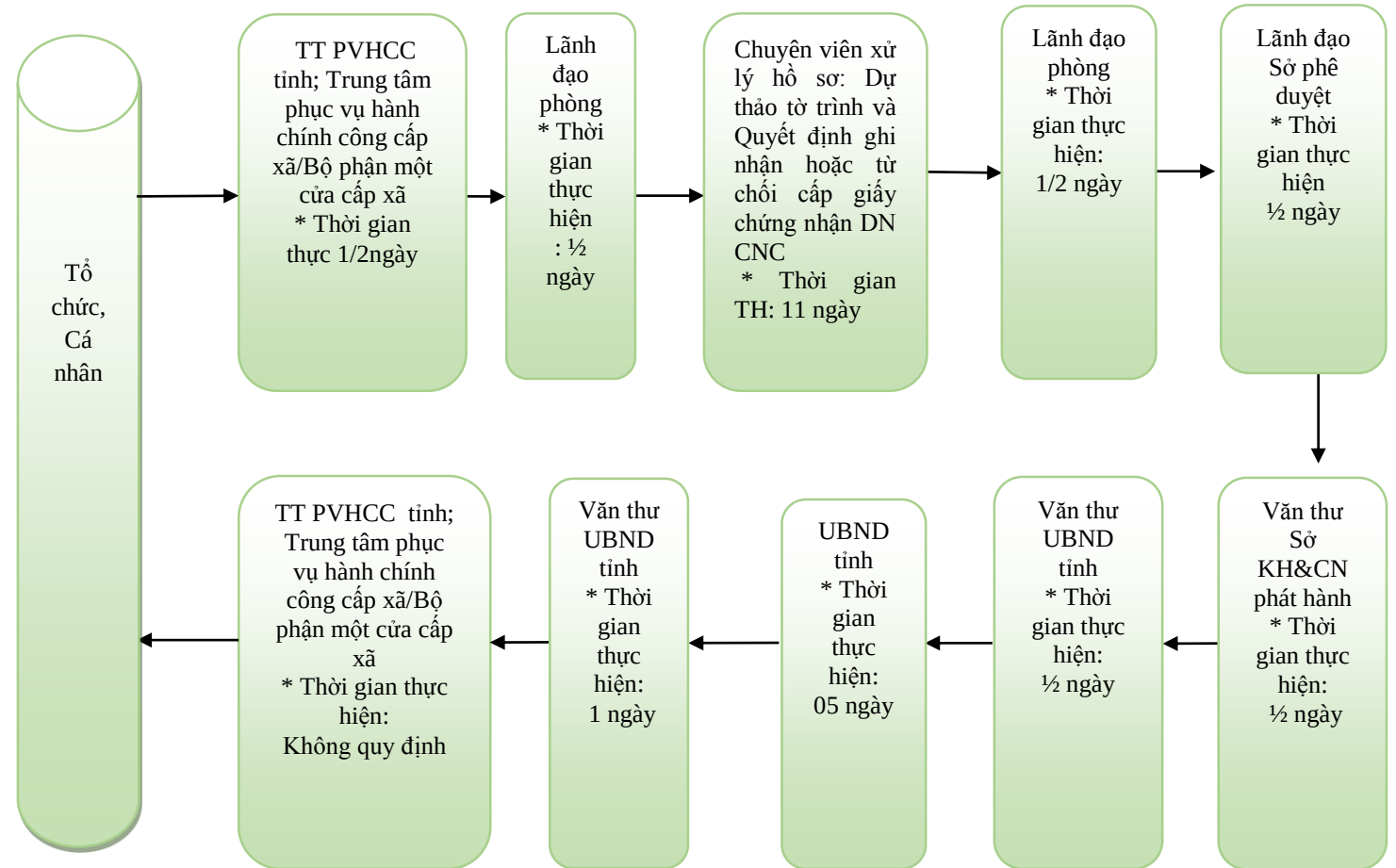


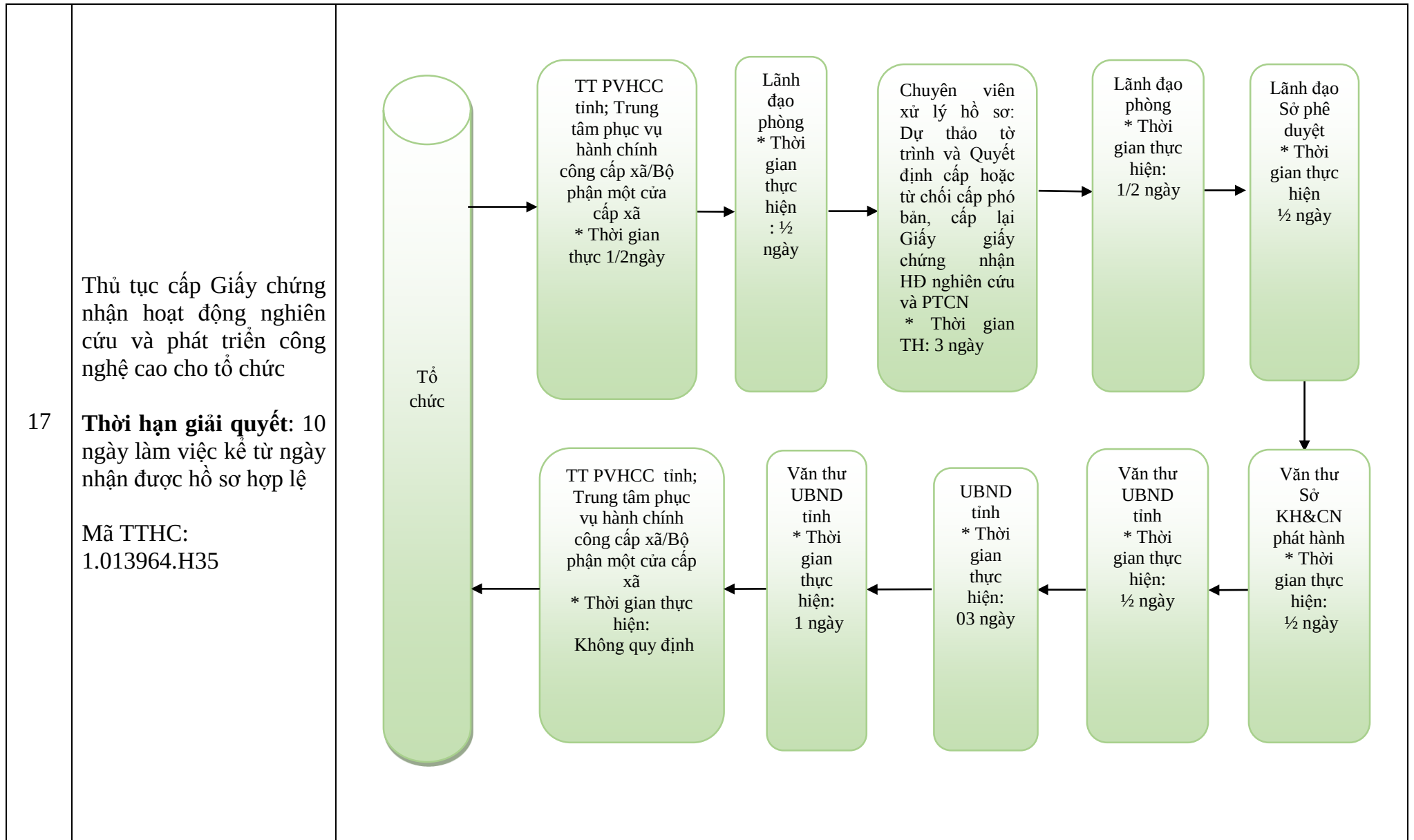
16

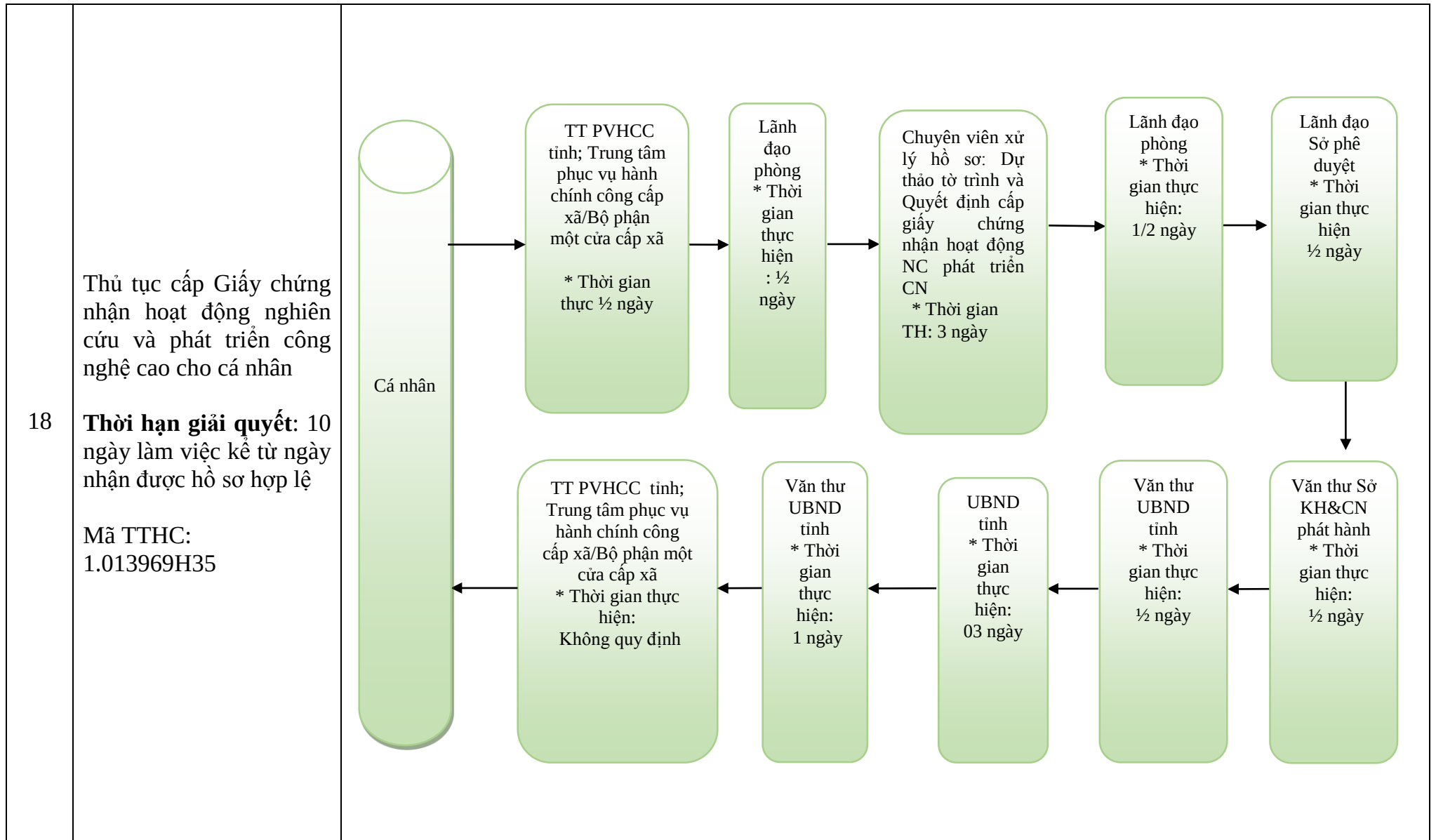
Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao

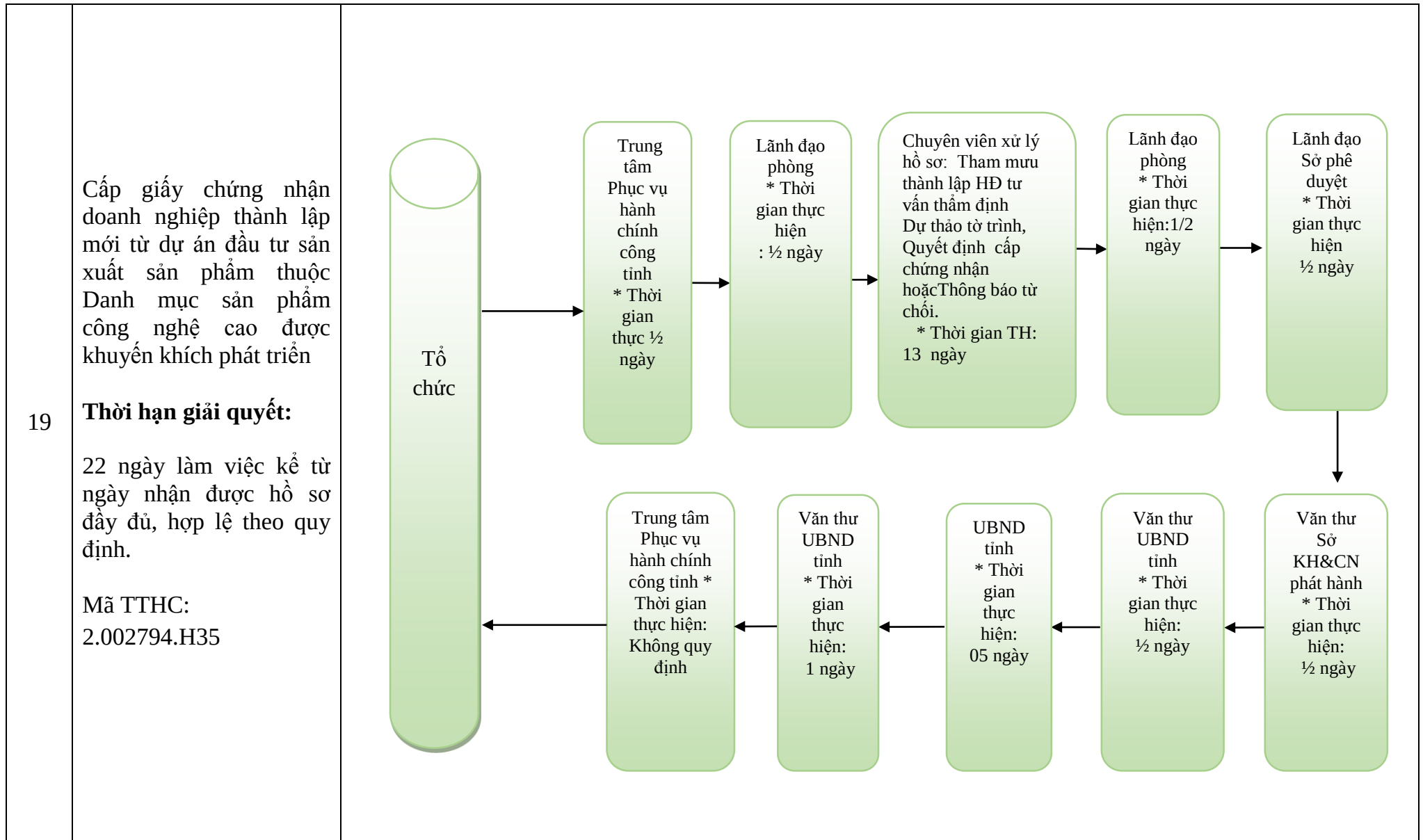
Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Mã TTHC:
1.013961.H35









20

Cấp giấy chứng nhận cơ sở ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao

Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

Mã TTHC:
2.002795.H35

